

**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG
(PETROMEKONG)**



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của cơ sở
“KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU LONG ĐỨC”
Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh,
tỉnh Trà Vinh**

Trà Vinh, tháng năm 2023

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG
(PETROMEKONG)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
Của cơ sở
“KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU LONG ĐỨC”

CHỦ CƠ SỞ:
CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG
GIÁM ĐỐC *R.N*



Đào Đình Thiêm

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ & CÔNG
NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN
GIÁM ĐỐC



Lê Chí Linh

Trà Vinh, tháng năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH SÁCH BẢNG.....	v
DANH SÁCH HÌNH.....	vii
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
3.2 Công suất sản xuất của cơ sở	2
3.2.1 Quy trình hoạt động của Cơ sở.....	3
3.2.2 Thuyết minh quy trình	3
3.3 Sản phẩm của cơ sở	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
4.1. Nguyên, nhiên liệu.....	6
4.2 Nhu cầu sử dụng hóa chất.....	6
4.3. Nhu cầu cấp điện, nước	6
4.4. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	10
5.1. Vị trí địa lý.....	10
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở	12
5.3 Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở.....	16
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	18
2.1 Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước:.....	18
2.2 Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường không khí.....	21
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	24

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

1.1 Thu gom, thoát nước mưa.....	24
1.2 Thu gom, thoát nước thải.....	25
1.3 Xử lý nước thải	27
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	31
2.1 Giảm thiểu hơi xăng dầu tại khu vực kho chứa.....	31
2.2 Giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải	33
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	34
3.1 Chất thải rắn sinh hoạt	34
3.2 Chất thải công nghiệp thông thường.....	34
4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại	34
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	36
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	36
6.1 Sự cố cháy nổ.....	36
6.2 Phòng chống sét.....	40
6.3 Kỹ thuật an toàn về điện	40
6.4 Xử lý sự cố tràn dầu.....	41
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	42
7.1 Tai nạn lao động	42
7.2 Sự cố tham gia giao thông	43
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	43
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này).	44
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.....	44
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	45
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	45
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	46
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	47
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	48
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	48
1.1 Quan trắc định kỳ đối với nước thải	48
1.2 Quan trắc định kỳ đối với nước mặt	50
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.....	52
2.1 Kết quả quan trắc không khí định kỳ năm 2022.....	52

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

2.2 Kết quả quan trắc không khí định kỳ 02 quý đầu năm 2023	55
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA	57
CƠ SỞ	57
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	57
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	57
2.1 Chương trình quan trắc định kỳ	57
2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	57
2.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	57
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	58
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	59
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	60
PHỤ LỤC	61

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	:	Bộ xây dựng
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
NĐ-CP	:	Nghị định Chính phủ
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	:	Ủy ban nhân dân
Công ty	:	Công ty CP Dầu khí Mê Kông

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1	Danh mục xăng, dầu chứa tại cơ sở	2
Bảng 1.2	Trữ lượng xăng dầu nhập tại Kho:	6
Bảng 1.3	Danh mục máy móc thiết bị	8
Bảng 1.4	Danh sách các thiết bị PCCC tại cơ sở	8
Bảng 1.5	Danh sách phương tiện PCCC tại cơ sở.....	9
Bảng 1.6	Danh sách các thiết bị điện	9
Bảng 1.7	Tọa độ địa lý các điểm góc của cơ sở	10
Bảng 1.8	Các hạng mục công trình của cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức bao gồm:	12
Bảng 2.1	Phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý (Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải):.....	18
Bảng 2.2	Phân tích chất lượng nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải:	18
Bảng 2.3	Giá trị L_{td} của các thông số ô nhiễm	19
Bảng 2.4	Giá trị L_{nn} của các thông số ô nhiễm.....	20
Bảng 2.5	Giá trị L_{tt} của các thông số ô nhiễm.....	20
Bảng 2.6	Giá trị L_{tn} của các thông số ô nhiễm.....	21
Bảng 2.7	Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh	21
Bảng 3.1	Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải nhiễm dầu	26
Bảng 3.2	Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại.....	28
Bảng 3.3	Lượng mưa trung bình tháng năm 2020	29
Bảng 3.4	Nồng độ các chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện dự phòng	33
Bảng 3.5	Thống kê chất thải nguy hại	35
Bảng 3.6	Phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu tại cơ sở:	41
Bảng 3.7	Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	43
Bảng 4.1	Thông số giới hạn và nồng độ chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt	45
Bảng 4.2	Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải:	46
Bảng 4.3	Nồng độ khí thải do xe hai bánh phát ra	46
Bảng 4.4	Thành phần khí thải của các phương tiện xe tải, xe bồn, xe ô tô.....	47
Bảng 4.5	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép của tiếng ồn tại cơ sở:.....	47
Bảng 5.1	Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022	48
Bảng 5.2	Kết quả phân tích chất lượng nước thải của 2 quý đầu năm 2023.....	49
Bảng 5.3	Kết quả quan trắc nước mặt năm 2022	50
Bảng 5.4	Kết quả quan trắc nước mặt 2 quý đầu năm 2023	51

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Bảng 5.5 Kết quả phân tích vi khí hậu tại cơ sở năm 2022.....	52
Bảng 5.6 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2022.....	53
Bảng 5.7 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2022.....	53
Bảng 5.8 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 3 năm 2022.....	53
Bảng 5.9 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 4 năm 2022.....	53
Bảng 5.10 Kết quả quan trắc vi khí hậu định kỳ 02 quý đầu năm 2023.....	55
Bảng 5.11 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2023.....	55
Bảng 5.12 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2023.....	55

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1 Quy trình hoạt động của kho	3
Hình 1.2 Quy trình nhập xăng dầu tại cầu cảng	4
Hình 1.3 Quy trình xuất xăng dầu cho xe bồn.....	5
Hình 1.4 Sơ đồ vị trí Cơ sở trên bản đồ vệ tinh.....	11
Hình 3.1 Sơ đồ thu gom nước mưa không nhiễm dầu của Kho	24
Hình 3.2 Quy trình thu gom và thoát nước thải.....	25
Hình 3.3 Quy trình xử lý của bể tự hoại 03 ngăn	27
Hình 3.4 Quy trình vận hành bể gạn dầu.....	31

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG (PETROMEKONG)
- Địa chỉ văn phòng: Số 60-62 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông Đào Đình Thiêm.
- Điện thoại: 02923.810.817
- Mã số thuế: 1800277683
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800277683 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 22/06/2022.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **“KHO TRUNG CHUYỂN XĂNG DẦU LONG ĐỨC”**
- Địa điểm cơ sở: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 02943.853.278.
- Các quyết định, giấy phép liên quan tới môi trường của cơ sở đã được cấp như sau:
 - + Quyết định số 890/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường về việc xây dựng Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh do UBND tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10/06/2008.
 - + Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại của Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức (thuộc Công ty CP Dầu khí Mê Kông) mã số QLCTNH: 84.000027.T cấp ngày 25/04/2012.
 - + Quyết định số 1638/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển xăng dầu Trà Vinh ngày 30/08/2017.
 - + Công văn số 115/NT-PC07 của Phòng Cảnh Sát PCCC và CNCH Công An tỉnh Trà Vinh về việc kiểm tra nghiệm thu PCCC công trình: “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức, hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động”.
- Quy mô cơ sở: Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 32.270.500.000 (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng), thuộc nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công dự án kho tàng có tổng vốn đầu tư dưới 45 tỷ (theo khoản 4, điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14). Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 25, số thứ tự 04 Mục I Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức thuộc mục dự án đầu tư nhóm II.
- Căn cứ khoản 2 điều 39 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường. Căn cứ điểm c, khoản 3, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020, cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh phê duyệt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, do đó cơ sở thuộc trường hợp phải có Giấy phép môi trường do UBND tỉnh cấp. Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2009 vì vậy Công ty CP Dầu khí Mê Kông thực hiện hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ Môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh xem xét thẩm định và cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở đang hoạt động với dung tích chứa là 1.800m³ có tổng diện tích 4.753 m².

Tổng số bể chứa là 11 bể trong đó có 2 khu vực gồm:

Khu vực 01: Khu bể trụ nằm ngang gồm có các bồn chứa xăng 100m³ được đặt chìm và nằm ngang ½.

Khu vực 02: Khu bể trụ đứng là bể chứa dầu DO dung tích 800m³.

Cơ sở chủ yếu lưu trữ: xăng E5 RON92, dầu DO, RON95.

Bảng 1.1 Danh mục xăng, dầu chứa tại cơ sở

STT	Sản phẩm	Số bể	Thể tích bể m³	Sức chứa m³
1	Bể chứa xăng E5 RON92	02	100	200
2	Bể chứa xăng RON95	06	100	600
3	Bể chứa dầu DO	01	800	800
	Tổng	11		1 600

Nhân sự gồm có 05 người làm việc xuyên suốt tại cơ sở, trong đó có 01 nhân viên ở lại trực ca đêm:

+ Trưởng Kho: 01 người;

+ Kế toán: 01 người;

+ Nhân viên: 03 người;

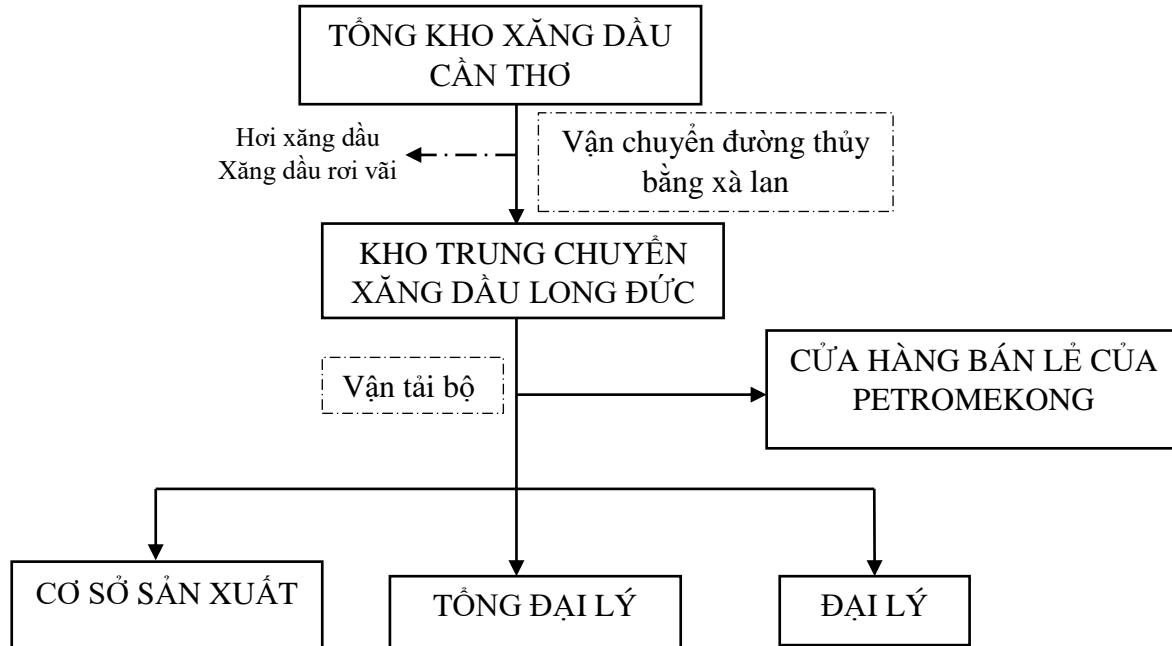
Thời gian làm việc hàng ngày 08 giờ/ngày. Luôn có người trực Kho 24/24.

3.2 Công suất sản xuất của cơ sở

Do loại hình hoạt động của cơ sở là kho chứa xăng dầu nên tại cơ sở không diễn ra hoạt động sản xuất, vì thế không có quy trình, công nghệ sản xuất tại cơ sở.

3.2.1 Quy trình hoạt động của Cơ sở

Tại cơ sở chủ yếu là nhập hàng (xăng và dầu các loại), lưu trữ và xuất cho các doanh nghiệp, các cơ sở trực thuộc Công ty CP Dầu khí Mê Kông nên không có quy trình sản xuất mà chỉ có quy trình hoạt động của cơ sở. Dưới đây là quy trình hoạt động của cơ sở:



Hình 1.1 Quy trình hoạt động của kho

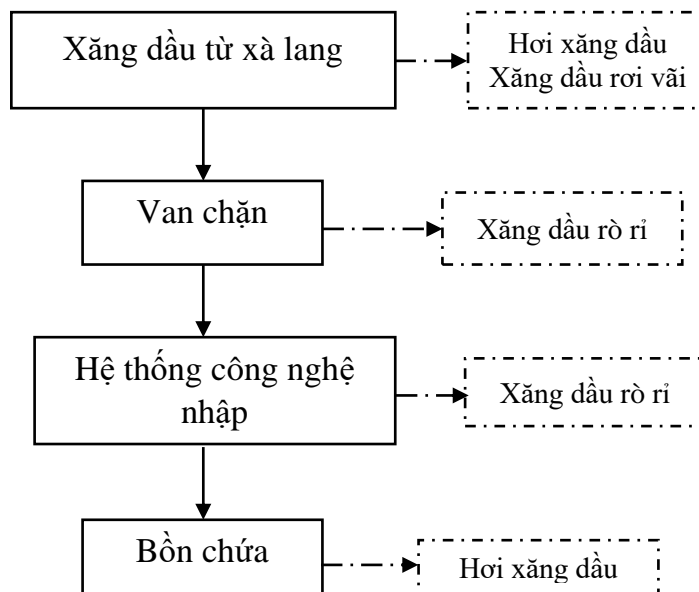
3.2.2 Thuyết minh quy trình

Xăng dầu từ Tổng kho (Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Mê Kông) được vận chuyển bằng sàlan đến cầu tàu xuất nhập của Cơ sở (Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức). Xăng dầu được bơm lên các bể chứa của cơ sở để tạm trữ thông qua đường ống nhập kín. Khi khách hàng (cửa hàng trực thuộc của công ty hoặc các doanh nghiệp tư nhân ở khu vực lân cận) có nhu cầu nhập xăng dầu sẽ đến kho bằng đường bộ là xe bồn lúc này kho sẽ xuất hàng thông qua đường ống xuất kín. Tại khu vực xuất xăng dầu cho xe bồn, chủ cơ sở sẽ cho phun nước làm sạch bề mặt nền (định kỳ 01 lần/ngày), vì thế nước thải nhiễm dầu phát sinh ở giai đoạn này cần được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Các sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất thực tế của cơ sở được trình bày như sau:

✚ Sơ đồ nhập xăng dầu tại cầu cảng



Hình 1.2 Quy trình nhập xăng dầu tại cầu cảng

✚ Thuyết minh quy trình

Sản phẩm xăng dầu sẽ được nhập từ các tàu có tải trọng khoảng 20.000 DWT ở cảng của Tổng kho xăng dầu Cần Thơ.

Xăng, DO được bơm vào các bồn chứa thông qua hệ thống van chặn và hệ thống ống công nghệ nhập chất lỏng sẽ theo hệ thống ống công nghệ này chảy vào các bồn chứa trong kho xăng dầu. Số họng nhập bố trí 03 họng, trong đó 1 họng cho xăng M92, 1 họng cho M83 và 1 họng cho DO. Với lưu lượng của máy bơm trên có lưu lượng từ 500 đến 700 m³/h, sử dụng 3 họng nhập loading amr 12”

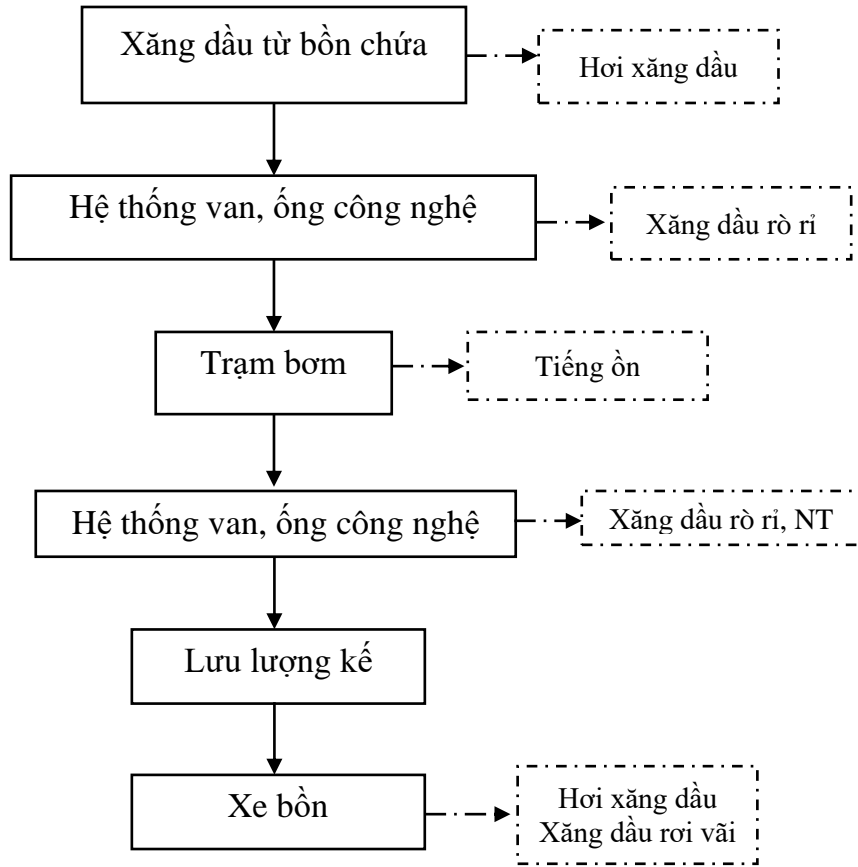
Trong quá trình nhập, khi mức chất lỏng trong bồn đạt mức chất lỏng cao được đo bởi thiết bị đo mức tại bên sẽ được thông báo trong phòng điều khiển. Khi đó nhân viên vận hành trong phòng điều khiển của kho chứa xăng dầu sẽ thông báo đến nhân viên vận hành tại cầu cảng để đóng bơm nhập trên tàu, dừng quá trình nhập sản phẩm.

Khi mức chất lỏng trong bồn đạt tới mức cao nhất cho phép hệ thống van chặn trên đường ống nhập vào bồn chứa đó sẽ tự động đóng lại.

Thông số nhiệt độ, áp suất của sản phẩm sẽ được hiển thị tại hiện trường và trong phòng điều khiển.

Khi áp suất trong đường ống vượt quá áp suất lớn nhất cho phép thì các van an toàn sẽ xả hơi trong đường ống để giảm áp đến giá trị cài đặt của các van an toàn.

✚ Sơ đồ công nghệ xuất xăng dầu



Hình 1.3 Quy trình xuất xăng dầu cho xe bồn

✚ Thuyết minh:

Xăng dầu trong các bồn chứa được hút dẫn qua hệ thống van, ống công nghệ chính vào các bơm để bơm xuất cho xe các xe bồn bằng các van, hệ thống ống nhánh được nối vào xe bồn.

Trong quá trình xuất sản phẩm, khi mức chất lỏng trong bồn đạt mức thấp được hiển thị trong phòng điều khiển, nhân viên vận hành trong phòng điều khiển sẽ thông báo cho nhân viên vận hành khu vực xuất sản phẩm để dừng lại quá trình suất sản phẩm trong bồn chứa đó.

Khi mức chất lỏng trong bồn (được đo bằng các thiết bị đo mức) xuống tới mức thấp nhất cho phép, hệ thống van ngắt khẩn cấp tại đường xuất sản phẩm sẽ tự động đóng lại đồng thời bơm xuất sản phẩm tương ứng cũng dừng lại.

Trong quá trình xuất sản phẩm, để phòng trường hợp 1 trong 2 bơm xuất xăng dầu chính gặp sự cố, một bơm xăng dầu mới có tính chất tương tự sẽ được sử dụng làm bơm xăng dầu dự phòng và được lắp đặt trong giai đoạn tới. Thông qua hệ thống lưu lượng kế sẽ kiểm soát mức xăng dầu xuất cho xe bồn

3.3 Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là nhiên liệu xăng dầu cung cấp cho các cửa hàng xăng dầu cho khu vực và các tỉnh lân cận. Các loại xăng dầu tồn trữ tại Kho: Xăng RON95, xăng E5 RON92, dầu DO.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên liệu

4.1.1 Nguyên liệu

Tại cơ sở không diễn ra các hoạt động sản xuất, vì thế nguyên liệu sử dụng tại cơ sở cũng là sản phẩm của cơ sở là các loại xăng dầu được cơ sở lưu kho để xuất bán cho khách hàng. Trữ lượng các sản phẩm được cơ sở trữ tại kho trung bình 1 tháng như sau:

Bảng 1.2 Trữ lượng xăng dầu nhập tại Kho:

STT	Nguyên liệu (sản phẩm)	Trữ lượng (m³/tháng)
1	Xăng RON95	2 155
2	Xăng E5 RON92	296
3	Dầu DO	1 728
Tổng cộng		4 179

Tuy nhiên khối lượng nhập còn tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các phương tiện giao thông đến cơ sở.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo Cơ sở hoạt động liên tục trong trường hợp mạng lưới điện quốc gia gặp sự cố, Cơ sở đã trang bị 01 máy phát điện dự phòng 150 KVA.

4.1.2 Nhiên liệu

Nhiên liệu sử dụng chủ yếu tại cơ sở là dầu DO, dầu DO được dùng cho máy phát điện trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện tại cơ sở. Lượng dầu sử dụng trung bình khoảng 200 kg/năm.

Ngoài ra, trong trường hợp sự cố hỏa hoạn xảy ra tại cơ sở, cơ sở sẽ cho khởi động máy bơm chữa cháy, nhiên liệu sử dụng cho máy bơm là xăng. Lượng xăng sử dụng sẽ tùy thuộc vào thời gian hoạt động của máy bơm.

4.2 Nhu cầu sử dụng hóa chất

Trong trường hợp có sự cố hỏa hoạn xảy ra thì chất tạo bọt sử dụng để chữa cháy. Lượng chất tạo bọt sử dụng sẽ tùy thuộc vào quy mô của đám cháy.

4.3. Nhu cầu cấp điện, nước

🚦 Nhu cầu sử dụng điện

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp điện cho cơ sở, cơ sở đã sử dụng mạng lưới điện quốc gia bằng cách hạ trạm biến thế ba pha để phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở như sau:

Cung cấp đầy đủ và liên tục cho các hệ thống điện động lực như bơm xuất, nhập xăng dầu đảm bảo phục vụ cho công tác an toàn sản xuất theo yêu cầu công nghệ của Kho trung chuyển.

Cung cấp cho hệ thống an toàn PCCC bao gồm: hệ thống bơm nước, bột chữa cháy và hệ thống tín hiệu báo cháy tự động. Các hệ thống này phải cung cấp đầy đủ điện theo công suất và thời gian 24/24. Cung cấp điện phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày.

Ngoài ra cơ sở đã trang bị máy phát điện với công suất 150KWh, nhằm cung cấp điện khi có sự cố mất điện.

Căn cứ theo hóa đơn thanh toán tiền điện 06 tháng năm 2023 của cơ sở thì lượng điện tiêu thụ trung bình từ ngày 01/02/2023 đến ngày 31/07/2023 khoảng 2.000 kWh/tháng (đính kèm hóa đơn tiền điện phía sau phụ lục).

🚦 Nhu cầu sử dụng nước

❖ Nước sinh hoạt

Cơ sở sử dụng nước để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt từ Công ty cấp thoát nước Trà Vinh. Theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn Việt Nam - Quy hoạch xây dựng và Quyết định số 2140/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt trong giai đoạn đến năm 2025, cho Khu vực đô thị loại II, tiêu chuẩn cấp nước là 110 -130 lít/người/ngày, chọn lượng nước cấp cho cơ sở là 110 lít/người/ngày.

Tổng nhân viên là 05 người. Vậy ước tính nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của nhân viên được tính như sau:

$$Q_{sh} = 5 \text{ người} \times 110 \text{ lít/người/ngày} = 550 \text{ lít/người/ngày} \approx 0,55 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước phục vụ PCCC

Lưu lượng nước chữa cháy của hệ thống bao gồm 01 máy bơm điện với công suất 15kW. Tùy theo thời gian chữa cháy mà lượng nước cần nhiều hay ít. Nguồn nước phục vụ PCCC cơ sở sử dụng nước mặt của sông Cổ Chiên để cung cấp cho hệ thống.

Cơ sở đã trang bị các hệ thống chống cháy và đảm bảo an toàn cháy nổ. Do đó khả năng xảy ra cháy tại cơ sở rất thấp vì vậy lượng nước phục vụ cho quá trình chữa cháy là không thường xuyên.

Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở là: **0,55 m³/ngày.đêm.**

4.4. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị

Trang thiết bị, máy móc phục vụ cho quá trình hoạt động tại cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Bảng 1.3 Danh mục máy móc thiết bị

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc	Năm bắt đầu sử dụng	Tình trạng sử dụng
1	Bể trụ nằm ngang 100 m ³	Cái	08	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
2	Bể trụ đứng 800 m ³	Cái	1	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
3	Van chặn 6” – (Gate Valve)	Van	1	Nhật bản	2011	Hoạt động tốt
4	Van chặn 4” – (Gate Valve)	Van	55	Nhật + Đài loan	2011	Hoạt động tốt
5	Van chặn 3” – (Gate Valve)	Van	30	Nhật + Đài loan	2011	Hoạt động tốt
6	Van chặn 1” – (Gate Valve)	Van	12	Nhật + Đài loan	2011	Hoạt động tốt
7	Van 1 chiều 1” – (Gate Valve)	Van	08	Nhật + Đài loan	2011	Hoạt động tốt
8	Van cầu hồi lưu 1”	Van	04	Nhật + Đài loan	2011	Hoạt động tốt
9	Van lá 3”	Van	03	Nhật + Đài loan	2011	Hoạt động tốt
10	Van 1 chiều 4” – (Chek Valve)	Van	4	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
11	Van 1 chiều 3” – (Chek Valve)	Van	4	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
12	Van hồi lưu 3”	Van	4	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
13	Van thở + Bình ngăn tia lửa 4”	Van	3	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
14	Bình lọc tinh 4”	Bộ	04	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
15	Lưu lượng kế 3”	Bộ	3	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
16	Cần xuất xăng dầu 3”	Bộ	3	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
17	Máy bơm xăng dầu Q = 60m ³ /h	Bộ	4	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
18	Bình lọc 3”	Bình	3	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
19	Bộ tách khí 3”	Bình	3	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
20	Áp kế ½”	Bộ	4	Việt Nam	2022	Hoạt động tốt
21	Chân không kế ½”	Bộ	4	Việt Nam	2022	Hoạt động tốt
22	Ống mềm 2 đầu nối bích 4”, L = 9m	Ống	2	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
23	Thiết bị đo nhiệt độ	Bộ	1	Việt Nam	2018	Hoạt động tốt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2023)

Bảng 1.4 Danh sách các thiết bị PCCC tại cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc	Năm bắt đầu sử dụng	Tình trạng sử dụng
1	Van chặn 6” (Gate valve – Class 150#)	Cái	02	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
2	Van chặn 4” Gate valve 100# Rf	Cái	05	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
3	Van chặn 3” Gate valve 80# Rf	Cái	04	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
4	Van chặn 1” Gate valve 150# Rf	Cái	36	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
5	Van 1 chiều 4” (Gate valve – Class 100#)	Cái	02	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
6	Van 1 chiều 3” (Gate valve – Class 80#)	Cái	02	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
7	Van đóng nhanh 3”	Cái	2	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
8	Bình lọc 6”	Bộ	0	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
9	Bình lọc 4”	Bộ	01	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
10	Lăng tạo bọt	cái	12	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
11	Bọt Foam Protein	lít	3.800	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
12	Ejector Q=40m ³ /h, H=8kg/cm ²	Cái	07	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
13	Bể chứa chất tạo bọt 2 m ³	BỂ	01	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
14	Bể nước môi 1,5 m ³	BỂ	01	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
15	Máy bơm chữa cháy động cơ Q=100 m ³ /h, H=8 kg/m ²	Máy	01	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt
16	Máy bơm chữa cháy động cơ Q=40 m ³ /h, H= 8 kg/m ²	Máy	03	Việt Nam	2011	Hoạt động tốt

Bảng 1.5 Danh sách phương tiện PCCC tại cơ sở

STT	Loại phương tiện, hệ thống PCCC	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	Hệ thống đường ống PCCC	Hệ thống	02	Tốt

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Dịch vụ & Công Nghệ Môi trường Tân Tiến
Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

STT	Loại phương tiện, hệ thống PCCC	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng sử dụng
2	Trạm bơm PCCC	Trạm	01	Tốt
3	Bình chữa cháy xe đẩy 35kg	Bình	02	Tốt
4	Bình bột chữa cháy MFZ8	Bình	19	Tốt
5	Bình chữa cháy CO ₂	Bình	9	Tốt
6	Quả cầu chữa cháy	Bình	10	Tốt
7	Máy bơm chữa cháy	Máy	04	Tốt
8	Vòi PCCC	Cuộn	20	Tốt
9	Lăng chữa cháy	Lăng	12	Tốt
10	Lăng phun bọt foam	Cái	06	Tốt
11	Bọt foam chữa cháy	Lít	3.800	Tốt
12	Cát, xẻng	Cái	04	Tốt
13	Hệ thống chống sét	Hệ thống	02	Tốt
14	Hệ thống tiếp mát xe bồn	Hệ thống	02	Tốt
15	Tủ thuốc cứu thương	Tủ	01	Tốt

(Nguồn: Công ty CP Dầu khí Mê Kông)

Bảng 1.6 Danh sách các thiết bị điện

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	Trạm biến áp 150KVA, 380/220V	Trạm	01	Tốt
2	Tổ máy phát điện Diezel P=150KVA, 380/220V	Tổ	01	Tốt
3	Bộ khởi động mềm	Bộ	07	Tốt
4	Máy phát điện 150 KVA	Máy	01	Tốt

(Nguồn: Chủ cơ sở năm 2023)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý

Tọa độ địa lý (VN:2000) được thể hiện qua bảng 1.6 dưới đây:

Bảng 1.7 Tọa độ địa lý các điểm góc của cơ sở

STT	Tên điểm	Tọa độ VN2000	
		X	Y

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Dịch vụ & Công Nghệ Môi trường Tân Tiến
Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

STT	Tên điểm	Tọa độ VN2000	
		X	Y
1	A	0574082	1118196
2	B	0574095	1118185
3	C	0574029	1118254
4	D	0574035	1118261

Bốn mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: Giáp với Công ty Trà Bắc;
- Phía Nam: Giáp với đất trống;
- Phía Tây: Giáp với Công ty quản lý phát triển hạ tầng Khu công nghiệp;
- Phía Đông: Giáp với sông Cổ Chiên.



Hình 1.4 Sơ đồ vị trí Cơ sở trên bản đồ vệ tinh

5.1.1 Hệ thống giao thông

“Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức” nằm gần đường Bùi Hữu Nghĩa, nằm trong khu Công nghiệp Long Đức. Tuyến đường này đều đã trải nhựa bê tông hoàn chỉnh thuận lợi cho hoạt động vận chuyển xăng dầu bằng đường bộ cung cấp cho các cửa hàng của công ty trong tỉnh Trà Vinh. Hệ thống đường giao thông của kho đã được bê tông hóa khoảng 90%, 10% là đá dăm, bề rộng tối thiểu của tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực của cơ sở là 10m để thuận tiện cho việc xuất nhập hàng và công tác PCCC.

5.1.2 Hệ thống kênh gạch

“Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức” nằm gần sông Cổ Chiên, đây là một con sông lớn trong hệ thống sông của ĐBSCL, thuận lợi cho việc xuất nhập xăng dầu trong hoạt động kinh doanh của cơ sở. Đồng thời thuận lợi cho công tác phòng cháy chữa cháy tại cơ sở.

5.1.3 Các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh cơ sở

“Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức” nằm trong Khu công nghiệp Long Đức. Khu công nghiệp Long Đức nằm ở vị trí hội tụ cả giao thông đường bộ và đường thủy cho vận chuyển, lưu thông hàng hóa. Cách trung tâm thành phố Trà Vinh 3km, nằm gần tuyến Quốc lộ 53, 60 nằm song song với sông Cổ Chiên và bên cạnh cảng sông Long Đức có đủ điều kiện cho các loại tàu tải trọng 3.000 tấn cập sát.

Khu công nghiệp Long Đức nằm ở vị trí giao thông thuận lợi, cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, cùng với chính sách thu hút đầu tư của tỉnh Trà Vinh có nhiều ưu đãi hấp dẫn, cho nên năm tính đến nay KCN Long Đức đã thu hút được 34 dự án đầu tư đăng ký trên 3.089,16 tỷ đồng giải quyết được khoảng 13.084 lao động.

Trong phạm vi cách cơ sở 2km không có khu vực ưu tiên bảo vệ như, nhà máy nước phục vụ cấp nước sinh hoạt, khu nuôi trồng thủy sản tập trung,...

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

✚ “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức” đang hoạt động với sức chứa là 1.800m³ có tổng diện tích 4.753m². Trong đó:

- ✓ 08 bể (100m³) = 800m³ để chứa
- ✓ 01 bể (800m³) = 800m³ để chứa
- ✓ 02 bể (100m³) = 200m³ để chứa.

Bảng 1.8 Các hạng mục công trình của cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức bao gồm:

STT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích
Các hạng mục công trình chính			
1	Bể trụ nằm ngang 100m ³	Bể	10
2	Bể trụ đứng 800m ³	Bể	01
3	Cầu cảng	Cảng	01
4	Hệ thống công nghệ xuất nhập xăng dầu	Hệ thống	02
5	Trạm bơm xăng dầu	m ²	94,5
6	Nhà xuất xăng dầu cho ô tô xi-tec	m ²	141
7	Văn phòng	m ²	67

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

STT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích
8	Nhà xuất nhập thủy + sàn công nghệ	m ²	24
9	Chống nổi bể 100m ³ đặt ngầm	Bể	10
Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Nhà kho	m ²	2.160
2	Trạm biến áp treo	cái	01
3	Tường rào gạch cao	m	2,2
4	Cổng	cái	02
Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Hệ thống điện	Hệ thống	02
2	Hệ thống cấp nước PCCC	Hệ thống	02
3	Hệ thống thoát nước	Hệ thống	01
4	Hệ thống gói đỡ, sàn thao tác công nghệ	Hệ thống	01
5	Hệ thống gói đỡ, sàn thao tác cấp nước	Hệ thống	01
6	Hệ thống báo cháy tự động	Hệ thống	01
7	Bể gạn dầu	Cái	01
8	Bể chữa cháy	Cái	01
9	Trạm bơm cứu hỏa	m ²	35,1
10	Khu xử lý nước thải	Bể	01
11	Đường rải đá dăm nhựa	m ²	920
12	Đường rải bê tông mác 200	m ²	1.600
13	Đường rải bê tông mác 100	m ²	1.600
14	Đê ngăn cháy cao	m	2,2

(Nguồn: Chủ sở hữu năm 2023)

📌 Các hạng mục công trình chính:

➤ **Khu bể trụ nằm ngang**

Các bồn chứa xăng 100m³ được đặt chìm và nằm ngang ½, xây tường bao che xung quanh và đổ cát lấp đầy bên trong. Bể được sơn lót nhựa đường pha xăng sau đó bọc chống gỉ bằng mát tít nhựa đường pha bột cao su, cốt vải thủy tinh mỗi lớp 3mm.

Các trụ nằm ngang có chứa DO, KO đặt nổi trên móng đỡ, bể được sơn lót chống gỉ sau đó sơn phủ 03 lớp sơn màu nhũ trắng, móng bể được gia cố bằng cọc tràm, đệm cát trước khi đổ bê tông móng.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

➤ **Khu bể trữ đứng 800m³**

Bể chứa dầu DO dung tích 800m³, kích thước của bể như sau:

- Đường kính bể: 9,55m, chiều cao 12m
- Dung tích phần hình trụ: 860m³
- Sức chứa của bể: 800m³

✚ **Các hạng mục công trình phụ:**

➤ **Đường ống dẫn xăng dầu:**

Tất cả các đường ống dẫn xăng dầu trong kho trung chuyển đều được sử dụng ống thép và đặt trên giá đỡ ống bằng bê tông, thép làm ống đạt tiêu chuẩn ASTM.A53, SCH20, đường kính ống là 114mm, áp suất thiết kế 10kg/cm ống được sơn 02 lớp (lớp chống rỉ và lớp màu). Ống dẫn xăng sơn màu nhũ trắng và dẫn dầu sơn màu vàng.

➤ **Nhà văn phòng**

Nhà văn phòng có kích thước 4,5m x 4,8m, với kết cấu khung thép, mái lợp tôn, bao che xung quanh nhà bằng tường gạch kết hợp với cửa đi, cửa sổ.

➤ **Nhà xe ô tô xi-tec**

Nhà có kết cấu khung thép hình, mái lợp tôn, không bao che, diện tích sử dụng là 141m, nền nhà có kết cấu như kết cấu đường bãi bê tông mác 200.

➤ **Nhà bơm dầu**

Nhà được bố trí gần khu vực bể chứa, có kích thước 4,5m x 21,3m, diện tích sử dụng 96m, với kết cấu khung thép, mái lợp tôn, các gian đặt máy bơm không bao che, gian điều hành có bao che xây tường gạch, nền có kết cấu bê tông mác 150.

➤ **Nhà bơm chữa cháy**

Nhà được đặt ở vị trí gần với sông Cổ Chiên và có bồn trữ nước, với kích thước 4,5m x 7,8m, diện tích sử dụng 35m. Nhà có kết cấu khung thép, mái lợp tôn, gian đặt máy bơm không bao che, gian điều hành có bao che xây gạch, nền có kết cấu bê tông mác 150.

➤ **Nhà kho**

Nhà kho nằm sát đường nội bộ chính của cơ sở, nhà có kích thước (18m x 30m), diện tích sử dụng là 540m, với kết cấu khung thép tổ hợp, trên lợp tôn chống nóng, bao che xung quanh nhà bằng tường xây gạch kết hợp với cửa đi, cửa sổ. Nhà có tải trọng khá lớn, mặt khác khảo sát theo địa chất thì đất không tốt nên chọn giải pháp móng cọc bê tông cốt thép.

✚ **Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:**

➤ **Hệ thống cấp điện:**

Sử dụng nguồn điện quốc gia. Trong trường hợp nguồn cung cấp điện chính bị mất thì sử dụng 01 máy phát điện 150 KVA để cấp điện cho cơ sở.

➤ **Hệ thống PCCC:**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Do đây là kho chứa xăng dầu nên nguy cơ cháy nổ rất cao vì vậy cơ sở luôn thực hiện biện pháp phòng ngừa cụ thể như sau:

Xây dựng đê ngăn cháy cao 1,2m xung quanh các cụm bể chứa và tường cao 2m xung quanh ranh đất của kho.

Nguồn nước phục vụ khu vực cơ sở từ Công ty cấp thoát nước Trà Vinh. Hệ thống cung cấp nước phải đảm bảo thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng, áp lực, lưu lượng nước cấp cho các nhu cầu của Cơ sở.

Hệ thống PCCC được thiết kế cho toàn bộ cơ sở; hệ thống bình chữa cháy theo đúng quy định về PCCC của Nhà nước và được cơ quan chức năng thẩm duyệt trước khi thi công.

➤ **Hệ thống thoát nước:**

Nước thải phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là từ nước thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu. Lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở phải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép sau đó thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên. Cụ thể như sau:

✓ Nước mưa: Nước mưa từ mái các hạng mục công trình được thu gom về máng thu, sau đó theo các đường ống PVC D90 rơi xuống sân nền. Bên cạnh đó nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, đường đi nội bộ (những nơi không bị nhiễm dầu) nước mưa theo độ dốc nghiêng 0,5% chảy tràn tự nhiên về hai bên ranh đất thoát ra môi trường hoặc tự thấm xuống sân nền.

✓ Nước thải sinh hoạt: Xây dựng 01 nhà vệ sinh có hầm tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ được tiếp xử lý bằng vật liệu lọc để lọc cặn, sau đó đưa vào hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên bằng 01 cửa xả bởi ống nhựa PVC đường kính 400mm.

✓ Nước thải nhiễm dầu: Bao gồm nước mưa chảy tràn qua các khu vực nhiễm dầu (từ nhà xuất xăng dầu cho xe bồn, nhà bơm dầu (cụm ống công nghệ), khu đặt bể trụ). Nước thải nhiễm dầu được thu gom và thoát như sau:

Nước mưa nhiễm dầu từ khu vực nhà bơm dầu (cụm ống công nghệ), khu đặt bể trụ, nhà xuất xăng dầu cho xe bồn hàng ngày được thu gom theo cao độ sân và gờ chặn dẫn về bể gạn dầu 21,6 m³. Cùng với đó nước mưa chảy qua khu vực bể trụ nằm ngang theo độ dốc của nền sẽ tập trung về rãnh thu nước (Ø300). Nước từ rãnh theo độ dốc (i=0,5%) tự chảy về hố ga 1 (1,4m x 1,2m x 1,17m: dài x rộng x cao), sau đó tiếp tục dẫn qua hố ga thứ 2 (1,4m x 1,2m x 1,17m: dài x rộng x cao) trước khi dẫn vào bể gạn dầu (21,6 m³) xử lý. Nước thải sau bể gạn dầu được dẫn qua bể lắng (10m x 4m x 1,4m: dài x rộng x cao) trước khi theo đường ống PVC đường kính 400 mm thoát ra sông Cổ Chiên.

5.3 Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

Cơ sở thực hiện tại ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với tổng diện tích khoảng 4.753m² do Công ty CP Dầu khí Mê Kông là Chủ đầu tư và chủ trì quản lý triển khai thực hiện.

Cơ cấu tổ chức nhân sự thực hiện cơ sở bao gồm: 01 trưởng kho, 01 kế toán, 03 nhân viên vận hành.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Nhà nước theo các văn bản sau:

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

- Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Phù hợp với Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Quyết định số 890/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường về việc xây dựng Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh do UBND tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10/06/2008.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại của Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức (thuộc công ty CP Dầu khí Mê Kông) mã số QLCTNH: 84.000027.T cấp ngày 25/04/2012.

- Quyết định số 1638/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển xăng dầu Trà Vinh ngày 30/08/2017.

- Công văn số 115/NT-PC07 của Phòng Cảnh Sát PCCC và CNCH Công An tỉnh Trà Vinh về việc kiểm tra nghiệm thu PCCC công trình: “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức, hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động”.

- Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức được xây dựng trên lô đất: thửa đất số 87 có diện tích 7.852m² và thửa đất số 141 có diện tích 333,3m² với tổng diện tích 8.185,3m². Địa chỉ ấp Vĩnh Hưng xã Long Đức thành phố Trà Vinh tỉnh Trà Vinh (được thuê lại giữa “Công ty quản lý và phát triển hạ tầng khu Kinh tế và các Khu Công nghiệp” và “Công ty CP Dầu khí Mê Kông”). Đất có mục đích sử dụng là xây dựng kho xăng dầu, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời gian sử dụng đến hết ngày 02/04/2057. Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của tỉnh Trà Vinh.

- Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức nằm ngay giữa đường lớn và sông Cổ Chiên thuận tiện cho giao thông đường thủy và đường bộ, đáp ứng được nhu cầu xuất nhập xăng dầu của kho.

Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1 Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước:

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là sông Cỏ Chiên nên đánh giá khả năng chịu tải của sông Cỏ Chiên dựa theo hướng dẫn của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 76/2017/TTBTNTM ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

Hiện tại, tỉnh Trà Vinh chưa ban hành quy định phân vùng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận trên địa bàn tỉnh nên xác định thông số ô nhiễm đặc trưng có trong nước thải sẽ lựa chọn đánh giá các thông số đặc trưng của kho xăng dầu là pH, TSS, COD và Tổng dầu, mỡ khoáng.

Chủ cơ sở phối hợp với Trung tâm tư vấn đo đạc môi trường Phương Nam tiến hành quan trắc nước thải đầu ra và nước mặt của năm 2022. Các kết quả quan trắc được trình bày ở các bảng sau:

Bảng 2.1 Phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lí (Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải):

STT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ chất ô nhiễm				QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			NT-Đ1	NT-Đ2	NT-Đ3	NT-Đ4	
1	pH	-	7,23	6,57	7,11	6,73	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	25	36	19	43	100
3	COD	mg/l	54	61	50	78	100
4	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	5,6	5,6	4,9	5,9	15

Bảng 2.2 Phân tích chất lượng nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải:

STT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ chất ô nhiễm		QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột A2)
			Đợt 1	Đợt 2	
			NM01	NM01	
1	pH	-	7,1	7,3	6 - 8,5
2	TSS	mg/l	21	26	30
3	COD	mg/l	11	13	15
4	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	<0,3	<0,3	0,5

Nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cỏ Chiên, dùng cho mục đích sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, nên giá trị nồng độ các chất ô nhiễm trong nguồn nước xác định theo QCVN 08 MT:2015/BTNMT (cột A2).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Lựa chọn đánh giá các thông số đặc trưng của kho xăng dầu là pH, TSS, COD và Tổng dầu, mỡ khoáng. Bên cạnh đó chọn kết quả phân tích nước thải đợt 01/2022 (Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý), nước mặt đợt 01/2022 (Nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải) để đánh giá khả năng tiếp nhận chất thải của sông Cỏ Chiên.

Phương pháp đánh giá theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2022/TT-BTNM và Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT.

✚ Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

$$L_{td} = Q_s \times C_{qc} \times 86,4$$

Trong đó:

Q_s (m^3/s) là lưu lượng dòng chảy của đoạn sông cần đánh giá. Sông Cỏ Chiên có lưu lượng dòng chảy khoảng $5.837 m^3/s$ (Nguồn: *Tuyển tập nghiên cứu Biển, năm 2009*).

C_{qc} (mg/L) là giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng của đoạn sông (QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A2)).

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên từ đơn vị m^3/s , mg/L sang (kg/ngày).

Bảng 2.3 Giá trị L_{td} của các thông số ô nhiễm

STT	Chỉ tiêu	Q_s (m^3/s)	C_{qc} (mg/L)	L_{td} (kg/ngày)
1	pH	5.837	8,5	4.286.692,8
2	TSS	5.837	30	15.129.504
3	COD	5.837	15	7.564.752
4	Tổng dầu, mỡ	5.837	0,5	252.158,4

✚ Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước có trong nguồn nước (L_{nn})

$$L_{nn} = Q_s \times C_{nn} \times 86,4$$

Trong đó:

Q_s (m^3/s) là lưu lượng dòng chảy của đoạn sông cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, $Q_s = 5.837 m^3/s$.

C_{nn} (mg/L) là kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt trước khi tiếp nhận nước thải;

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên từ đơn vị m^3/s , mg/L sang (kg/ngày).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Bảng 2.4 Giá trị L_{mn} của các thông số ô nhiễm

STT	Chỉ tiêu	Q_s (m ³ /s)	C_{mn} (mg/L)	L_{mn} (kg/ngày)
1	pH	5.837	7,1	3.580.649,28
2	TSS	5.837	21	10.590.652,8
3	COD	5.837	11	5.547.484,8
4	Tổng dầu, mỡ	5.837	<0,3	146.251,872

Ghi chú:

C_{mn} là nồng độ chất ô nhiễm trong nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải.

L_{mn} tải lượng của thông số chất lượng nước có trong nước mặt tại điểm tiếp nhận chất thải.

✚ Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (L_{tt}):

$$L_{tt} = Q_t * C_{tt} * 86,4$$

Trong đó:

Q_t (m³/s) là lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông.

C_{tt} (mg/L) là kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước xả vào đoạn sông.

Bảng 2.5 Giá trị L_{tt} của các thông số ô nhiễm

STT	Chỉ tiêu	Q_t (m ³ /s)	C_{tt} (mg/L)	L_{tt} (kg/ngày)
1	pH	0,000103	7,23	0,0643
2	TSS	0,000103	25	0,2223
3	COD	0,000103	54	0,4806
4	Tổng dầu, mỡ	0,000103	5,6	0,0498

Ghi chú:

C_{tt} là nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Q_t (m³/s) là lưu lượng lớn nhất tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải xả vào sông Cổ Chiên là 8,9 m³/ngày.đêm tương đương 0,000103 m³/s.

L_{tt} tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải tại điểm tiếp nhận chất thải.

✚ Nhằm đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của đoạn sông theo phương pháp đánh giá này được thể hiện như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times F_s + N_{Ptd}$$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của đoạn sông (kg/ngày);

L_{td} : Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (kg/ngày);

L_{mn} : Tải lượng của các thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước sông, rạch (kg/ngày);

L_{tt} : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (kg/ngày);

F_s : Hệ số an toàn. Trong trường hợp này chọn $F_s = 0,7$;

N_{Ptd} : Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, chọn $N_{Ptd} = 0$ kg/ngày. Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn ($>$) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng (\leq) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của đoạn sông Cỏ Chiên tại điểm tiếp nhận chất thải.

Bảng 2.6 Giá trị L_{tn} của các thông số ô nhiễm

STT	Chỉ tiêu	L_{td} (kg/ngày)	L_{mn} (kg/ngày)	L_{tt} (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
1	pH	4.286.692,8	3.580.649,28	0,0643	494.230,4
2	TSS	15.129.504	10.590.652,8	0,2223	3.177.196,2
3	COD	7.564.752	5.547.484,8	0,4806	1.412.087,4
4	Tổng dầu, mỡ	252.158,4	146.251,872	0,0498	74.134,5

Nhận xét:

Qua kết quả của bảng trên cho thấy đoạn sông Cỏ Chiên tại điểm tiếp nhận nước thải còn khả năng tiếp nhận đối với tất cả thông số trên (pH, TSS, COD, tổng dầu, mỡ). Nên chất lượng nước thải khi thải ra không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của khu vực sông Cỏ Chiên.

2.2 Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường không khí

Theo như chương trình giám sát môi trường được phê duyệt, cơ sở sẽ thực hiện quan trắc không khí xung quanh định kỳ 03 tháng/lần. Chủ cơ sở đã phối hợp với Trung tâm phân tích và đo đạc môi trường Phương Nam tiến hành quan trắc không khí xung quanh vào 05/11/2022, kết quả quan trắc không khí xung quanh được trình bày ở dưới đây:

Bảng 2.7 Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			KK01	KK02	KK03			
1	Độ ồn	dBA	67,1	66,9	67,9	≤ 70	-	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			KK01	KK02	KK03			
2	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	86,2	81,5	81,7	-	300	-
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	41,9	46,2	<44,1	-	350	-
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	43,7	44,9	49,9	-	200	-
5	C _x H _y	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	138,7	121,9	122,6	-	--	5.000

Ghi chú:

- “-”: Không quy định.

- **Vị trí đo đạc, lấy mẫu phân tích:** 03 vị trí

+ Vị trí 01 (KK01): Khu vực khuôn viên các kho chứa.

Tọa độ X= 0593314; Y= 1103230.

+ Vị trí 02 (KK02): Khu vực khuôn viên cơ sở.

Tọa độ X= 0593346; Y= 1103240

+ Vị trí 03 (KK03): Khu vực bên ngoài kho chứa.

Tọa độ X= 0593356; Y= 1103258.

- **Thời gian thu mẫu:**

+ Đợt 1: 03/2022

+ Đợt 2: 06/2022

+ Đợt 3: 09/2022

+ Đợt 4: 12/2022

- **So sánh quy chuẩn:**

+ QCVN 26:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – khu vực thông thường từ 6h – 21h;

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – Trung bình 1h;

+ QCVN 06:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh Cơ sở, cho thấy tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – Trung bình 1h; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – khu vực thông thường 6 – 21h; QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Qua đó có thể đánh giá rằng, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn tại cơ sở đang áp dụng hiệu quả, không ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh. Từ đó cho thấy, hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đến

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

các hộ dân xung quanh khu vực cũng như không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường không khí tại khu vực.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

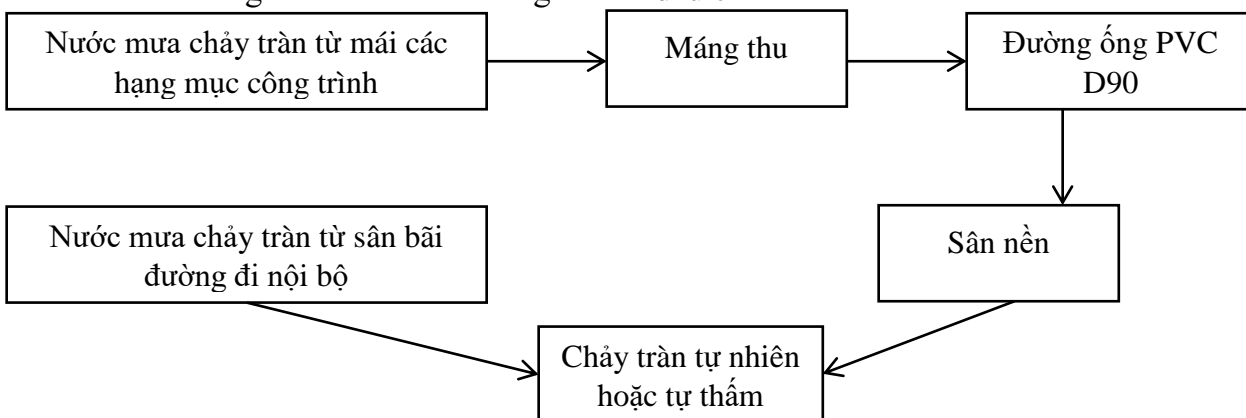
1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn tại cơ sở được phân làm 02 loại:

Nước mưa không nhiễm dầu: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, đường đi nội bộ (những nơi không bị nhiễm dầu).

Nước mưa nhiễm dầu: Nước mưa chảy qua các khu vực (từ nhà xuất xăng dầu cho xe bồn, nhà bơm dầu (cụm ống công nghệ)). Nước mưa nhiễm dầu được xem như nước thải nhiễm dầu cần được xử lý trước khi thải ra môi trường.

Sơ đồ thu gom nước mưa không nhiễm dầu của cơ sở như sau:



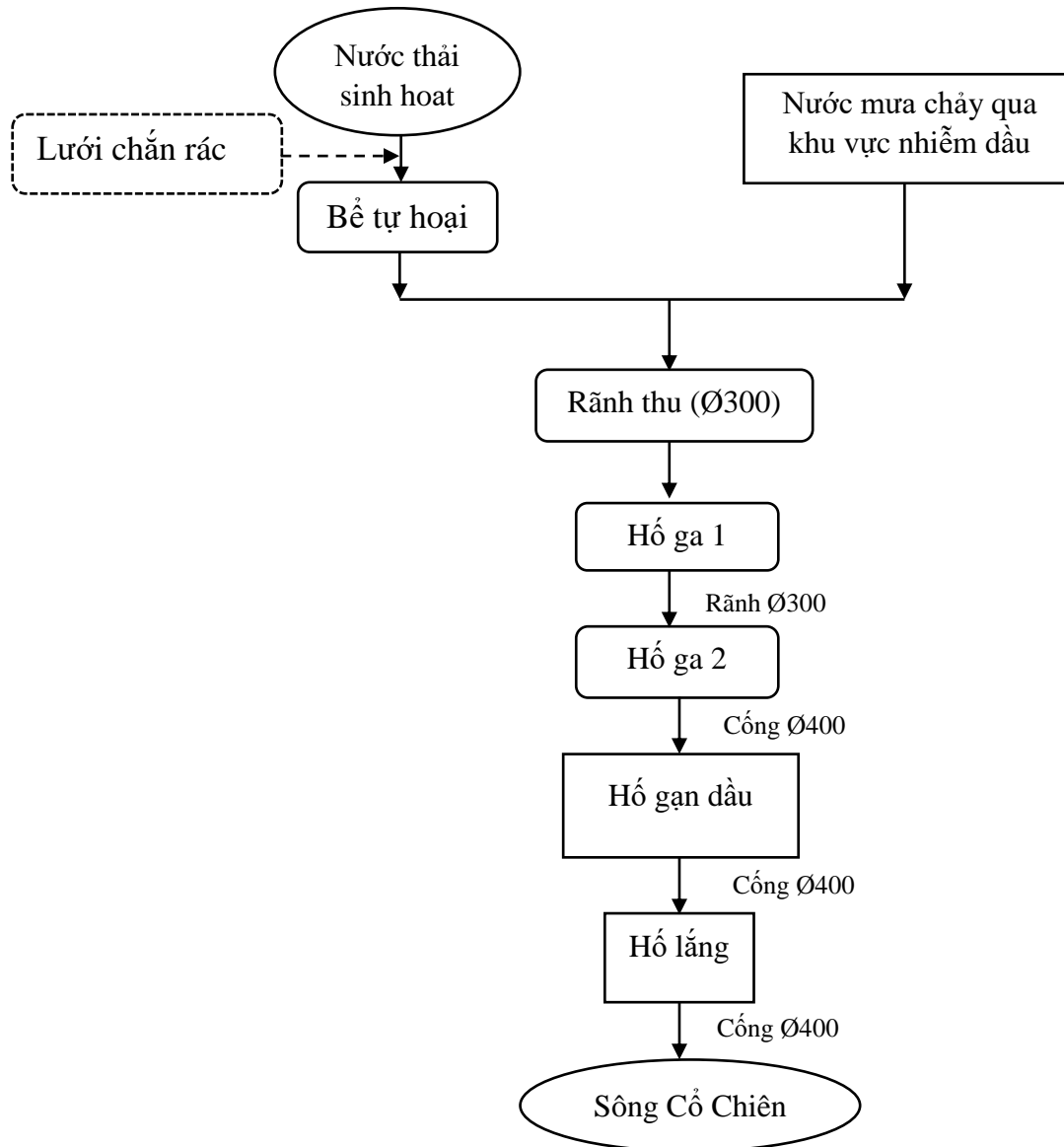
Hình 3.1 Sơ đồ thu gom nước mưa không nhiễm dầu của Kho

Thuyết minh quy trình thu gom và thoát nước mưa không nhiễm dầu

Nước mưa từ mái các hạng mục công trình được thu gom về máng thu, sau đó theo các đường ống PVC D90 rơi xuống sân nền. Bên cạnh đó, nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, đường đi nội bộ (những nơi không bị nhiễm dầu) nước mưa theo độ dốc nghiêng 0,5% chảy tràn tự nhiên về hai bên ranh đất thoát ra môi trường hoặc tự thấm xuống sân nền.

1.2 Thu gom, thoát nước thải

🚧 Quy trình thu gom nước thải



Hình 3.2 Quy trình thu gom và thoát nước thải

🚧 Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt sẽ đi qua lưới chắn rác, tại đây rác thải sẽ được thu gom và dẫn xuống hầm tự hoại (được đặt âm bên dưới nhà vệ sinh) để xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại được dẫn vào rãnh thu nước bằng đường ống (Ø90), sau đó nước thải được đưa vào hệ thống xử lý nước thải và cuối cùng là thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên bằng 01 cửa xả bởi ống nhựa PVC đường kính 400mm thoát ra sông Cổ Chiên. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Nước thải nhiễm dầu phát sinh tại cơ sở bao gồm nước mưa chảy tràn qua các khu vực nhiễm dầu (từ nhà xuất xăng dầu cho xe bồn, nhà bơm xăng dầu (cụm ống công nghệ), khu đặt bể trụ) sẽ được thu gom theo độ cao của sân và sẽ chảy về rãnh thu nước (0,9m x 0,7m x 0,77m: dài x rộng x cao). Nước từ rãnh theo độ dốc ($i=0.5\%$) tự chảy về hố ga 1 (1,4m x 1,2m x 1,17m: dài x rộng x cao), sau đó tiếp tục dẫn qua hố ga thứ 2 (1,4m x 1,2m x 1,17m: dài x rộng x cao) theo rãnh thu (0,9m x 0,7m x 0,77m: dài x rộng x cao). Nước thải từ hố ga 2 chảy về hố gạn dầu ($21,6m^3$) để xử lý trước khi chảy vào hố lắng ($5,6m^3$) sau đó theo một đường ống thép tròn có đường kính bằng 400 mm thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

- Điểm xả thải của cơ sở: Sau hố lắng (10m x 4m x 1,4m: dài x rộng x cao)

Theo Tọa độ VN:2000: X= 0579272; Y= 1143658.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và thoát nước thải nhiễm dầu tại cơ sở như sau:

Bảng 3.1 Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải nhiễm dầu

STT	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước
1	Rãnh thu	Bê tông, có nắp đậy bằng sắt có đục lỗ	0,9m x 0,7m x 0,77m (dài x rộng x cao)
2	Hố ga	Bê tông, có nắp đậy	1,4m x 1,2m x 1,17m (dài x rộng x cao)
3	Hố gạn dầu	Bê tông	6m x 2m x 1,8m (dài x rộng x cao)
4	Hố lắng	Bê tông	10m x 4m x 1,4m (dài x rộng x cao)
5	Đường ống dẫn nước thải sau xử lý	Ống thép tròn	6m x 400mm (Chiều dài và đường kính ống)

❖ Nước vệ sinh bể chứa

Ngoài ra, cơ sở còn vệ sinh các bể của kho xăng dầu việc thực hiện các bể được tiến hành 03 năm/lần.

Lượng nước thải cần thiết cho quá trình vệ sinh của bể chứa khoảng 01 – 1,5m³/bể chứa 100m³. Như vậy với 01 bể 800m³ và 10 bể 100m³ thì nhu cầu sử dụng nước cho quá trình vệ sinh bể chứa là 18 – 27m³/lần rửa cho tất cả các bể. Tất cả lượng nước thải trên là nước thải nhiễm dầu trong quá trình phát sinh của bể.

Tuy nhiên để hoạt động của Cơ sở được đảm bảo liên tục thì các bể được vệ sinh luân phiên với nhau, mỗi đợt sẽ vệ sinh 01 bể. Do đó lượng nước cấp cần thiết để vệ sinh bể khoảng 01 – 02m³/ngày và cao nhất đối với bể Dầu DO 800m³ thì nhu cầu lượng nước cần thiết để vệ sinh bể khoảng 08m³/ngày.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Do việc vệ sinh bể chứa được thực hiện khá lâu (03 năm/lần), lượng nước thải của việc vệ sinh bể là không thường xuyên, mỗi đợt sẽ tiến hành vệ sinh luân phiên giữa các bể với nhau. Với thể tích của bể gạn dầu 21,6m³ thì cơ sở sẽ đảm bảo xử lý tốt phần nước thải khi vệ sinh từng bể chứa để đảm bảo đúng quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.3 Xử lý nước thải

1.3.1 Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở. Tổng số nhân viên làm việc giờ hành chính tại cơ sở là 05 người.

Theo như tính toán tại mục 4.3 của chương I thì tổng lượng cấp sinh hoạt cho nhân viên làm việc tại cơ sở là 0,55 m³/ngày.đêm.

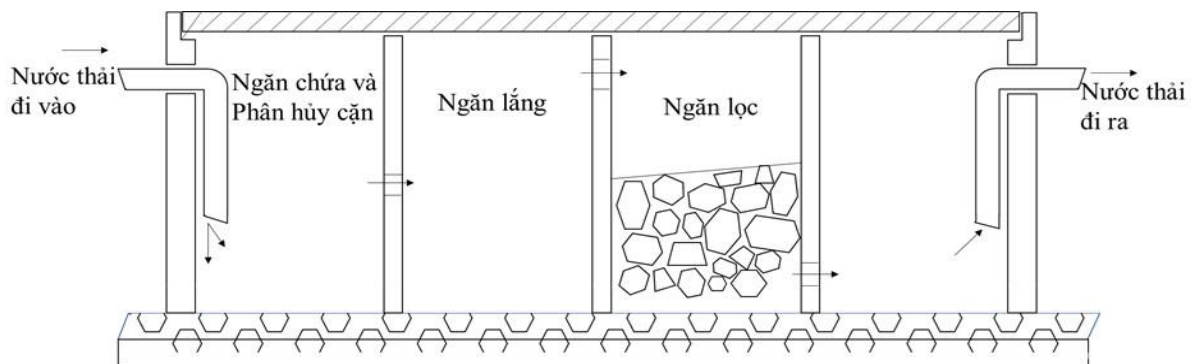
Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính Phủ về thoát nước và xử lý nước thải lượng nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp nên tổng lượng nước thải sinh hoạt của nhân viên phát sinh là 0,55m³/ngày.đêm.

Công trình xử lý: Hiện tại nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn được xây nằm âm bên dưới nhà vệ sinh. Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh phát sinh với lưu lượng 0,55m³/ngày.đêm, hầm tự hoại có thể tích 7,4 m³ (với kích thước dài 2,2m x rộng 2m x cao 1,68m). Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ được tiếp tục xử lý bằng vật liệu lọc để lọc cặn, sau đó được đưa vào hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên bằng 01 cửa xả bởi ống nhựa PVC đường kính 400mm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Bể tự hoại 3 ngăn có kết cấu bê tông kết hợp gạch thẻ. Bể có dạng hình chữ nhật có 2 chức năng chính là lắng, phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý từ 30 - 40%.

Kích thước hầm tự hoại 3 ngăn thể tích 7,4m³: 2,2m x 2m x 1,68m (dài x rộng x cao).

Quy trình xử lý của bể tự hoại 03 ngăn như sau:



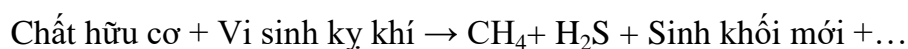
Hình 3.3 Quy trình xử lý của bể tự hoại 03 ngăn

Thuyết minh quy trình bể tự hoại 03 ngăn:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải sơ bộ đồng thời thực hiện 2 chức năng: lắng nước thải và lên men cặn lắng.

Nước thải sinh hoạt từ các khu vực nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại kiểu ba ngăn với dòng phản ứng ngược, kích thước của bể tự hoại đạt yêu cầu 0,3-0,5 m³/người. Tại ngăn phản ứng, các vi sinh vật ở dạng kỵ khí sẽ phân huỷ các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ ở dạng đơn giản và khí biogas (CO, CH₄, H₂S, NH₃,...) theo phản ứng sau:



Khí biogas được thu gom và phát tán vào môi trường qua ống thông hơi. Bùn kỵ khí được lắng và lưu giữ trong ngăn phản ứng, nước thải sau khi được tách bùn và khí được dẫn sang ngăn lọc. Ngăn lọc kỵ khí có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, và ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước nhờ vật liệu lọc. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới tác động của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.

Thời gian nước lưu trong bể từ 3 - 6 ngày nên vận tốc nước chảy trong bể rất nhỏ. Do đó trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy bể. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân huỷ nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nhờ vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh. Kết quả của quá trình lên men cặn là xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ thành các chất đơn giản gồm H₂O, CO₂, CH₄,... Độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

Kết quả ứng dụng vào thực tế cho thấy, hiệu quả xử lý các chất hữu cơ và các chất rắn lơ lửng đạt giá trị cao và ổn định, mặc dù có sự dao động về lưu lượng và nồng độ nước thải giữa các thời điểm trong ngày: hiệu quả xử lý bể tự hoại: chất rắn lơ lửng đạt 87 – 88% và BOD₅ đạt 63 – 77%, xử lý nitơ đạt 66%.

(Nguồn: PGS. TS Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2, Kỹ thuật xử lý nước thải)

Bảng 3.2 Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ		QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	Hiệu suất xử lý
			Chưa xử lý	Đã xử lý		
1	pH	mg/L	7,5	7,4	5-9	-
2	TSS		200	46	100	63-77 (*)
3	BOD ₅		200	24	50	87-88 (*)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ		QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	Hiệu suất xử lý
			Chưa xử lý	Đã xử lý		
4	Nitrat (tính theo N)		0,5	0,12	50	76
5	Phosphat		1,5	-	-	-
6	Coliform	MPN/100mL	3x10 ⁷	-	5.000	-

(Nguồn: Giáo trình kỹ thuật xử lý nước thải, NXB ĐHCT, 2014)

Ghi chú: (*) Tham khảo từ PGS.TS. Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2 – Kỹ thuật xử lý nước thải.

Qua bảng trên cho thấy, nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, các thông số ô nhiễm cơ bản đã được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn tiếp tục được xử lý bằng vật liệu lọc và được đưa vào hệ thống xử lý nước thải sau đó thoát ra sông Cổ Chiên bằng 01 cửa xả (Ống nhựa PVC đường kính 400mm). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

1.3.2 Nước thải nhiễm dầu

Nước thải nhiễm dầu phát sinh tại cơ sở bao gồm nước mưa chảy tràn qua các khu vực nhiễm dầu (từ nhà xuất xăng dầu cho xe bồn, trạm bơm xăng dầu, khu vực đặt bể tự hoại).

❖ Lượng nước thải nhiễm dầu

- Đối với nước mưa nhiễm dầu: Lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào nhiều yếu tố (tính chất phủ bề mặt, nhiệt độ, độ ẩm...). Vì thế việc tính toán lượng mưa khu vực cơ sở dựa theo Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2020, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021).

Bảng 3.3 Lượng mưa trung bình tháng năm 2020

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	0,8	-	-	30,4	125,5	231,0	302,0	108,7	140,7	268,0	116,5	31,7

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2020, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021)

Lượng mưa được tính toán theo công thức: $Q = q \cdot a \cdot S$ (m³/ngày)

q = Lượng mưa tính theo ngày, m/ngày.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Theo số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2020, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021 lượng mưa đo được cao nhất vào tháng 07 là 302 mm. Như vậy trung bình mỗi ngày vào tháng 07 lượng mưa cao nhất là:

$$q = 302/30 = 10,07 \text{ (mm/ngày)} = 10,07 \cdot 10^{-3} \text{ (m/ngày)}.$$

a: Hệ số thực nghiệm đặc trưng cho tính chất của mặt phủ. Chọn hệ số chảy tràn a = 0,9 (Nguồn: Phan Cao Thọ, 2005. Bài giảng giao thông đô thị và chuyên đề đường)

S: Diện tích đất = Tổng diện tích mặt bằng Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức là 4.753m².

Tuy nhiên lượng mưa có khả năng nhiễm dầu chỉ có ở 03 khu vực: (1) trạm bơm xăng dầu: 94,5 m²; (2) nhà xuất xăng dầu cho xe bồn: 141 m²; (3) Khu đất bể trụ: 773,92 m² (Khu bể trụ 100m³ có diện tích: 646,36m²; khu bể trụ 800m³ có diện tích 127,56m²).
Ta có:

$$+ Q_{(1)} = 8,93 \cdot 10^{-3} \cdot 0,9 \cdot 94,5 = 0,856 \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}.$$

$$+ Q_{(2)} = 8,93 \cdot 10^{-3} \cdot 0,9 \cdot 141 = 1,278 \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}.$$

$$+ Q_{(3)} = 8,93 \cdot 10^{-3} \cdot 0,9 \cdot 773,92 = 6,22 \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}.$$

Tổng lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm dầu: **8,35 m³/ngày.đêm.**

➤ Vậy tổng lượng nước thải tại cơ sở cần được xử là: **8,35 + 0,55 = 8,9 m³/ngày.đêm.**

❖ Công trình xử lý

Tổng lượng nước thải dẫn về bể gạn dầu 21,6 m³ để xử lý là 8,9 m³/ngày.đêm. Bể được thiết kế 03 ngăn và giữa các ngăn bố trí các vách hở cách đáy 2,4m nhằm thu nước đã tách khỏi váng dầu (tỉ trọng của xăng, dầu nhỏ hơn nước rất nhiều nên sẽ nổi trên bề mặt), ở ngăn thứ 3 đặt ống thoát nước Ø400 nước thải sẽ tiếp tục được chảy vào hố lắng (5,6 m³), nước thải sau khi xử lý sẽ thoát ra sông Cổ Chiên bằng đường ống thép tròn Ø400. Bể gạn dầu hiện hữu có thể tích 21,6 m³ thì thời gian lưu nước khoảng 5 giờ đảm bảo thời gian vừa lắng cặn vừa tách váng dầu ra khỏi nước thải và nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/ BTNMT (cột B) trước khi thoát ra sông Cổ Chiên.

- Kích thước bể gạn dầu 21,6m³: 6m x 2m x 1,8m (dài x rộng x cao).

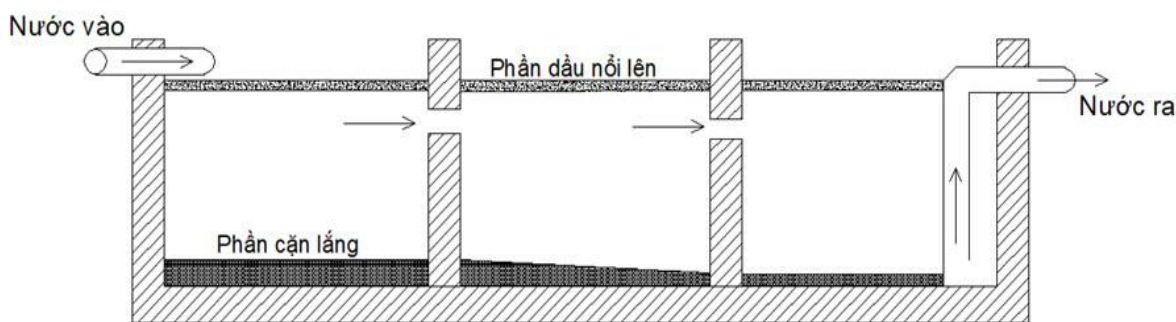
- Kết cấu bể gạn dầu 21,6 m³:

+ Thành bể xây gạch ống D200, trát trong bằng vữa XM M75.

+ Mặt trong đánh màu bằng xi măng nguyên chất.

+ Đáy đổ bê tông đá y1x2 Mác 200, đá 4x6 Mác 100.

❖ Quy trình vận hành bể gạn dầu



Hình 3.4 Quy trình vận hành bể gạn dầu

❖ Thuyết minh quy trình vận hành bể gạn dầu:

Bể gạn dầu hoạt động dựa vào nguyên tắc trọng lực cái gì nhẹ hơn nước thì nổi ở trên bề mặt nước. Cụ thể gạn dầu hoạt động chia làm 2 giai đoạn với thiết kế 3 ngăn như sau: Nước có nhiễm dầu được dẫn vào bể ngăn thứ nhất. Tại đây sẽ diễn ra quá trình phân hóa rõ ràng, phần nhẹ hơn là dầu sẽ bắt đầu tách ra và nổi trên mặt nước. Phần dầu nổi phía trên được thu gom bởi vớt vớt thủ công. Phần nước trong theo đường ống đặt thông dưới đáy bể sẽ được dẫn qua bể thứ hai nhờ vào cao trình mặt nước giữa 2 bể. Tại bể thứ hai cũng diễn ra quá trình tương tự như ở bể thứ nhất. Phần nước trong sẽ được thoát qua ngăn thứ ba và chảy ra bể lắng trước khi thoát ra ngoài môi trường (sông Cổ Chiên). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

Quá trình vận hành bể gạn dầu không sử dụng hóa chất.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1 Giảm thiểu hơi xăng dầu tại khu vực kho chứa

Xăng, dầu là chất dễ bay hơi nên việc giảm thiểu hydrocacbon và chì do hao hụt, rò rỉ hoặc do sự cố cũng sẽ giảm lượng hydrocacbon phát tán vào không khí. Biện pháp kiểm soát các hoạt động xuất, nhập, vận chuyển và hệ thống các đường ống, bồn chứa,... đã được thực hiện ở kho chứa xăng dầu cụ thể như sau:

✚ Đối với bồn chứa và hệ thống đường ống:

Bồn chứa luôn ở tình trạng kín;

Lắp đặt phao bên trong bể để chống bay hơi. Việc sử dụng phao lắp bên trong bể có mái cố định phù hợp với điều kiện Việt Nam và có thể hạn chế đáng kể ô nhiễm môi trường không khí và tăng hiệu quả kinh doanh;

Tồn trữ các sản phẩm xăng, dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bồn vì thể tích khoảng trống chứa hơi trên bề mặt xăng, dầu càng nhỏ thì lượng xăng, dầu bay hơi sẽ càng nhỏ;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Các bồn chứa sẽ luôn được kiểm soát và chống nóng bằng cách: đo nhiệt độ, phun nước tưới mát thành bồn, sơn bằng sơn cao cấp cách nhiệt hoặc phản xạ nhiệt;

Hiện tượng rò rỉ phụ thuộc vào chất lượng bồn chứa, hệ thống ống dẫn, van, bơm, các thiết bị khác và mức độ thành thạo trong thao tác vận hành của nhân viên;

Các biện pháp đã được áp dụng nhằm giảm thiểu lượng rò rỉ tại kho chứa xăng dầu bao gồm:

- Kiểm tra định kỳ hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích các khớp mối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò rỉ hoặc hỏng hóc. Đặc biệt là các vị trí mối hàn, vòng đệm máy bơm, mối liên kết mặt bích... vì đây là nơi dễ xảy ra rò rỉ khi chúng không được bảo trì tốt;

- Khi thấy phát hiện các vết dầu tại mối hàn, lá ép thành bồn, có dầu thấm qua vòng đệm vặn chặn, mặt bích thì phải ngưng hoạt động, tu sửa càng sớm càng tốt;

- Nhanh chóng khắc phục rò rỉ từ các lỗ nhỏ trên đường ống bằng cách löt đệm và đánh đai lại để chờ thay thế đoạn ống mới. Khắc phục rò rỉ từ các mối liên kết mặt bích bằng các đai ốp tương tự. Đai ốp sẽ giữ chặt tấm lót cao su, bọc kín toàn bộ mối liên kết mặt bích, ngăn chặn hoàn toàn rò rỉ;

- Khi phát hiện rò rỉ ở các bồn chứa đầy sản phẩm thì sẽ lập tức tháo hết sản phẩm xăng dầu ra bồn chứa ứng cứu sự cố, gắn ngay matit dự phòng sự cố lên chỗ rò rỉ hoặc vá bằng keo epoxy;

- Trường hợp có sự cố tại các Van cầu hoặc Van chặn thì sẽ ngừng bơm ngay lập tức rồi ủng hèm gỗ nút chặt chỗ rò rỉ lại;

- Liên lạc chặt chẽ giữa tàu chở dầu và các nhân viên trong kho trong quá trình nhập Xăng, dầu vào bồn chứa. Thông báo kịp thời với các tàu xuất đầu khi thấy có hiện tượng tăng áp bất thường để có thể dùng bơm kịp thời trước khi xảy ra sự cố vỡ đường ống.

✚ Đối với vận hành

Để giảm sự bay hơi xăng dầu trong quá trình xuất nhập tại kho chứa cần thực hiện như sau:

- Quá trình bơm vào bồn luôn từ đáy lên, rút ngắn thời gian xuất cho xe bồn để giảm lượng bay hơi. Số lần bơm chuyển nội bộ sẽ được giảm tới mức tối thiểu.

- Hạn chế tối đa việc súc rửa bồn khi thay sản phẩm chứa trong bồn bằng cách có kế hoạch nhập từng chủng loại hàng hợp lý. Có kế hoạch nhập hành hợp lý, tránh nhập liên tiếp với số lượng lớn gây thiếu bồn chứa.

- Mặt khác, khu vực bể chứa của kho nằm trong vùng ngăn cách với khu vực dân sinh, đồng thời khối văn phòng và khu vực nhà ở tập thể cho nhân viên cách xa khu bồn chứa, có cây xanh bao bọc. Do đó, ô nhiễm hơi hydrocacbon hầu như ít tác động

2.2 Giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải

2.2.2 Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện giao thông

Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông của nhân viên làm việc tại cơ sở và xe bồn ra vào lấy hàng.

Hiện nay, cơ sở đã thực hiện một số biện pháp hạn chế như sau:

+ Toàn bộ mặt bằng kinh doanh xăng dầu của cơ sở được tráng xi măng, tận dụng các khoảng trống chung quanh cơ sở để bố trí chậu kiếng tạo môi trường mỹ quan cho cơ sở. Tưới nước làm mát sân hạn chế bụi phát tán xung quanh.

+ Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ và tưới nước tạo ẩm đường đi nội bộ.

+ Tốc độ xe ra vào cơ sở quy định dưới 20km/h.

+ Trang bị bảo hộ lao động cần thiết như khẩu trang,... nhằm giảm thiểu mùi cho nhân viên.

2.2.2 Giảm thiểu ô nhiễm do máy phát điện dự phòng

Trong trường hợp mạng lưới điện quốc gia ngừng hoạt động hoặc có sự cố về điện trong cơ sở thì máy phát điện dự phòng sẽ được sử dụng để đảm bảo các hoạt động của cơ sở diễn ra liên tục. Cơ sở sử dụng 01 máy phát điện dự phòng Máy phát điện VietGen công suất 150KVA hiện hữu, nhiên liệu DO với định mức tiêu thụ khoảng 05 lít dầu/giờ/máy.

Do máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu DO nên khi hoạt động chúng sẽ đốt cháy nhiên liệu và phát sinh ra khói, bụi, SO₂, NO₂, CO, CO₂,... Các loại khí thải này đều gây ra ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Theo Tổ chức Y tế thế giới (1993), nếu đốt lượng không khí dự kiến là 30% và nhiệt độ khí thải là 200⁰C thì lưu lượng khí thải sinh ra trong khi đốt cháy 01 kg dầu DO là 22-25 m³/khí thải.

Bảng 3.4 Nồng độ các chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện dự phòng

STT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 29:2009/BTNMT (Cột B)
1	Bụi	mg/Nm ³	42,1	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	9,54	500
3	NO _x	mg/Nm ³	478,95	850
4	CO	mg/Nm ³	192,11	1.000


(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, 2003)

Nhận xét: Qua tham khảo kết quả bảng trên cho thấy nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải phát sinh do sử dụng máy phát điện dự phòng đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn. Máy phát điện chỉ hoạt động khi trường hợp lưới điện bị sự cố mất điện, hoạt động không liên tục nên ảnh hưởng được xem là không đáng kể.

Hiện nay máy phát điện dự phòng của cơ sở được đặt ở khu vực riêng xa khu vực văn phòng, có tường bao quanh, có máy che, sử dụng nhiên liệu DO hàm lượng lưu huỳnh trong quy chuẩn cho phép và chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố để hạn chế tối đa lượng khí thải phát sinh.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1 Chất thải rắn sinh hoạt

 **Khối lượng và thành phần phát sinh**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh cơ sở từ khu vực văn phòng, khu vực nhà nghỉ với các thành phần chủ yếu như: bọc nylon, giấy ăn, thực phẩm thừa, chai nhựa, lon,...

Theo QCVN 01:2021/BXD định mức phát thải chất thải rắn của đô thị loại II (Do thành phố Trà Vinh thuộc đô thị loại II) là 1,0 kg/người.ngày. Số lượng nhân viên làm việc tại cơ sở là 05 người. Tổng lượng chất thải rắn tại cơ sở là 05 kg/ngày, với các thành phần phần lớn là các vỏ lon, vỏ hộp cơm, vỏ cốc nhựa dùng 1 lần, thức ăn thừa, phế thải nguyên liệu nấu ăn,...Ngoài ra còn có một phần nhỏ các loại bao bì thực phẩm, giấy phế liệu. Chất thải rắn còn có chứa một lượng không đáng kể các thành phần khó phân huỷ như bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, thủy tinh.

 **Biện pháp giảm thiểu**

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và lưu trữ trong 03 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 60L; các thùng chứa được bố trí tại cổng ra vào, nhà vệ sinh, khu vực văn phòng, và một thùng nhựa dung tích 240L có nắp đậy để vào khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt ở bên ngoài cơ sở để thu gom lượng rác thải sinh hoạt.

Cuối ngày, các thùng chứa rác được nhân viên di chuyển ra bên ngoài cơ sở và thu gom vào thùng chứa loại 240L để xe thu gom rác của Công ty CP Công trình Đô thị Trà Vinh đến thu gom và xử lý với tần suất 01 lần/ngày theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường quy định.

Hàng năm, cơ sở đều ký hợp đồng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty CP Công Trình Đô thị Trà Vinh (*Hợp đồng đính kèm phía sau phụ lục*).

3.2 Chất thải công nghiệp thông thường

Cơ sở không phát sinh chất thải sản xuất

4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

 **Khối lượng và thành phần phát sinh**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc của Kho, bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang, bao bì cứng thải bằng nhựa, giẻ lau nhiễm dầu, bùn thải,... với thải lượng từng loại được trình bình ở bảng bên dưới:

Bảng 3.5 Thống kê chất thải nguy hại

STT	Tên Chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	02
2	Giẻ lau nhiễm dầu	18 02 01	20
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	50
4	Bùn thải	12 06 05	40
Tổng khối lượng			112

Biện pháp giảm thiểu

Kho lưu chứa CTNH với tổng diện tích chứa 6m². Kho lưu chứa sẽ được xây dựng kiên cố có mái che và tường bao quanh.

- Khung, cột bằng thép, vách xây tường cao 2m kết hợp với tole, mái lợp tole.
- Nền xi măng, có xây gờ bảo vệ xung quanh phạm vi kho.
- Có cửa khóa và bảng báo hiệu CTNH.

Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được bảo quản chất thải nguy hại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH.

Cơ sở có 6 thùng chứa CTNH tại kho, tất cả các thùng đều có nắp đậy và dán nhãn phân loại bên ngoài, trong đó có:

- 02 thùng nhựa loại 200 lít;
- 02 thùng nhựa loại 100 lít;
- 02 thùng nhựa loại 80 lít.

Các loại thùng chứa được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại có bảng báo hiệu kho chứa chất thải nguy hại và thiết bị cảnh báo an toàn PCCC.

Nguồn chất thải nguy hại này sẽ được thu gom, phân loại triệt để và được lưu trữ trong các thùng đựng CTNH riêng biệt tại kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở và được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định tại Điều 35, Mục 4, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Quy định về việc quản lý chất thải nguy hại, Theo: Hợp đồng số 01/ĐKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH giữa Công ty CP Dầu khí Mê Kông và Công ty CP Sao Việt, hợp đồng có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký. (Hợp đồng được đính kèm phía sau phụ lục).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

✚ Nguồn phát sinh

Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình hoạt động của cơ sở phát sinh từ các nguồn như: Tiếng ồn, rung từ máy phát điện dự phòng, các máy bơm xăng dầu, các loại xe cộ ra vào cơ sở,... sẽ gây nên những tác động xấu đến sức khỏe công nhân nếu không có biện pháp quản lý thích hợp.

Tuy nhiên, máy phát điện dự phòng chỉ được sử dụng khi điện lưới quốc gia bị cúp hay trạm biến áp của cơ sở gặp sự cố. Các loại phương tiện vận chuyển xăng dầu ra vào Kho là khá ít, do các phương tiện vận chuyển này có tải trọng cao nên sẽ chờ được rất nhiều xăng dầu ra vào Kho trong mỗi đợt, khoảng cách thời gian giữa những lần ra vào của các phương tiện là khá lâu. Trong khi đó, các loại phương tiện giao thông ra vào Kho vận chuyển xăng dầu thường tắt động cơ khi chờ nhập hoặc xuất nguyên liệu. Do đó, tiếng ồn của các phương tiện trên gây ra là khá thấp.

✚ Biện pháp giảm thiểu

Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp vận hành, Chủ cơ sở sẽ có một số biện pháp như: trang bị các thiết bị giảm âm chống ồn; thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị và thay thế kịp thời các chi tiết mòn, hỏng; trang bị trang bị bảo hộ lao động và kiểm tra, theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của máy phát điện dự phòng chủ Cơ sở có biện pháp như: Máy phát điện chỉ được sử dụng khi mất điện lưới; nên khí thải, tiếng ồn của máy phát điện là nguồn ô nhiễm không liên tục, mức độ tác động đến môi trường không khí là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ thực hiện một số biện pháp để giảm thiểu nguồn ô nhiễm này, cụ thể như sau:

- Bố trí vị trí hợp lý, riêng biệt để đặt máy móc.
- Các chân đế, bệ máy sẽ được gia cố bằng bê tông chịu lực cao.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân và lập chế độ ca phù hợp để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1 Sự cố cháy nổ

6.1.1 Nguồn phát sinh

Nguy cơ gây cháy nổ là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong công tác vận hành bể chứa xăng dầu. Bởi vì, khi sự cố cháy nổ xảy ra tại Kho chứa xăng dầu sẽ gây ra thảm họa lớn đối với môi trường, kinh tế và con người. Do đó, việc phòng cháy chữa cháy luôn phải đề cao, nguy cơ cháy nổ do rò rỉ, sự cố là rủi ro đáng kể gây tác hại tới môi trường và tài sản. Nguyên nhân phát sinh cháy nổ bao gồm:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

- + Công nhân vi phạm nội quy an toàn lao động, hút thuốc tại khu vực cấm hoặc sử dụng củi lửa tại nơi không được phép;
- + Hệ thống điện thiết kế không đảm bảo an toàn dẫn đến chập mạch gây cháy nổ;
- + Cháy nổ do chập điện, rò rỉ điện;
- + Cháy do sét đánh đối với các công trình cao, không gian xung quanh rộng,...

6.1.1 Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao phải có hồ sơ theo dõi máy đính kèm và được cơ quan chức năng nhà nước kiểm tra định kỳ. Các thiết bị này phải có đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức nhiên liệu trong thiết bị....để giám sát các thông số kỹ thuật.

- Thực hiện tốt các biện pháp hạn chế bay hơi xăng dầu trong khu vực lưu trữ cũng như xuất nhập xăng dầu.

- Cơ sở lắp đặt trong khu vực kho, cầu cảng và cửa hàng xăng dầu hệ thống báo cháy tự động bằng cảm ứng khói và nhiệt, đèn tín hiệu, các phương tiện, thiết bị chữa cháy (bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, cát, bao tải...), xây dựng bể nước dự trữ sử dụng để chữa cháy và các thiết bị này luôn ở trạng thái sẵn sàng để hoạt động.

- Bố trí các hạng mục công trình trong kho một cách hợp lý, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn như khoảng cách từ bồn đến các công trình xây dựng, khoảng cách giữa các bồn chứa, đê ngăn cháy, ống thông hơi, nắp bồn, độ bền và độ lún của bồn, hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ, độ dày thành bồn, ống dẫn dầu, van, điện trở và độ lún của đất.

- Các thiết bị sử dụng điện phải được đảm bảo ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát sinh tia lửa của các thiết bị dụng cụ điện ở các khu vực nguy hiểm. Các loại đèn chiếu sáng đều phải sử dụng là đèn chống nổ.

- Các máy móc dùng điện phải được nối đất, chống điện rò và tích điện từ Kho chứa dầu, máy móc, công trình phải được thiết kế và lắp đặt hệ thống thiết bị chống sét đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, nhất là tại các điểm cao trong khu vực Kho trung chuyển. Lắp đặt hệ thống thu sét, thu điện tích tụ theo đúng quy định.

- Lắp van chống nổ để đề phòng khi cháy bể xảy ra sẽ không bị nổ vỡ. Làm mát các bể chứa xăng dầu trong những tháng mùa khô.

- Những khu vực có thể gây cháy nổ như: máy phát điện dự phòng và kho chứa nguyên liệu, kho chứa dầu, nơi xuất nhập nhiên liệu...tuyệt đối không được hút thuốc và sử dụng các vật dụng dễ phát sinh cháy nổ.


- Đầu tư và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho cơ sở như:

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy 06 bình chữa cháy xe đẩy MFZT35, 20 bình chữa cháy bằng bột, 10 bình chữa cháy bằng khí,... Các biển báo PCCC, bể chứa nước,... theo đúng quy định pháp luật. Các bình chữa cháy được đặt trong những khu vực cần thiết và dễ lấy.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

- + Xây dựng trạm bơm nước chữa cháy và trang bị dung dịch chất tạo bọt.
- + Lắp cố định đường ống nối từ trạm bơm chữa cháy đến khu bể, các khu vực có nguy cơ phát cháy trong cơ sở như: nhà xuất ô tô, trạm bơm dầu, cảng,....
- + Xây dựng bể nước PCCC dung tích 350m³ và bể chứa dung dịch tạo bọt.
- + Xây dựng đê ngăn cháy cao 1,2m bao quanh khu bể chứa nhiên liệu và tường rào cao 2,2m ngăn cách cơ sở với bên ngoài.
- Các đường dây điện được thiết kế an toàn, chống chập gây cháy, kiểm tra định kỳ các đường dây điện, các đầu mối nối.
- Tuyên truyền rộng rãi ý thức phòng chống các sự cố môi trường, đặc biệt là vấn đề cháy nổ đến từng công nhân đang thực hiện trong cơ sở.
- Cơ sở sẽ có kế hoạch phối hợp với cơ quan PCCC Tỉnh, tổ chức diễn tập chữa cháy để đảm bảo hiệu quả ứng cứu khi có sự cố xảy ra, đồng thời nâng cao trình độ kỹ thuật chuyên ngành cho đội ngũ công nhân vận hành hệ thống PCCC. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị, dụng cụ trong hệ thống này, bảo đảm an ninh trong khu vực cơ sở. Công nhân bảo vệ và cán bộ PCCC phải trực xuyên suốt.
- Đảm bảo mặt bằng thông thoáng cho xe cứu hỏa có thể kéo vòi nước vào tất cả các hạng mục công trình khi cần thiết;
- Trang bị đầy đủ dụng cụ, quần áo bảo hộ lao động cho công nhân ở các bộ phận cần thiết. Các loại nguyên liệu, sản phẩm dễ cháy được bảo quản ở nơi thoáng có tường bao che, có hàng rào cách ly để ngăn chặn khả năng cháy tràn lan khi xảy sự cố cháy nổ.

6.1.2 Các quy trình xử lý khi có sự cố cháy nổ

-  Sự cố cháy nổ xảy ra tại các bể chứa:
 - Khi phát hiện cháy nổ tiến hành hô to và báo động bằng hiệu lệnh keng báo cháy.
 - Triển khai công tác chữa cháy:
 - + 02 đội viên khởi động máy bơm chữa cháy và máy bơm bọt.
 - + 01 đội viên mở van nước làm mát bể đang cháy và 01 đội viên chờ lệnh để mở van bọt.
 - Trường hợp cháy lớn:
 - + Liên hệ đơn vị PCCC tỉnh Trà Vinh.
 - + Bơm chuyển xăng dầu trong bể đang cháy sang các tàu chở xăng dầu ở cầu cảng.
 - Cần lưu ý:
 - + Tổ chức cứu người bị nạn trong đám cháy.
 - + Trong trường hợp lăng phun bọt chữa cháy bị hỏng thì dùng lăng vòi di động gắn vào họng chờ để tiếp tục chữa cháy.
 - + Những người tham gia chữa cháy phải được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

+ Đề phòng khi mở nắp bể và hiện tượng bán sản phẩm khi cháy.

Sự cố cháy nổ xảy ra tại tàu xuất nhập xăng dầu:

- Khi phát hiện cháy nổ tiến hành hô to và báo động bằng hiệu lệnh kêng báo cháy.

- Triển khai công tác chữa cháy:

+ 02 đội viên khởi động máy bơm làm mát và máy bơm bọt.

+ 02 đội viên gắn lăng phun nước làm mát tàu đang cháy.

+ 01 đội viên điều khiển hệ thống lăng phun bọt, phun vào tàu đang cháy nổ.

- Trường hợp cháy lớn:

+ Liên hệ đơn vị PCCC tỉnh Trà Vinh.

+ Kéo tàu đang cháy ra xa khu vực kho.

- Cần lưu ý:


+ Tổ chức cứu người bị nạn trong đám cháy.

+ Những người ở gần đó dùng dụng cụ chữa cháy của tàu hoặc ở cảng để dập tắt đám cháy lúc mới xảy ra sự cố.

+ Tàu đang cháy tuyệt đối không được bơm chuyển xăng dầu.

+ Di chuyển các tàu chứa xăng dầu ở gần tàu đang cháy vào vị trí an toàn.

+ Những người tham gia chữa cháy phải được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động.

 Sự cố cháy nổ xảy ra tại trạm bơm xe ô tô:

- Khi phát hiện cháy nổ tiến hành hô to và báo động bằng hiệu lệnh kêng báo cháy.

- Triển khai công tác chữa cháy:

+ Các nhân viên làm việc tại trạm bơm cung cấp cho xe ô tô dùng tất cả các bình chữa cháy hiện có để dập tắt đám cháy.

+ 01 đội viên phụ trách khởi động máy bơm nước và máy bơm bọt.

+ 02 đội viên phụ trách gắn lăng vòi vào đường ống phun nước để làm mát xe ô tô đang cháy.

+ 01 đội viên phụ trách gắn lăng vòi vào đường ống phun bọt để chữa cháy.

- Cần lưu ý:

+ Tổ chức cứu người bị nạn trong đám cháy.

+ Khi phun nước phải đảm bảo an toàn về điện.

+ Dùng lăng phun bọt từ trên mui xe xuống.

+ Ngưng ngay việc bơm xăng dầu tại trạm xuất xe ô tô.

+ Những người tham gia chữa cháy phải được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động.

✚ Sự cố cháy nổ xảy ra tại máy phát điện, máy bơm cứu hoả, trạm biến thế:

- Khi phát hiện cháy nổ tiến hành hô to và báo động bằng hiệu lệnh kêng báo cháy.

- Triển khai công tác chữa cháy:

+ Các nhân viên làm việc gần khu vực cháy dùng tất cả các bình chữa cháy hiện có để dập tắt đám cháy.

+ Triển khai lăng vòi phun nước chữa cháy.

- Cần lưu ý:

+ Cắt điện toàn bộ khu vực bị ảnh hưởng.

+ Khi chảy biến áp hoặc bồn dầu của máy phát điện thì dùng bọt foam để chữa cháy.

+ Các đám cháy nhỏ thì dùng nước chữa cháy.

6.2 Phòng chống sét

- Cơ sở đã lắp đặt hệ thống cột thu sét tại nơi cao nhất của cơ sở, hệ thống chống sét cân phải đạt tiêu chuẩn ngành 20 TCVN 46-84.

- Đường dẫn sét xuống đất được làm bằng thép tròn lồng trong ống nhựa, tiết diện dây lớn hơn 35 mm và trang bị một đường dẫn từ nơi thu sét đến địa điểm tiếp đất.

- Toàn bộ hệ thống thu lôi tiếp địa đều được thiết kế dùng cọc thép L63x6 dài $\geq 2,5$ m, bố trí lưới đóng sâu xuống đất tiếp với điện trở tiếp đất cho từng trường hợp không lớn hơn 4 Ω .

6.3 Kỹ thuật an toàn về điện

Để đảm bảo giảm thiểu rủi ro các sự cố về điện, cơ sở đã áp dụng các biện pháp kỹ thuật về thiết kế mạng lưới điện như sau:

- Sự phân phối điện được thiết lập theo sơ đồ hình tia, nhằm đảm bảo tính độc lập hoạt động cho các phụ tải, tạo điều kiện thuận lợi trong vận hành, dễ dàng trong duy tu sửa chữa và thay thế. Các thiết bị điều khiển những động cơ máy bơm đều được dùng loại kính chống bụi và nước, được lắp trong tủ, đặt cách ly với gian nhà và công trình có nguy cơ cháy nổ theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5334-91 về Quy phạm kỹ thuật an toàn bố trí lắp đặt các thiết bị điện trong kho xăng dầu.

- Để an toàn mạng điện và cải thiện chế độ khởi động cho các động cơ điện của các máy bơm, đối với những động cơ có công suất $P > 20$ KWh có lắp bộ khởi động mềm hay các bộ giảm điện áp khởi động tương đương khác.

- Toàn bộ tuyến cáp tải điện trong hệ thống động lực và chiếu sáng trong kho đều sử dụng loại cáp lõi đồng bọc cách điện XLPE, ngoài bọc băng thép bảo vệ, theo tiêu chuẩn IEC-502 hoặc tương đương. Tuyến cáp được quy hoạch và lắp đặt trên các giá đỡ bằng thép, trong hào cáp xây gạch trên có nắp đan bê tông để tạo điều kiện sửa chữa, cũng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

như lắp thêm các tuyến cáp thông tin, tín hiệu khác phục vụ cho chương trình tự động hoá, hiện đại hoá của cơ sở trong tương lai. Các đoạn đi qua đường ô tô được bố trí các tấm đan chịu lực. Đáy hào cáp được tạo độ dốc 0,2 % nhằm thu về một hồ ga thoát nước để kiểm tra và hút nước khi cần thiết. Từ hào cáp dẫn tới các thiết bị điện đều được bảo vệ trong ống lồng (ống thép tráng kẽm).

- Hệ thống điện chiếu sáng mặt bằng phục vụ cho giao thông đi lại vận trên cột bê tông loại chuyên dùng chiếu sáng vỉa hè của ngành điện, cung điện cho hệ thống này bằng đường cáp lõi đồng đặt ngầm trực tiếp dưới đất.

- Chiếu sáng bảo vệ, phục vụ thao tác ban đêm bằng các đèn pha lắp trên cột có độ cao $h > 7$ m, tại những vị trí thích hợp trên tổng mặt bằng, đảm bảo cự ly an toàn và độ rọi theo quy định.

6.4 Xử lý sự cố tràn dầu

Sự cố tràn dầu xảy ra do đổ vỡ, rò rỉ,...tại các bể chứa xăng dầu, đường ống dẫn dầu bị vỡ, nứt,...dẫn đến dầu chảy tràn ra bên ngoài.

Chủ cơ sở đã cho xây dựng tường cao 1,2m, nền đổ bê tông tại các bồn chứa xăng dầu là những nơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu. Đồng thời trang bị các phương tiện và trang thiết bị để ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra.

Cơ sở đã có Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu số 1638/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ngày 30/08/2017.

Bảng 3.6 Phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu tại cơ sở:

STT	Tên thiết bị/phương tiện	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	Đê vây dầu	01	Tốt
2	Phuy chứa nước nhiễm dầu	02	Tốt
3	Bể gạn dầu	02	Tốt
4	Đê vây dầu tại bến nhập	01	Tốt
5	Cuộn thấm dầu	02	Tốt
6	Bể chứa dầu di động	01	Tốt
7	Vợt vớt ván dầu	04	Tốt
8	Bồn chứa dầu cạn	01	Tốt
9	Bồn chứa chất thải nhiễm dầu	01	Tốt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Nguồn lực ứng phó SCTD là lực lượng nhân viên trực tiếp làm việc tại cơ sở. Tất cả nhân viên đã được huấn luyện về PCCC an toàn lao động môi trường, PCCN định kỳ hàng năm.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1 Tai nạn lao động

❖ Tai nạn lao động của công nhân trực tiếp tham gia vận hành của cơ sở chủ yếu là do những nguyên nhân sau:

- + Không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn lao động do cơ sở đề ra;
- + Không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định khi vận hành các thiết bị máy móc trong quá trình bơm xăng dầu;
- + Bất cẩn về điện dẫn đến sự cố điện giật;
- + Hít phải một lượng lớn hơi xăng, dầu do bất cẩn trong việc vận hành máy móc thiết bị;
- + Trong quá trình vệ sinh bên trong các bồn chứa mà không trang bị đầy đủ bảo lao động cần thiết.

❖ Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tại Cơ sở, Công ty đã và sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- + Tập huấn an toàn lao động cho công nhân, đặc biệt là các công nhân trực tiếp vận hành Kho chứa xăng dầu;
- + Những người quản lý tại Kho phải thường xuyên hướng dẫn và giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân;
- + Công nhân vận hành các máy móc phải đúng kỹ thuật, khi bàn giao ca phải báo cáo tình trạng đang hoạt động của kho;
- + Quy định trong giờ làm việc trong người không được có rượu bia, tránh ảnh hưởng đến công việc;
- + Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo các quy định hiện hành của Bộ Lao Động Thương Binh Và Xã Hội; Các trang thiết bị bảo hộ lao động có thể kể đến như: kính phòng hộ mắt, mặt nạ chống hơi khí độc, găng tay, khẩu trang, giày ủng, quần áo bảo hộ lao động, thiết bị giảm âm,....
- + Thực hiện chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho các bộ, công nhân làm việc tại Kho;
- + Đảm bảo chế độ ăn uống và an toàn vệ sinh thực phẩm cũng như chăm lo cho sức khỏe công nhân;
- + Bố trí nhân viên chuyên trách về vệ sinh và an toàn lao động. Kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp sai phạm nội quy an toàn của cơ sở.

7.2 Sự cố tham gia giao thông

Quá trình xuất nhập xăng dầu tại cơ sở bằng đường bộ và đường thủy. Trong quá trình di chuyển có thể va chạm giao thông giữa các phương tiện với nhau gây tai nạn.

Chủ cơ sở sử dụng các biện pháp hiện hữu để giảm thiểu tác động như sau:

❖ Biện pháp phòng tránh tai nạn giao thông đường bộ:

Các phương tiện vận chuyển phải giảm tốc độ khi ra vào khu vực.

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển theo quy định.

Lắp đặt hệ thống biển báo chú ý quan sát khi ra vào thường xuyên.

❖ Biện pháp phòng tránh tai nạn giao thông thủy:

Lắp đặt biển báo và đèn tín hiệu các phương tiện vận chuyển khi di chuyển vào khu vực cơ sở.

Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được đăng kiểm, người điều khiển phương tiện phải có đủ năng lực và sức khỏe tốt.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.6 Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Nội dung thay đổi	Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Theo hiện trạng hiện nay	Ghi chú
1	Hầm tự hoại	Hầm tự hoại 2 ngăn	Hầm tự hoại 3 ngăn	
2	Cửa hàng bán lẻ	Xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu với diện tích 294m ²	Không xây dựng cửa hàng bán lẻ, hiện nay vẫn là đất trống	
3	Nhà rửa xe, thay nhớt	Được xây dựng với diện tích	Không xây dựng, hiện nay vẫn là đất trống	
4	Nhà bảo vệ	Được xây dựng với diện tích	Không xây dựng, hiện nay vẫn là đất trống	
5	Bổ sung hạng mục Kho chứa chất thải nguy hại	Không	Kho chứa chất thải nguy hại với diện tích	
6	Bổ sung hệ thống báo cháy tự động	Không	Hệ thống báo cháy tự động	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này).

Không

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Không

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải tại cơ sở:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở.
 - + Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu (Nước mưa chảy qua các khu vực nhiễm dầu).
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 8,9 m³/ngày.đêm.
- + Lưu lượng xả nước thải rời đa của nguồn số 01: 0,55 m³/ngày.đêm tương đương 0,0229 m³/giờ.
- + Lưu lượng xả nước thải rời đa của nguồn số 02: 8,35 m³/ngày.đêm tương đương 0,35 m³/giờ.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:
 - + Đối với nước thải sinh hoạt: thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)**. Cụ thể như sau:

Bảng 4.1 Thông số giới hạn và nồng độ chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	10
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

- + Đối với nước thải nhiễm dầu: thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của Kho và cửa hàng xăng dầu - QCVN 29:2010/BTNMT (cột B)**- Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe. Cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Bảng 4.2 Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
1	pH	Mg/L	5,5-9
2	TSS	Mg/L	100
3	COD	Mg/L	100
4	Tổng dầu mỡ	Mg/L	15

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Vị trí xả nước thải: “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức, địa chỉ tại: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh”.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo tọa độ VN:2000): X= 0579272; Y= 1143658.
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- + Chu kỳ xả nước thải: Hàng ngày.
- + Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải được xử lý sau hệ thống xử lý nước thải sẽ thải vào nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh:
- + Nguồn số 1: Hơi xăng dầu bay hơi trong quá trình nhập và xuất bán nhiên liệu làm tăng nồng độ của các chất ô nhiễm trong không khí như: THC, TOC, SO₂, CO,..
- + Nguồn số 2: Các phương tiện giao thông đường bộ/đường thủy nhập, xuất xăng dầu tại Kho xăng dầu sẽ làm tăng nồng độ các chất ô nhiễm không khí như: Khói thải, SO_x, NO_x, CO_x, hơi Pb, hơi dung môi,..
- *Bụi khí thải từ xe gắn máy*: Số lượng xe gắn máy 02 bánh di chuyển đến cửa hàng ước tính khoảng 20 lượt/ngày đêm.

Bảng 4.3 Nồng độ khí thải do xe hai bánh phát ra

STT	Thông số	Tải lượng (kg/ngày)	Tải lượng (g/s)	Nồng độ (mg/m ³)	QCVN 05:2013/BTNMT (trung bình 01 giờ-mg/m ³)
1	Bụi	0,25	0,05	0,92	0,3
2	SO ₂	0,08	0,02	0,41	0,35
3	NO _x	0,62	0,13	0,89	0,2
4	CO	41	8,54	39,6	30

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

• **Bụi khí thải từ xe tải:** Số lượng lượt xe tải, xe bồn, xe ô tô ra vào cửa hàng khoảng 20 lượt/ngày.đêm. Loại phương tiện này sử dụng nhiên liệu dầu DO là chủ yếu. Khí thải phát sinh trong quá trình đốt của động cơ xe gồm bụi, SO₂, CO, VOC,... Khi đốt cháy hoàn toàn 01 kg dầu DO ở 0⁰C thì tạo ra khoảng 22 – 25 m³ khí thải.

Bảng 4.4 Thành phần khí thải của các phương tiện xe tải, xe bồn, xe ô tô

STT	Thông số	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ (mg/m ³)	QCVN05:2013/BTNMT trung bình 1 giờ - mg/m ³
1	Bụi	0,28	0,0047	11,11	0,3
2	SO ₂	20*S	0,00017	0,401	0,35
3	NO _x	2,84	0,048	113,5	0,2
4	CO	0,71	0,012	28,39	30

Khí thải phát sinh tại cơ sở, nguồn tiếp nhận là môi trường không khí xung quanh. Quy chuẩn áp dụng là QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn từ khu vực nhà xuất xăng dầu cho ô tô xi-tec;

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng.

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn (Theo tọa độ VN:2000):

+ Nguồn số 01: X= 0593343; Y= 1103241.

+ Nguồn số 02: X= 0593405; Y= 1103205.

- Giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 4.5 Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép của tiếng ồn tại cơ sở:

STT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Ghi chú
1	50	Khu vực đặc biệt
2	70	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Để đánh giá kết quả quan trắc môi trường của cơ sở, Công ty CP Dầu khí Mê Kông phối hợp với Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam tiến hành thu mẫu, kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải, khí thải, tiếng ồn qua năm 2022 và 2 quý đầu năm 2023 tại cơ sở như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1 Quan trắc định kỳ đối với nước thải

1.1.1 Quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2022

Bảng 5.1 Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			NT-Đ1	NT-Đ2	NT-Đ3	NT-Đ4	
1	Nhiệt độ	°C	27,2	28,9	27,8	28,2	-
2	pH	Mg/L	7,23	6,57	7,11	6,73	5,5-9
3	DO	Mg/L	3,14	3,1	3,8	3,8	-
4	TSS	Mg/L	25	36	19	43	100
5	BOD ₅	Mg/L	28	29	23	32	-
6	COD	Mg/L	54	61	50	78	100
7	NO ₃ -	Mg/L	21,2	21,4	12,6	24,5	-
8	Tổng Nitơ	Mg/L	26,4	27,71	25,1	25,38	-
9	Tổng Phospho	Mg/L	4,54	4,31	2,10	5,16	-
10	Sắt tổng	Mg/L	<0,080	<0,080	<0,080	<0,080	-
11	Amoni	Mg/L	6,71	5,3	5,11	6,1	-
12	Pb	Mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	-
13	Tổng dầu mỡ	Mg/L	5,6	5,6	4,9	5,9	15

(Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2022)

- **Vị trí lấy mẫu:** Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ: X= 0579272; Y= 1143658

- **Thời gian thu mẫu:**

+ Đợt 1 (NT – Đ1): 08/03/2022

+ Đợt 2 (NT – Đ2): 10/06/2022

+ Đợt 3 (NT – Đ3): 07/09/2022

+ Đợt 4 (NT – Đ4): 05/11/2022

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

- **So sánh quy chuẩn:** QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

- **Nhận xét:** Qua kết quả ghi nhận hiện trường và phân tích mẫu nước thải, tại thời điểm thu mẫu cho thấy, giá trị của các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn tương ứng. Vì vậy nước thải phát sinh tại cơ sở đều đạt chất lượng cho phép trước khi xả ra môi trường, nên không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường xung quanh khu vực.

1.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải của 2 quý đầu năm 2023

Bảng 5.2 Kết quả phân tích chất lượng nước thải của 2 quý đầu năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			NT01 – Đ1	NT01 – Đ2	
1	Nhiệt độ	°C	28,6	29,5	-
2	pH	Mg/L	7,41	6,68	5,5-9
3	DO	Mg/L	4,0	3,4	-
4	TSS	Mg/L	23	38	100
5	BOD ₅	Mg/L	20	32	-
6	COD	Mg/L	52	65	100
7	NO ₃₋	Mg/L	13,7	21,9	-
8	Tổng Nitơ	Mg/L	19,6	29,62	-
9	Tổng Phospho	Mg/L	1,62	4,58	-
10	Sắt tổng	Mg/L	<0,080	<0,080	-
11	Amoni	Mg/L	4,62	5,9	-
12	Pb	Mg/L	<0,0020	<0,0020	-
13	Tổng dầu mỡ	Mg/L	4,8	5,8	15

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2023)

- **Vị trí lấy mẫu:** Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ: X= 0579272; Y= 1143658

- **Thời gian thu mẫu:**

+ Đợt 1 (NT01 – Đ1): 30/03/2023

+ Đợt 2 (NT01 – Đ2): 20/06/2023

- **So sánh quy chuẩn:** QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

- **Nhận xét:** Qua kết quả ghi nhận hiện trường và phân tích mẫu nước thải, tại thời điểm thu mẫu cho thấy, giá trị của các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn tương ứng. Vì vậy nước thải phát sinh tại cơ sở đều đạt chất lượng cho phép trước khi xả ra môi trường, nên không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường xung quanh khu vực.

1.2 Quan trắc định kỳ đối với nước mặt

1.2.1 Quan trắc định kỳ nước mặt năm 2022

Bảng 5.3 Kết quả quan trắc nước mặt năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (cột A2)
			Đợt 1		Đợt 2		
			NM01	NM02	NM01	NM02	
1	pH	-	7,1	6,9	7,3	7,2	6-8,5
2	DO	Mg/l	5,54	5,21	5,48	5,68	≥ 5
3	TSS	Mg/l	21	25	26	23	30
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mg/l	5	5	5	5	6
5	COD	Mg/l	11	14	13	11	15
6	Sắt (Fe)	Mg/l	0,58	0,63	0,52	0,57	1
7	Chì (Pb)	Mg/l	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,02
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	Mg/l	0,12	0,13	0,19	0,14	0,3
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	Mg/l	2,81	2,25	2,62	2,31	5
10	Clorua (Cl ⁻)	Mg/l	232	143	218	137	350
11	Tổng Nitơ	Mg/l	4,51	3,72	4,41	3,38	-
12	Tổng Photpho	Mg/l	0,53	0,35	0,56	0,39	-
13	Tổng dầu, mỡ	Mg/l	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	0,5
14	Coliform	MPN/100mL	2,1x10 ³	1,5x10 ³	2,4x10 ³	1,5x10 ³	5.000

(Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2022)

Ghi chú:

“-” : Không quy định.

Vị trí đo đạc, lấy mẫu phân tích:

+ Vị trí 01 (NM01): Tại điểm tiếp nhận nước thải.

Tọa độ X= 0593480; Y= 1103287.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

+ Vị trí 02 (NM02): Tại nơi tiếp nhận nước thải cách 500m theo chiều dòng chảy.

Tọa độ X= 0593525; Y= 11033456.

Thời gian thu mẫu:

+ Đợt 01: Tháng 06/2022.

+ Đợt 02: Tháng 11/2022.

Số sánh quy chuẩn: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột A2).

Nhận xét: Qua kết quả ghi nhận hiện trường và phân tích mẫu nước mặt, tại thời điểm thu mẫu cho thấy, giá trị của các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn. Vì vậy, chất lượng nước mặt khu vực cơ sở không ảnh hưởng đến môi trường.

1.2.2 Quan trắc định kỳ nước mặt của 2 quý đầu năm 2023

Bảng 5.4 Kết quả quan trắc nước mặt 2 quý đầu năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (cột A2)
			NM01	NM02	
1	pH	-	7,2	7,3	6-8,5
2	DO	Mg/l	5,58	5,34	≥ 5
3	TSS	Mg/l	25	28	30
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mg/l	6	4	6
5	COD	Mg/l	12	11	15
6	Sắt (Fe)	Mg/l	0,64	0,66	1
7	Chì (Pb)	Mg/l	<0,002	<0,002	0,02
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	Mg/l	0,13	0,15	0,3
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	Mg/l	2,78	2,32	5
10	Clorua (Cl)	Mg/l	229	138	350
11	Tổng Nitơ	Mg/l	4,56	3,69	-
12	Tổng Photpho	Mg/l	0,55	0,39	-
13	Tổng dầu, mỡ	Mg/l	<0,3	<0,3	0,5
14	Coliform	MPN/ 100mL	2,1x10 ³	1,5x10 ³	5.000

(Nguồn: chủ cơ sở năm 2023)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Ghi chú:

- “-”: Không quy định.

- **Vị trí đo đạc, lấy mẫu phân tích:**

+ Vị trí 01 (NM01): Tại điểm tiếp nhận nước thải.

Tọa độ X= 0593480; Y= 1103287.

+ Vị trí 02 (NM02): Tại nơi tiếp nhận nước thải cách 500m theo chiều dòng chảy.

Tọa độ X= 0593525; Y= 11033456.

- Thời gian thu mẫu: Đợt 01: Tháng 06/2023.

- **So sánh quy chuẩn:** QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột A2).

- **Nhận xét:** Qua kết quả ghi nhận hiện trường và phân tích mẫu nước mặt, tại thời điểm thu mẫu cho thấy, giá trị của các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn. Vì vậy, chất lượng nước mặt khu vực cơ sở không ảnh hưởng đến môi trường.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

2.1 Kết quả quan trắc không khí định kỳ năm 2022

Bảng 5.5 Kết quả phân tích vi khí hậu tại cơ sở năm 2022

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Nhóm thông số		
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió
1	XQ01-Đ1	28,4	75,7	0,3
	XQ01-Đ2	28,7	75,6	0,3
	XQ01-Đ3	28,7	74,6	0,3
	XQ01-Đ4	27,1	77,4	0,2
2	XQ02-Đ1	28,1	75,3	0,2
	XQ02-Đ2	28,5	75,7	0,2
	XQ02-Đ3	28,3	75,1	0,4
	XQ02-Đ4	27,2	77,5	0,3
3	XQ03-Đ1	27,9	74	0,32
	XQ03-Đ2	28,7	75,1	0,3
	XQ03-Đ3	28,1	72,8	0,4
	XQ03-Đ4	27,5	77,4	0,2

(Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2022)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

Bảng 5.6 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			XQ01	XQ02	XQ03			
1	Độ ồn	dB(A)	65,2	64,4	65,6	≤ 70	-	-
2	Bụi	µg/m ³	81,7	80,3	85,1	-	300	-
3	SO ₂	µg/m ³	45,4	46,2	45,2	-	350	-
4	NO ₂	µg/m ³	46,2	47,8	47,6	-	200	-
5	C _x H _y	µg/m ³	124,7	122,7	127,3	-	--	5.000

(Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2022)

Bảng 5.7 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			XQ01	XQ02	XQ03			
1	Độ ồn	dB(A)	65,4	66,7	66,3	≤ 70	-	-
2	Bụi	µg/m ³	81,4	83,6	86,2	-	300	-
3	SO ₂	µg/m ³	46,5	47,8	<44,1	-	350	-
4	NO ₂	µg/m ³	41,3	42,4	34,2	-	200	-
5	C _x H _y	µg/m ³	121,5	125,2	116,1	-	--	5.000

(Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2022)

Bảng 5.8 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 3 năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			XQ01	XQ02	XQ03			
1	Độ ồn	dB(A)	66,2	65,4	64,5	≤ 70	-	-
2	Bụi	µg/m ³	78,9	79,6	82,0	-	300	-
3	SO ₂	µg/m ³	47,0	45,6	47,0	-	350	-
4	NO ₂	µg/m ³	50,5	49,0	50,0	-	200	-
5	C _x H _y	µg/m ³	125	129	129	-	--	5.000

(Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2022)

Bảng 5.9 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 4 năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			XQ01	XQ02	XQ03			
1	Độ ồn	dB(A)	67,1	66,9	67,9	≤ 70	-	-
2	Bụi	µg/m ³	86,2	81,5	81,7	-	300	-
3	SO ₂	µg/m ³	41,9	46,2	<44,1	-	350	-

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Dịch vụ & Công Nghệ Môi trường Tân Tiến
Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			XQ01	XQ02	XQ03			
4	NO ₂	µg/m ³	43,7	44,9	49,9	-	200	-
5	C _x H _y	µg/m ³	138,7	121,9	122,6	-	--	5.000

(Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở năm 2022)

Ghi chú:

- “-”: Không quy định.

- **Vị trí đo đạc, lấy mẫu phân tích:** 03 vị trí

+ Vị trí 01 (XQ01): Khu vực khuôn viên các kho chứa.

Tọa độ X= 0593314; Y= 1103230.

+ Vị trí 02 (XQ02): Khu vực khuôn viên cơ sở.

Tọa độ X= 0593346; Y= 1103240

+ Vị trí 03 (XQ03): Khu vực bên ngoài kho chứa.

Tọa độ X= 0593356; Y= 1103258.

- **Thời gian thu mẫu:**

+ Đợt 1: 03/2022

+ Đợt 2: 06/2022

+ Đợt 3: 09/2022

+ Đợt 4: 12/2022

- **So sánh quy chuẩn:**

+ QCVN 26:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – khu vực thông thường từ 6h – 21h;

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – Trung bình 1h;

+ QCVN 06:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- **Nhận xét:** Qua kết quả ghi nhận hiện trường và phân tích mẫu không khí, tại thời điểm thu mẫu cho thấy, giá trị của các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn tương ứng. Vì vậy chất lượng không khí tại cơ sở đều đạt chất lượng cho phép, nên không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường không khí xung quanh khu vực.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

2.2 Kết quả quan trắc không khí định kỳ 02 quý đầu năm 2023

Bảng 5.10 Kết quả quan trắc vi khí hậu định kỳ 02 quý đầu năm 2023

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Nhóm thông số		
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió
1	XQ01	29,1	70,3	0,6
	XQ02	29,7	71,4	0,5
	XQ03	29,6	71,4	0,6
2	XQ01	29,8	73,8	0,2
	XQ02	29,6	74,1	0,2
	XQ03	29,3	73,18	0,2

(Nguồn: chủ cơ sở năm 2023)

Bảng 5.11 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			XQ01	XQ02	XQ03			
1	Độ ồn	dBA	68,2	66,9	65,3	≤ 70	-	-
2	Bụi	µg/m ³	80,1	81,6	84,2	-	300	-
3	SO ₂	µg/m ³	52,6	51,2	48,1	-	350	-
4	NO ₂	µg/m ³	53,1	58,6	49,3	-	200	-
5	C _x H _y	µg/m ³	136	142	142	-	--	5.000

(Nguồn: chủ cơ sở năm 2023)

Bảng 5.12 Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
			XQ01	XQ02	XQ03			
1	Độ ồn	dBA	65,9	68,6		≤ 70	-	-
2	Bụi	µg/m ³	83,6	85,2		-	300	-
3	SO ₂	µg/m ³	48,5	49,7		-	350	-
4	NO ₂	µg/m ³	43,2	43,6		-	200	-
5	C _x H _y	µg/m ³	123,9	128,5		-	--	5.000

(Nguồn: chủ cơ sở năm 2023)

Ghi chú:

- “-”: Không quy định.
- Vị trí đo đạc, lấy mẫu phân tích: 03 vị trí

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

+ Vị trí 01 (XQ01): Khu vực khuôn viên các kho chứa.

Tọa độ X= 0593314; Y= 1103230.

+ Vị trí 02 (XQ02): Khu vực khuôn viên cơ sở.

Tọa độ X= 0593346; Y= 1103240

+ Vị trí 03 (XQ03): Khu vực bên ngoài kho chứa.

Tọa độ X= 0593356; Y= 1103258.

- Thời gian thu mẫu:

+ Đợt 1: 03/2023

+ Đợt 2: 06/2023

- So sánh quy chuẩn:

+ QCVN 26:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – khu vực thông thường từ 6h – 21h;

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – Trung bình 1h;

+ QCVN 06:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Nhận xét: Qua kết quả ghi nhận hiện trường và phân tích mẫu không khí, tại thời điểm thu mẫu cho thấy, giá trị của các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn tương ứng. Vì vậy chất lượng không khí tại cơ sở đều đạt chất lượng cho phép, nên không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường không khí xung quanh khu vực.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ vào kết quả giám sát môi trường năm 2022 tại chương 5 cho thấy các thông số chất lượng nước thải và không khí xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép do đó chủ cơ sở không đề xuất các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1 Chương trình quan trắc định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (không thuộc phụ lục XXVIII và phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022).

2.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Giám sát không khí

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

+ Vị trí 01: Khu vực khuôn viên các kho chứa. Tọa độ X= 0593314; Y= 1103230.

+ Vị trí 02: Khu vực khuôn viên của Cơ sở. Tọa độ X= 0593346; Y= 1103240.

+ Vị trí 03: Khu vực bên ngoài kho chứa. Tọa độ X= 0593356; Y= 1103258.

- Các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, độ ồn, SO₂, NO₂, Hydrocacbon (C_xH_y).

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – cột B;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, DO, TSS, BOD₅, COD, NO₃., Sắt tổng, Tổng N, Tổng P, Amoni, Pb, Tổng dầu mỡ.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B).

✚ Giám sát chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hóa đơn, chứng từ..

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Dự đoán kinh phí thực hiện khoảng 40.000.0000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong 02 gần nhất. Trong quá trình hoạt động, cơ sở luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường, quan trắc định kỳ chất thải để đảm bảo công tác quản lý, thực hiện các biện pháp giảm thiểu đạt hiệu quả, nước thải được xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết nội dung, thông tin trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức” là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, vận hành thường xuyên các công trình xử lý nêu trong báo cáo. Cam kết xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi xả thải, cam kết xử lý bụi, khí thải và các chất thải khác đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan cơ sở. Cam kết thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, hóa chất và các quy định khác có liên quan hoạt động của cơ sở.

- Chủ cơ sở cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Của Cơ sở “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức”

PHỤ LỤC

STT	Tên phụ lục
1	Hồ sơ pháp lý <ul style="list-style-type: none">- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp- Quyết định số 890/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường về việc xây dựng Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh do UBND tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10/06/2008.- Quyết định về việc phê duyệt Ứng phó sự cố tràn dầu số 1638/QĐ-UBND ngày 30/08/2017.- Quyết định về việc công bố hoạt động bến thủy nội địa số 130/QĐ-UBND ngày 04/10/2021.- Công văn số 115/NT-PC07 của Phòng Cảnh Sát PCCC và CNCH Công An tỉnh Trà Vinh về việc kiểm tra nghiệm thu PCCC công trình: “Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức, hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động”.- Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại của Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức (thuộc Công ty CP Dầu khí Mê Kông) mã số QLCTNH: 84.000027.T cấp ngày 25/04/2012.
2	Một số hợp đồng có liên quan <ul style="list-style-type: none">- Hợp đồng thuê đất- Hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại- Hợp đồng thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt
3	Hóa đơn điện/nước của 6 tháng/2023
4	Phiếu phân tích kết quả quan trắc năm 2021, 2022, 6 tháng đầu năm 2023
5	Bản vẽ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1800277683

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 01 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 22 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEKONG PETROLEUM JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: PETROMEKONG

2. Địa chỉ trụ sở chính

60-62, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt
Nam

Điện thoại: 02923.810.817

Email:

Fax:

Website: www.petromekong.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 514.061.780.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm mười bốn tỷ không trăm sáu mươi một triệu bảy
trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 51.406.178

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐÀO ĐÌNH THIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034081018408

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 14, đường 7, C/x Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14, đường 7, C/x Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Phúc

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh do Công ty TNHH dầu khí MêKông làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo Tờ trình số 85/TTr-STNMT ngày 04/6/2008 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của “Dự án Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh” do Công ty TNHH dầu khí MêKông làm chủ đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh” do Công ty TNHH dầu khí MêKông làm chủ đầu tư, với những nội dung theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được hiệu chỉnh theo biên bản họp Hội đồng thẩm định môi trường ngày 14/5/2008.

Điều 2. Công ty TNHH dầu khí MêKông có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã nêu trong Biên bản thẩm định, Báo cáo đánh giá tác động môi trường được hiệu chỉnh và các yêu cầu bắt buộc sau:

1. Theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng các công trình xử lý môi trường; đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật thu hồi hơi xăng dầu ở nhiệt độ cao; thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật đã được thỏa thuận thiết kế để phòng các sự cố môi trường có thể xảy ra.

2. Thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường và những cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương; Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Trà Vinh; Giám đốc Công ty TNHH dầu khí Mê Kông và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LDVP, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, khối KTKT, KTTT. 47b/c/d



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *tk*

Nguyễn Văn Phong
Nguyễn Văn Phong

Số: 1638/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 30 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh tại Biên bản số 73/BB-HĐ ngày 12/7/2017;

Xét nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 984/DKMK ngày 04/8/2017 của Công ty Cổ phần dầu khí Mê Kông;

Xét Tờ trình số 380/TTr-STNMT ngày 11/8/2017 của Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh (đính kèm kế hoạch).

Điều 2. Công ty Cổ phần dầu khí Mê Kông có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung được nêu trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh được phê duyệt và các yêu cầu sau:

1. Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, thiết bị và thường xuyên kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng trang thiết bị để kịp thời ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra; hàng năm có kế hoạch đầu tư, mua sắm hoặc hợp đồng thuê phương tiện, trang thiết bị cần thiết để ứng phó kịp thời khi có sự cố tràn dầu xảy ra.

2. Định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu theo các tình huống giả định nêu trong kế hoạch; khi phát hiện có sự cố tràn dầu xảy ra phải nhanh chóng báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chức năng của tỉnh để kịp thời ứng phó nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự phát tán dầu tràn ra môi trường.

4. Khi có sự cố xảy ra trong phạm vi quản lý cần khẩn trương phối hợp với các ngành có liên quan xác định nguyên nhân sự cố, đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ thiệt hại đến môi trường, giám định thiệt hại và giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

6. Thường xuyên cập nhật Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh, trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về nội dung kế hoạch thì chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, những nội dung thay đổi, bổ sung chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu Trà Vinh đã được phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh và Giám đốc Công ty Cổ phần dầu khí Mê Kông có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. 7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KẾ CHỨC TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Số: 130/QĐ-SGTVT

Trà Vinh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố hoạt động bến thủy nội địa

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh sửa đổi Khoản 2 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa của Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông;

Theo đề nghị của Giám đốc Đoàn quản lý giao thông thủy bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hoạt động Bến thủy nội địa Kho xăng dầu Long Đức Trà Vinh.

Tại vị trí có tọa độ: Giới hạn bởi các điểm tọa độ M1(1103262.859; 593493.111), M2(11032585.313; 593481.01), M3(1103310.9; 593537.691), M4(1103325.248; 593525.862).

Từ km thứ 04+195 đến km thứ 04+215;

Trên bờ phải sông Cổ Chiên (nhánh Cung Hầu);

Thuộc địa phận: xã Long Đức, thành phố Trà Vinh;

Tỉnh Trà Vinh.

Của: Công ty Cổ phần Dầu Khí Mê Kông (Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Đình Thiêm; Mã số doanh nghiệp: 1800277683, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/3/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp).

Địa chỉ trụ sở chính: 60-62, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại: 02923.810817.

Loại bến: Bến thủy nội địa chuyên dùng (xăng, dầu).

Vùng đất của bến: 12.132,9m².

Kết cấu công trình bến: Bờ kè gia cố bê tông.

Được phép tiếp nhận phương tiện thủy: Có món nước đầy tải không quá 1,3 mét ứng với mực nước thủy triều từ 02 mét trở lên.

Vùng nước của bến theo Bản vẽ do chủ đầu tư thực hiện tháng 9/2010

+ Chiều dài: 20 mét, kể từ điểm M1 dọc theo bờ về thượng lưu đến điểm M2;

+ Chiều rộng: 60 mét, kể từ điểm M1, M2 trở ra phía luồng.

Thiết bị xếp, dỡ: Nhập, xuất xăng dầu qua hệ thống đường ống công nghệ khép kín.

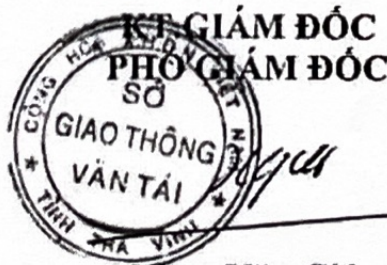
Điều 2. Trong thời gian hoạt động chủ bến có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày /10/2021 đến ngày 26/9/2024.

Điều 4. Giám đốc Đoàn Quản lý giao thông thủy bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Tổ chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 4;
- UBND xã Long Đức;
- Cảng vụ ĐTNĐ KV IV;
- Lưu: VT, ĐQL.



Nhan Văn Giá

Số: 34 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 11/12/2019 của: Công ty Cổ phần dầu khí Mê Kông.....

Người đại diện là Ông/Bà: Nguyễn Duy Long..... Chức danh: Giám đốc.....

.....PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH.....

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Kho Trung Chuyên xăng dầu Long Đức.

Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động.....

Địa điểm xây dựng: Ấp. Vĩnh Hưng, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần dầu khí Mê Kông.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH MTV Đồng Tiến.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

..Hệ thống báo cháy tự động.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Trà Vinh....., ngày 23 tháng 12 năm 2019

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Minh Chiêu

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C07(BC);
- Lưu: PC07. (Tổ thẩm duyệt).

Số: 21 /TD-PCCC (.....)

TRÀ VINH, NGÀY 07 THÁNG 05 NĂM 2008

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 892 ngày 23/04/2008

của: **CÔNG TY TNHH DẦU KÍ MÊ KÔNG**

Người đại diện là ông/ bà: **ĐÀM QUỐC HOÀN** Chức danh **Phó tổng giám đốc**
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

CHỨNG NHẬN:

Kho trung chuyển xăng dầu Trà Vinh (kho cấp III - 1.800m³)

(2) Địa điểm: **ấp Vinh Hưng, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: **CÔNG TY TNHH DẦU KÍ MÊ KÔNG.**

Đơn vị lập dự án/thiết kế: **Cty cổ phần tư vấn XDCN Đô thị Việt Nam.**

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Phân loại kho, khoảng cách an toàn PCCC, tường rào bao quanh, đường ống công nghệ; hệ thống an toàn PCCC; hệ thống chống sét; hệ thống điện; cửa hàng xăng dầu.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

01/ Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện đúng theo bản vẽ đã được phê duyệt.

2/- Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan Cảnh sát PCCC.

Trà Vinh, ngày 07 tháng 05 năm 2008

Trưởng phòng Cảnh sát PCCC

(4)

(Ký tên, đóng dấu)

Thượng tá: Nguyễn Văn Nhi

Nơi nhận:

C23 - b/c

Sở xây dựng Trà Vinh.

Cty TNHH Dầu khí Mê Kông.

Lưu PC23 - (dội KT)

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Tổng mặt bằng	TMB - 01	
02	Sơ đồ công nghệ kho xăng dầu	SDCN - 02	
03	Mặt bằng công nghệ	CN - 02	
04	Sơ đồ PCCC	SDCC - 01	
05	Sơ đồ công nghệ cửa hàng xăng dầu	SDCN - 02	
06	Nhà kho mặt bằng, mặt cắt	KT 01- 02	
07	Đường bãi mặt bằng - mặt cắt	DB - 01	
08	Nhà xuất dầu mặt bằng, mặt cắt	KT 01- 01	
09	Trạm bơm nước chữa cháy mặt bằng - mặt cắt	KT 02 - 02	
10	Nhà điều hành mặt bằng - mặt đứng	KT 01- 01	
11	Tổng thể bể trụ đứng $V=800m^3$	KC 01 - 05	
12	Khai triển thành bể, bể trụ đứng $V=800m^3$	KC 02 - 05	
13	Móng bể, bể trụ đứng $V=800m^3$	KC 03 - 05	
14	MB bố trí cọc bể trụ đứng $V=800m^3$	KC 04 - 05	
15	Hình dạng chung bể chức $100m^3$	KC 01 - 01	
16	Chi tiết dầm giằng, neo bể	KC 01 - 01	
17	Trạm bơm dầu mặt bằng	KT 01 - 02	
18	Trạm bơm dầu mặt bằng - mặt cắt	KT 02 - 02	
19	Nhà bán hàng, mái che cột bơm MB - Mặt cắt	KT 01 - 02	
20	Sơ đồ chữa cháy	SDCC - 01	
21	MB thoát nước	TN - 01	
22	Tổng mặt điện	TMB - 01	

**CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **115** /NT-PC07

Trà Vinh, ngày **10** tháng 7 năm 2020

V/v kiểm tra nghiệm thu PCCC công
trình: Kho trung chuyển xăng dầu
Long Đức. Hạng mục: Bổ sung hệ
thống báo cháy tự động

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông.

Theo văn bản đề nghị nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 18/6/2020 của Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông về việc nghiệm thu PCCC của công trình: Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức. Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về PCCC tại biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Trà Vinh lập ngày 09/7/2020, hồ sơ nghiệm thu về PCCC của Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Trà Vinh đồng ý nghiệm thu về PCCC của Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông đối với công trình: Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức. Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động, xây dựng tại địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo các nội dung sau: **Hệ thống báo cháy tự động.**

Để đảm bảo an toàn PCCC trong suốt quá trình sử dụng của Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ và Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ;
- Thực hiện đúng quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về PCCC./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục C07-BCA (báo cáo);
- Đ/c Phó Giám đốc phụ trách (báo cáo);
- Lưu: PC07 (Tổ thẩm duyệt).



Trung tá Nguyễn Minh Chiêu

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS-PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ PCCC VÀ CNCH

(Kiểm tra nghiệm thu PCCC công trình: Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức.
Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động)

Hồi 14 giờ 00 ngày 09 tháng 7 năm 2020.

Tại công trình: Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức. Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ.

1. Đại diện chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông.

Ông: Nguyễn Duy Long Chức vụ: Giám đốc Công ty

Ông: Phạm Hữu Nhân Chức vụ: Phó phòng KHĐT

Ông: Phan Quý Lai. Chức vụ: Trưởng kho.

Ông: Tạ Minh Tứ Chức vụ: Chuyên viên Phòng KHĐT

2. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phú Quý.

- Ông: Lê Như Quý. Chức vụ: Giám đốc.

- Ông: Võ Văn Mẫn. Chức vụ: Quản lý kỹ thuật.

3. Đại diện đơn vị kiểm tra: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Trà Vinh.

- Ông: Tiền Thanh Quang. Chức vụ: Cán bộ thẩm duyệt thiết kế PCCC.

- Ông: Nguyễn Văn Phúc. Chức vụ: Cán bộ thẩm duyệt thiết kế PCCC.

Đã tiến hành kiểm tra: Nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy công trình Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức. Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy.

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA.

1. Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình thi công lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động tại công trình.

Đại diện Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông, ông Phan Quý Lai – Trưởng kho báo cáo tình hình thi công lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động đã hoàn thành, tổ chức thi công lắp đặt theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

2. Kiểm tra hồ sơ.

- Hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công đã được cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Trà Vinh thẩm duyệt thiết kế về PCCC và cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt số 34/TD-PCCC ngày 23/12/2019.



nhân

- Kiểm tra thành phần và tính pháp lý của hồ sơ nghiệm thu PCCC: Cơ bản thành phần và tính pháp lý của hồ sơ đảm bảo theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

3. Kiểm tra thực tế.

Đoàn tiến hành kiểm tra thực tế đối với công trình Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức. Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy, cụ thể như sau:

- Kiểm tra việc thi công lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC: Cơ bản thi công lắp đặt theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Kiểm tra thử nghiệm hoạt động của hệ thống báo cháy tự động.

+ Thử hoạt động của các đầu báo cháy, nút ấn báo cháy: Hoạt động bình thường.

+ Thử chuông báo cháy: Hoạt động bình thường.

+ Thử chế độ hoạt động với nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng, kiểm tra chế độ báo lỗi: Tại thời điểm kiểm tra đảm bảo.

+ Thử các chức năng làm việc của trung tâm báo cháy: Hoạt động bình thường.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

1. Kết luận.

Tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu PCCC công trình Kho trung chuyển xăng dầu Long Đức. Hạng mục: Bổ sung hệ thống báo cháy tự động cơ bản được thi công xong, lắp đặt theo bản vẽ thiết kế, hệ thống báo cháy đã được vận hành và đưa vào chế độ thường trực.

2. Kiến nghị.

- Đơn vị sử dụng phải thực hiện đúng theo quy trình hướng dẫn, vận hành. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, hệ thống PCCC theo quy định của luật PCCC và các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành.

Biên bản lập xong hồi 15 giờ 30 ngày 09 tháng 7 năm 2020, gồm 03 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản. Đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Long

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG



Lê Như Quý

ĐẠI DIỆN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nguyễn Văn Phụng



Ước

Trà Vinh, ngày 25 tháng 4 năm 2012

**SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 84.000027.T

(Cấp lần: 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

- Tên: KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU LONG ĐỨC (THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG - CHI NHÁNH TRÀ VINH)

- Địa chỉ văn phòng: ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Điện thoại: 074.3846578,

Fax: 074.3846578

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 1800277683, cấp lần đầu ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26/8/2011 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3. Chịu trách nhiệm và đảm bảo tính chính xác của việc kê khai các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị (cơ sở).

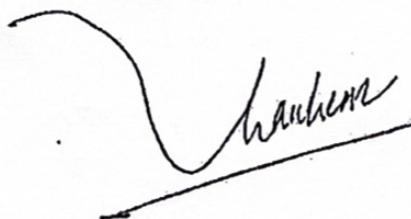
IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Công ty CP dầu khí Mekong;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC *Cau Đ*
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 84.000027.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh
cấp lần 1, ngày ..25. tháng..A. năm 2012)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

- Tên: **KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU LONG ĐỨC (THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG - CHI NHÁNH TRÀ VINH)**

- Địa chỉ văn phòng: ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Điện thoại: 074.3846578, Fax: 074.3846578

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 1800277683, cấp lần đầu ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26/8/2011 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính dầu	Rắn	12	18 02 01
2	Nước xả cặn đáy bồn	Lỏng	240	17 05 05
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
4	Bình ắc quy thải	Rắn	20	16 01 12
5	Dầu nhớt thải từ máy phát điện	Lỏng	24	17 06 03
	Tổng số lượng		306	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Rác thải thông thường	Rắn	85
	Tổng số lượng		85

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 84.000027.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 1 ngày .25... tháng 4 năm 2012 được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

Dầu khí Mê Kông

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
TỈNH TRÀ VINH
CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /HD-CTHT

Trà Vinh, ngày 25 tháng 6 năm 2008

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Căn cứ Luật đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 về việc thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2008 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức thuê 21.578,5 m² đất tại ấp Vinh Hưng, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để hoạt động khai thác Cảng Sông Long Đức;

Căn cứ hợp đồng thuê đất số 15/HĐTD ngày 09 tháng 5 năm 2008 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Trà Vinh với Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức;

Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 20 tháng 9 năm 2007 về việc thuê đất xây kho trung chuyển và cửa hàng xăng dầu tại Cảng Long Đức - tỉnh Trà Vinh giữa Công ty TNHH Dầu khí Mê Kông với Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh và Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức;

Căn cứ Biên bản số 37/BB-CTHT ngày 07 tháng 12 năm 2007 về việc bàn giao vị trí, ranh giới cắm mốc xây dựng kho trung chuyển xăng dầu và cửa hàng kinh doanh xăng dầu thuộc Công ty Dầu khí Mê Kông tại Cảng Sông Long Đức - tỉnh Trà Vinh.

Hôm nay, ngày 25 tháng 6 năm 2008 tại Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên cho thuê (sau đây gọi là bên A)

- Tên đơn vị: Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức

- Địa chỉ: ấp Vinh Hưng, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: (074)746179

Fax: (074)746180.

- Tài khoản số: 421.221.000.000.02, tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - chi nhánh Trà Vinh.

- Mã số thuế: 2100312937

- Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thu

Chức vụ: Giám đốc

2. Bên thuê (sau đây gọi là bên B)

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Dầu khí Mê Kông

- Địa chỉ: 174, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

- Điện thoại: (0710)810817

Fax: (0710)810810

- Tài khoản số: 011.1.00.001700.1 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Cần Thơ.

- Mã số thuế: 1800277683

- Đại diện: Ông Đàm Quốc Hoàn

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Giấy Ủy quyền số 2310/UQ-DKMK ngày 25/12/2007

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Quyền sử dụng đất thuê:

Quyền sử dụng đất của bên A là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AT.819354, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T.0.0.106, vị trí khu đất cho bên B thuê cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 67, 68. Tờ bản đồ số: 21

- Địa chỉ thửa đất: ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh.

- Diện tích: 12.132,9 m²

(Bằng chữ: Mười hai nghìn một trăm ba mươi hai phẩy chín mét vuông)

- Mục đích sử dụng: Xây dựng kho xăng dầu và kho chứa hàng khô.

- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 02 tháng 4 năm 2057.

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):

Điều 2. Thời hạn thuê:

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất của Hợp đồng này là: kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02 tháng 4 năm 2057 (theo Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 02/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh).

Điều 3. Mục đích thuê:

Mục đích thuê quyền sử dụng đất của Hợp đồng này là: Xây dựng kho xăng dầu và kho chứa hàng khô.

Điều 4. Giá thuê và phương thức thanh toán:

1. Giá thuê (đã bao gồm các loại thuế) trong Hợp đồng này là: 2.000 đồng/m²/tháng
(Bằng chữ: Hai nghìn đồng một mét vuông một tháng)

- Đơn giá cho thuê cố định trong 05 năm đầu. Sau 05 năm, nếu có điều chỉnh đơn giá cho thuê thì cứ 05 năm một lần, mức điều chỉnh mỗi lần không quá 15% giá thuê ghi trong phụ lục hợp đồng và chỉ điều chỉnh cho thời gian thuê còn lại mà nhà đầu tư chưa trả tiền thuê.

2. Việc miễn, giảm tiền thuê đất:

- Bên A miễn tiền thuê đất đến ngày 31/12/2008.

- Hai năm tiếp theo giảm 30% tiền thuê đất (từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2010).

- Năm thứ 3 và năm thứ 4 giảm 20% tiền thuê đất (từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2012).

- Từ ngày 01/01/2013 tính đủ 100% tiền thuê đất.

3. Phương thức thanh toán như sau:

- Thời điểm bên B nộp tiền thuê đất là ngày 15 tháng 01 năm 2009.

- Tiền thuê đất được trả vào ngày 15 tháng 01 hàng năm bằng tiền đồng Việt Nam sau khi bên B nhận được văn bản đề nghị thanh toán của bên A.

- Cứ 05 năm tiếp theo hai bên sẽ cùng ký một phụ lục hợp đồng bổ sung cho tiền thuê và phương thức thanh toán theo qui định.

4. Việc giao và nhận số tiền của Hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ và quyền của bên A:

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào ngày 13 tháng 6 năm 2008, diện tích 12.132,9 m².

- Chịu trách nhiệm làm việc với cơ quan chức năng để bên B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích thuê tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích.

- Nộp thuế sử dụng đất.

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.

- Có trách nhiệm trình các cơ quan có thẩm quyền về việc xin mở Cảng chuyên dụng.

- Xuất hoá đơn GTGT cho bên B theo từng lần thanh toán.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê.

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại.

- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết. Nếu bên B có nhu cầu thuê tiếp thì bên A ưu tiên cho bên B thuê, thời gian gia hạn thuê đất sẽ được hai bên ký kết phụ lục hợp đồng.

Điều 6. Nghĩa vụ và quyền của bên B:

1. Bên B có nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê.

- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất.

- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận.

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê.
- Vì lý do an toàn về địa chất và nền móng công trình bên thuê không được tự ý khoan giếng để khai thác nước ngầm sử dụng trong nhà máy.
- Trọng thời hạn 03 (ba) tháng nếu bên B chưa khởi công xây dựng thì phải thông báo cho bên A, nếu lý do không chính đáng bên A sẽ thu hồi lại đất.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận.
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận.
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.
- Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần diện tích được thuê tại Điều 1 của hợp đồng này theo quy định.

Điều 7. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất và nộp lệ phí:

1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc khảo sát đo đạc, tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên B chịu trách nhiệm nộp.

Điều 8. Phương thức giải quyết tranh chấp:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau, trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án kinh tế giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Cam đoan của các bên:

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:
 - Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.
 - Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật.
 - Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - + Thửa đất không có tranh chấp.
 - + Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.
 - Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.
 - Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 03 /PLHD - CTyQLPHTT

**Về việc điều chỉnh diện tích và tăng đơn giá thuê đất
cho Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc đổi tên Công ty Phát triển hạ tầng KCN Long Đức thành Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh;

Căn cứ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23 tháng 6 năm 2008 được ký kết giữa Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Long Đức và Công ty TNHH Dầu khí Mê Kông;

Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 03/PLHD-CTHT ngày 24/5/2011 về việc điều chỉnh diện tích đất cho Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 58121000049 ngày 27 tháng 10 năm 2009 do UBND tỉnh Trà Vinh cấp cho Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông;

Căn cứ trích lục bản đồ địa chính số 30/TL.VPĐKĐĐ ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;

Hôm nay, ngày 21 tháng 3 năm 2016 tại Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. BÊN CHO THUÊ (sau đây gọi là bên A)

- Tên đơn vị: Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp

- Đại diện: Trịnh An Khê, Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Điện thoại: (074) 3846699, Fax: (074) 3746180

- Tài khoản số: 73410000002227 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Duyên Hải.

- Mã số thuế: 2100312937

2. BÊN THUÊ (sau đây gọi là bên B)

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông



- Địa chỉ: Số 45A - 47, đường 30/4, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Tài khoản số: 011.1.00.001700.1 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Cần Thơ.

- Mã số thuế: 1800277683

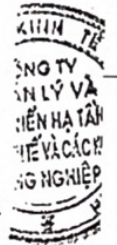
- Điện thoại: (0710) 3 810817,

Fax: (0710) 3 810810

- Đại diện: Ông **Trần Cao Phong**

Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

- Giấy Ủy quyền số:.....ngày



Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh diện tích đất cho thuê và tăng đơn giá thuê đất với các điều khoản sau:

Điều 1. Thay đổi Điều 1 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23 tháng 6 năm 2008 như sau:

Bên A cho bên B thuê Quyền sử dụng đất của bên A là thửa đất số 87 và 141, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ011812, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT01112 do UBND tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10/4/2012, vị trí khu đất cho thuê cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 87
- Diện tích cho thuê: 7.852 m².
- Thửa đất số : 141
- Diện tích thuê: 333,3 m².

Tổng diện tích cho thuê là: **8.185,3 m²** (Bằng chữ: *Tám nghìn một trăm tám mươi lăm phẩy ba mét vuông*) tại ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

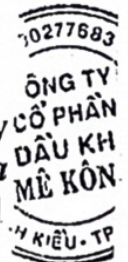
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng kho trung chuyển xăng dầu Trà Vinh.
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2057.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Điều 2. Điều chỉnh tăng đơn giá thuê của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23/6/2008 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-CTHT ngày 24/5/2011 như sau:

1. Giá thuê (đã bao gồm các loại thuế):

- Đối với diện tích 7.852 m² của Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-CTHT ngày 24/5/2011; đơn giá thuê đất là **2.300 đồng/m²/tháng** (Bằng chữ: *Hai nghìn ba trăm đồng một mét vuông một tháng*). Thời gian áp dụng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

- Đối với diện tích 333,3 m² theo trích lục bản đồ địa chính số 30/TL-VPĐKĐĐ ngày 12/01/2016; đơn giá thuê đất là **2.300 đồng/m²/tháng** (Bằng chữ: *Hai nghìn ba trăm đồng một mét vuông một tháng*). Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.



- Sau 5 năm hoặc khi có sự điều chỉnh của cơ quan Nhà nước đối với giá thuê của Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các khu công nghiệp, nếu có điều chỉnh đơn giá cho thuê thì cứ 5 năm một lần, mức điều chỉnh mỗi lần không quá 15% đơn giá cho thuê ghi trong phụ lục hợp đồng trên cơ sở thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông với Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các khu công nghiệp.

Điều 3. Bổ sung vào khoản 2, Điều 5 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23 tháng 6 năm 2008 nội dung sau:

- Trong trường hợp Bên B chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23 tháng 6 năm 2008, Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả lãi cho số tiền thanh toán chậm với lãi suất bằng mức lãi suất cho vay ngắn hạn thương mại, dịch vụ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh công bố vào thời điểm đến hạn thanh toán cho số ngày thực trả chậm thanh toán.

- Trường hợp Bên B chậm thanh toán tiền thuê đất quá 01 năm thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng thuê đất và thu hồi lại đất của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23/6/2008 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-CTHT ngày 24/5/2011 đã ký.

Điều 4. Các nội dung khác của Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23 tháng 6 năm 2008 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-CTHT ngày 24 tháng 5 năm 2011 không thay đổi.

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 18/HĐ-CTHT ngày 23 tháng 6 năm 2008 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-CTHT ngày 24 tháng 5 năm 2011.

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 08 bản chính, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản đều có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ
GIAM ĐOC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DẦU KHÍ
MÊ KÔNG
M.S.D.N: 1800277683-C
Q. MINH KIỀU - TP. CẦN THƠ
Trần Cao Phong

BÊN CHO THUÊ
GIAM ĐOC
CÔNG TY
QUẢN LÝ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KINH TẾ VÀ CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP
Trình An Khê

TP. C. P.
C. AN TH. *

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN RÁC SINH HOẠT

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;
- Chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và sự thống nhất các bên.

PHẦN II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Công Trình Đô thị Trà Vinh, đại diện hai bên gồm:

*** Bên A: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TRÀ VINH.**

Địa chỉ: ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông NGUYỄN THANH TÙNG Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

*** Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH.**

Địa chỉ: 48A, Sơn Thông, Khóm 1, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông PHẠM HOÀNG MINH; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0294 3853596

Mã số thuế: 2100234397

Tài khoản số: 9101100050009 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Trà Vinh(MB Bank-Chi nhánh Trà Vinh).

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Chất thải rắn sinh hoạt (rác thải sinh hoạt): là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

- Chất thải rắn bị từ chối là chất thải rắn chỉ bao gồm hoặc chủ yếu bao gồm bất kỳ loại chất thải rắn nào trong các loại chất thải rắn sau đây: Chất thải rắn y tế nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

Điều 2. Công việc của hợp đồng

1/Nội dung công việc: vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt từ địa điểm lấy rác bằng phương tiện xe ô tô chuyên dụng đến địa điểm xử lý rác.

Địa điểm lấy rác: KHO XĂNG DẦU LONG ĐỨC- TRÀ VINH, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

2/ Yêu cầu công việc:

- Tần suất thu gom: Ngày 01 lần
- Phương tiện vận chuyển: xe ô tô chuyên dụng của bên B.
- Phương tiện lưu chứa rác: do bên A tự trang bị (thùng chứa rác nhựa loại 240 lít).

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01/01/2023 đến 31/12/2023.

Điều 4. Giá trị hợp đồng

NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN GIÁ (đồng/tháng)	THỜI GIAN (tháng)	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	200.000	12	2.400.000	
Tổng giá trị			2.400.000	
<i>(Hai triệu bốn trăm ngàn đồng)</i>				

Hình thức giá hợp đồng: giá trên là cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp có điều chỉnh tăng/giảm giá thì Bên B sẽ gửi thông báo kèm theo căn cứ điều chỉnh giá đến Bên A trước ít nhất 5 (năm) ngày làm việc. Giá mới chỉ được áp dụng khi có sự thống nhất của hai bên.

Điều 5. Thanh toán

5.1 Thời gian và hình thức thanh toán:

Sau khi hợp đồng được ký kết Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền theo Điều 4 của hợp đồng bằng tiền mặt cho Nhân viên thu giá dịch vụ, tại văn phòng Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh hoặc chuyển khoản vào tài khoản:

- Tài khoản số: 9101100050009 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Trà Vinh (MB Bank-Chi nhánh Trà Vinh).
- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần công trình đô thị Trà Vinh.

Hóa đơn hoặc các chứng từ khác do bên B xuất là cơ sở thanh toán và xuất trình khi ngành chức năng kiểm tra, thông tin xuất hóa đơn :

Tên : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Địa chỉ: 60-62, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Mã số Thuế : 1800277683

5.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của bên A:

Chứa rác vào thùng chứa rác hoặc túi rác chuyên dụng. Không được đưa các loại chất thải rắn bị từ chối, xác động vật vào chung với rác thải sinh hoạt. Rác thải trong sinh hoạt có gốc động thực vật bỏ vào túi nylon cột kín rồi cho vào thùng hoặc túi rác chung. Không vứt rác xung quanh nơi đặt thùng hoặc túi rác. Nếu thùng chứa rác do bên B cung cấp, bên A có trách nhiệm bảo quản không để cháy, hư hỏng, mất. Nếu để cháy, hư hỏng, mất v.v... thì Bên A có trách nhiệm bồi hoàn theo giá hiện hành.

Kéo thùng rác hoặc mang túi rác ra phía ngoài đến đúng thời gian tại vị trí thuận tiện để phương tiện Bên B vào lấy rác. Thùng rác hoặc túi rác không đặt ở lề đường làm cản trở lối đi. Thanh toán chi phí vận chuyển rác sinh hoạt theo giá trị đã ký kết trong hợp đồng này.

6.2 Trách nhiệm của bên B:

Bổ trí phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt trong thùng hoặc túi rác cho Bên A theo đúng địa điểm và thời gian thỏa thuận. Từ chối vận chuyển rác sinh hoạt ngày hôm đó hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại chất thải rắn bị từ chối và những chất liệu không hợp pháp gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác thải sinh hoạt Bên A giao cho Bên B. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí vận chuyển tương ứng với giá trị một chuyến vận chuyển theo giá hiện hành.

Trường hợp khi cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện bên A bỏ lẫn các loại rác không phải rác sinh hoạt (như đã nêu ở Điều 1) vào thùng rác, túi rác hoặc rác thải sinh hoạt lấy từ địa điểm của bên A có các loại chất thải rắn bị từ chối và các chất liệu khác không hợp pháp có trên xe thì bên A sẽ chịu mọi trách nhiệm và hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên A hoặc Bên B có khó khăn trở ngại phát sinh thì phải thông báo cho bên kia biết trước 05 ngày bằng văn bản, hoặc liên hệ Phòng Kế Toán; số điện thoại: 02943 853596 để được hướng dẫn thực hiện và giải đáp các trở ngại phát sinh.

Điều 7. Điều khoản bổ sung

Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo điều 5 khoản 1 thì hợp đồng xem như không có giá trị và bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì. Nếu cơ quan chức năng kiểm tra thì Bên A sẽ chịu mọi hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu khối lượng vận chuyển rác tăng hoặc giảm thì hai bên tiến hành thỏa thuận lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh theo phát sinh.

Hết thời gian hợp đồng, nếu có nhu cầu Bên A sẽ liên hệ với bên B cùng thỏa thuận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.

Sau khi hai bên đã hoàn thành xong trách nhiệm của mình bao gồm trách nhiệm về tài chính thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì thông nhất nộp đơn đến tòa án có thẩm quyền để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN B

Phạm Hoàng Minh



ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Thanh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HDXLCT

V/v: Cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 10 nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH 13 thông qua ngày 23/06/2014;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ tài Nguyên và môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 3-4-5-6.011.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 26/12/2018 và Giấy phép Kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Sao Việt;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các Bên.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Địa chỉ : Số 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Điện thoại : 02923.810.817 Fax: 02923.810.810

Mã số thuế : 1800.277.683

Đại diện : (Ông) Nguyễn Duy Long Chức vụ: Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT

Địa chỉ : Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Văn phòng đại diện tại Bình Dương: Số 27 Đại Lộ Bình Dương, Khu Phố Bình Hòa P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, T. Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 3868 888

Fax: 0274. 3777 957

Tài khoản : 1007289988 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chi nhánh Bình Dương.

Mã số thuế : 3500889960

Đại diện : Ông Đỗ Huy Dương

Chức vụ: Giám đốc Điều hành

Hôm nay ngày 07/09/2020, Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, ("Hợp đồng") với nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh sau quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A.

- Tần suất thu gom CTNH theo số lượng khoán: 01 (một) lần/năm, dự kiến thời gian thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 01 tháng.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

- Địa điểm vệ sinh, thu gom, bốc dỡ chất thải nguy hại và giao nhận chất thải nguy hại: **THEO PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM**

- Địa điểm xử lý và tiêu hủy: **NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI SAO VIỆT** tại Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Trong thời gian chờ chuyển giao CTNH, Bên A có trách nhiệm quản lý CTNH theo quy định pháp luật như tập trung chất thải trong kho chứa có mái che, phân loại, dán nhãn và có biện pháp ứng phó an toàn sự cố khẩn cấp.

- Cung cấp Lịch trình, chuẩn bị giấy tờ và hướng dẫn Bên B thu gom sao cho có hiệu quả nhất, sao cho tổng thời gian thu gom không quá 06 (sáu) ngày.

- Bên A kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo quy định pháp luật và gửi cho nhân viên thu gom Bên B sau mỗi lần chuyển giao CTNH.

- Bên A cam kết thanh toán giá trị thuê vận chuyển thu gom và xử lý CTNH cho Bên B đúng hạn như đã nêu tại Điều 5 của hợp đồng này.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Bên B cung cấp phương tiện, nhân lực để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bên B tuân thủ các quy định của Bên A và chịu sự hướng dẫn của Bên A khi vào làm việc tại bên A.

- Chứng từ CTNH và hồ sơ vận, xử lý chuyển CTNH báo cáo cơ quan nhà Nước theo đúng quy định hiện hành và bàn giao đầy đủ chứng từ cho bên A.

- Không được bàn giao hay chuyển nhượng bán trao tay CTNH của bên A cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. Nếu để xảy ra sự việc xử lý như sau:

+ Trường hợp bên A phát hiện, bên A có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng và thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành của Nhà nước xử lý.

+ Trường hợp bị cơ quan chức năng Nhà nước phát hiện bắt giữ, bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

- Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự cố môi trường xảy ra có liên quan đến chất thải đã bàn giao và ra khỏi cổng bên A.

- Ký xác nhận hoàn trả chứng từ CTNH (liên 1) sau khi bên A chuyển giao chất thải nguy hại cho bên B.

- Ký xác nhận và hoàn trả chứng từ CTNH (liên 4, 5) sau khi bên B hoàn thành xử lý an toàn chất thải nguy hại cho bên A.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – THANH TOÁN

- Số lượng được xác định tại đơn vị Bên A hoặc kho bên B. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên Biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo Mẫu.

STT	Tên chất thải	Khu vực	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chất thải nguy hại các loại phát sinh thực tế tại các kho và cửa hàng xăng dầu như giẻ lau nhiễm dầu, nước thải nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bình ắc quy thải,.....khối lượng phát sinh tổng cộng khoảng 1.500kg	Bến Tre	2	4,000,000	8,000,000
2		Vĩnh Long	11	2,500,000	27,500,000
3		Trà Vinh	7	4,000,000	28,000,000
4		Đồng Tháp	2	5,000,000	10,000,000
5		Cần Thơ	4	4,000,000	16,000,000
6		Hậu Giang	1	5,000,000	5,000,000
7		Sóc Trăng	4	5,000,000	20,000,000
8		Bạc Liêu	1	5,500,000	5,500,000
9		An Giang	16	5,500,000	88,000,000
10		Cà Mau	2	6,000,000	12,000,000
Tổng			50		220,000,000
Thuế VAT 10%					22,000,000
Thành tiền					242,000,000

Tổng giá trị của Hợp đồng là 242.000.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT).

Ghi chú:

- ✓ Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- ✓ Đây là đơn giá thu gom của 01 năm, tần suất thu gom CTNH 01 đợt/năm.
- ✓ Khối lượng tối đa thu gom cho 50 địa điểm trên là 1.500kg cho mỗi đợt thu gom. Nếu khối lượng thu gom vượt định mức trên sẽ được tính 20.000đ trên mỗi kg khối lượng vượt, giá chưa bao gồm 10% thuế VAT.

Thanh toán: Mỗi năm, sau khi Bên B thực hiện xong việc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải, Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ như Điều 4 và phát hành hóa đơn VAT, khi đó hai bên tiến hành thanh quyết toán hợp đồng. Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng của năm đó trong vòng 15 ngày sau khi nhận được hóa đơn VAT.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực 03 (ba) năm, kể từ ngày ký.
- Nếu tại thời điểm hợp đồng hết hạn, hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để các Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng tự động hết hiệu lực. Trong trường hợp hai bên vẫn tiếp tục hợp tác, hợp đồng sẽ được tiếp tục gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện gặp khó khăn trở ngại, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết, không bên nào tự ý thay đổi. Trường hợp hai bên không tự giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án Thành phố Cần Thơ giải quyết theo luật quy định. Quyết định của Tòa án Thành phố Cần Thơ là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp bên thua kiện phải chịu 100%.

- Mọi điều khoản có liên quan không được quy định cụ thể tại hợp đồng sẽ được hai bên thực hiện theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bộ, Bên A giữ hai (02) bộ, bên B giữ hai (02) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

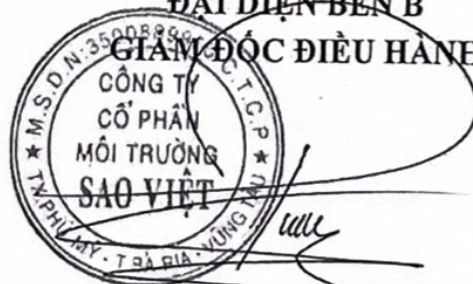
ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Long

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Đỗ Huy Dương

DANH SÁCH CÁC KHO VÀ CỬA HÀNG XĂNG DẦU THU

GOM CHẤT THẢI NGUY HẠI

(Đính kèm Hợp đồng Số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HDXLCT ngày 07/09/2020)

Stt	Địa điểm thu gom chất thải nguy hại
Khu vực Cần Thơ	
1	Xí Nghiệp tổng kho xăng dầu Mê Kông - KCN Hưng Phú, p.Phú Thứ, q.Cái Răng, tp.Cần Thơ
2	Cửa hàng xăng dầu số 02- Số 60-62 đường 3/2, P.Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
3	Cửa hàng xăng dầu số 04 - Khu Vực Rạch Chùa 2, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Tp.Cần Thơ.
4	Cửa hàng xăng dầu số 05 - Số 561, KV Tân Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Thốt Nốt, TP.Cần thơ.
Khu vực Hậu Giang	
1	Cửa hàng xăng dầu số 08 - Quốc Lộ 1A, Thị Trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Hậu Giang.
Khu vực Sóc Trăng	
1	Kho xăng dầu Tân Thạnh - số 838/9 khóm 7, phường 8, TP.Sóc Trăng
2	Cửa hàng xăng dầu số 12 - Ấp An Bình, Xã An Lạc Thôn, H Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng.
3	Cửa hàng xăng dầu số 14 - Ấp Trương Hiền, Xã Thạnh Trị, Huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.
4	Cửa hàng xăng dầu số 15 - Thị trấn Thạnh Trị, H.Thạnh Trị, tỉnh Sóc trăng.
Khu vực Bạc Liêu	
1	Kho xăng dầu Bạc Liêu và CHXD số 17 - Quốc lộ 1A – Khóm Trà Kha – Phường 8 – TP.Bạc Liêu

Khu vực Cà Mau	
1	Cửa hàng xăng dầu số 22 - QL1A , ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, TP.Cà Mau
2	Cửa hàng xăng dầu số 69 - ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, Tp.Cà Mau
Khu vực Vĩnh Long	
1	Kho trung chuyển – Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Long -Ấp Thanh Mỹ 1, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long
2	Cửa hàng xăng dầu số 25 - 15A Phạm Hùng, P9, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
3	Cửa hàng xăng dầu số 27 - Ấp Mỹ Long, Xã Chánh An, Mang Thít, Vĩnh Long
4	Cửa hàng xăng dầu số 28 - Ấp Hưng Quới, Xã Thanh Đức, Long Hồ, Vĩnh Long
5	Cửa hàng xăng dầu số 29 - Ấp Đại Thọ, Xã Loan Mỹ, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
6	Cửa hàng xăng dầu số 30 - Ấp Vĩnh Hòa, Xã Hựu Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long
7	Cửa hàng xăng dầu số 31 - Ấp Phú Hòa, Xã Song Phú, H Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
8	Cửa hàng xăng dầu số 34 - Ấp Quang Thạnh, Xã Hiếu Phụng, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
9	Cửa hàng xăng dầu số 35 - Ấp Phú Hữu Đông, Xã Phú Thịnh, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
10	Cửa hàng xăng dầu số 36 - Ấp An Hiệp, Xã Long An, H. Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long
11	Cửa hàng xăng dầu số 37 - 219A tổ 4, Ấp Tân Quới Đông, Xã Trường An, TP Vĩnh Long
Khu vực Bến Tre	
1	Kho Ba Tri Cảng cá Ba tri - Ấp An Thuận, Xã An Thủy, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre
2	Cửa hàng xăng dầu số 38 - Ấp Phú Nhơn, TT. Châu Thành, huyện Châu Thành, Bến Tre

Khu vực Trà Vinh	
1	Kho Long Đức - Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh
2	Cửa hàng xăng dầu số 41- Ấp Giồng Dầu, Xã Hòa Ân, Huyện Cầu Kè, Trà Vinh
3	Cửa hàng xăng dầu số 42 - Khóm 2, Thị trấn Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh
4	Cửa hàng xăng dầu số 43 - Ấp Trà Mệt, Xã Thông Hòa, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh
5	Cửa hàng xăng dầu số 44 - ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
6	Cửa hàng xăng dầu số 45 - ấp Bến Đáy B, xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
7	Cửa hàng xăng dầu số 46 – khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
Khu vực Đồng Tháp	
1	Cửa hàng xăng dầu số 47 – số 365B, ấp 1, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
2	Cửa hàng xăng dầu số 48 – xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp
Khu vực An Giang	
1	Kho An Giang - P.Mỹ Thới, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang
2	Cửa hàng xăng dầu số 54 - ấp Trung Bắc Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
3	Cửa hàng xăng dầu số 55 – tỉnh lộ 942, ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
4	Cửa hàng xăng dầu số 56 - ấp Phú An, TT.Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
5	Cửa hàng xăng dầu số 57 – 370/7A khóm Tây Khánh 4, p.Mỹ Hòa, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang
6	Cửa hàng xăng dầu số 58 – QL91, p.Vĩnh Mỹ, Tp.Châu Đốc, tỉnh An Giang
7	Cửa hàng xăng dầu số 59 – 151A, Tl 943, ấp Sơn Đông, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

8	Cửa hàng xăng dầu số 60 – xóm An Hòa A, TT.Ba Trúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
9	Kho Lam Sơn và cửa hàng xăng dầu số 61- TL 941, xóm 1, TT.Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
10	Cửa hàng xăng dầu số 62 - ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
11	Cửa hàng xăng dầu số 63 - ấp Vĩnh Hòa, xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
12	Cửa hàng xăng dầu số 64 - ấp Tô Lợi, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
13	Cửa hàng xăng dầu số 65 - ấp Ninh Hòa, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
14	Cửa hàng xăng dầu số 66 - 222 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
15	Cửa hàng xăng dầu số 67 – Ấp Ninh Thạnh, xã An Tức, Huyện Tri Tôn, Tỉnh AG.
16	Kho Tân Châu và CHXD số 68 – xóm Long Hưng 2, P.Long Sơn, TX.Tân Châu, An Giang.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Của hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT
V/v Cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ngày 07/9/2020 giữa Công ty CP Dầu khí Mê Kông và Công ty CP Môi trường Sao Việt về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Căn cứ biên bản ngàyvề việc thương thảo đàm phán thực hiện ký kết phụ lục hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT;

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông, chúng tôi gồm:

1. Chủ đầu tư (Bên A): Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông;

Địa chỉ: Số 60-62 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

Điện thoại: 02923.810817

Đại diện là ông: Đào Đình Thiêm

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 1800277683

2. Nhà thầu (Bên B): Công ty CP Môi trường Sao Việt

Địa chỉ: Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Đại diện: Ông Đỗ Huy Dương

- Chức vụ: Giám đốc điều hành

Điện thoại: 0274 3868 888

Mã số thuế: 3500889960

Số tài khoản: 1007289988 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chi nhánh Bình Dương.

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng đính kèm Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT với các nội dung sau:

Điều 1: Bổ sung khối lượng công việc và giá trị thực hiện Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại như sau:

1. Bổ sung địa điểm thu gom vận chuyển chất thải nguy hại tại Điều 2 của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT:

- Cửa hàng xăng dầu số 16 – Địa chỉ: Ấp 2, Thị trấn Long Phú, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng.

- Cửa hàng xăng dầu số 09 – Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, KV4, Phường 7, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

2. Điều chỉnh giá trị thực hiện hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HDXLCT ngày 07/9/2020 tại Điều 5 của Hợp đồng như sau:

STT	Tên chất thải	Khu vực	Số lượng	Đơn giá thu gom của 01 năm	Thành tiền
1	Chất thải nguy hại các loại phát sinh thực tế tại các kho và cửa hàng xăng dầu như giẻ lau nhiễm dầu, nước thải nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bình ắc quy thải,...	Bến Tre	2	4,000,000	8,000,000
2		Vĩnh Long	11	2,500,000	27,500,000
3		Trà Vinh	7	4,000,000	28,000,000
4		Đồng Tháp	2	5,000,000	10,000,000
5		Cần Thơ	4	4,000,000	16,000,000
6		Hậu Giang	2	5,000,000	10,000,000
7		Sóc Trăng	5	5,000,000	25,000,000
8		Bạc Liêu	1	5,500,000	5,500,000
9		An Giang	16	5,500,000	88,000,000
10		Cà Mau	2	6,000,000	12,000,000
	Tổng cộng		52		230.000.000
	Thuế VAT 10%				23.000.000
	Thành tiền				253.000.000

Ghi chú:

- ✓ Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- ✓ Đây là đơn giá thu gom của 01 năm, tần suất thu gom CTNH 01 đợt/năm.
- ✓ Khối lượng tối đa thu gom cho 52 địa điểm trên là 1.560 kg cho mỗi đợt thu gom. Nếu khối lượng thu gom vượt định mức trên sẽ được tính 20.000 đồng trên mỗi kg khối lượng vượt, giá chưa bao gồm 10% thuế VAT.

Điều 2. Các điều khoản còn lại trong Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HDXLCT ngày 07/9/2020 vẫn được giữ nguyên.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HDXLCT ngày 07/9/2020, những điều khoản đã ký trước đây mâu thuẫn với các điều khoản quy định trong phụ lục hợp đồng này xem như không có giá trị.

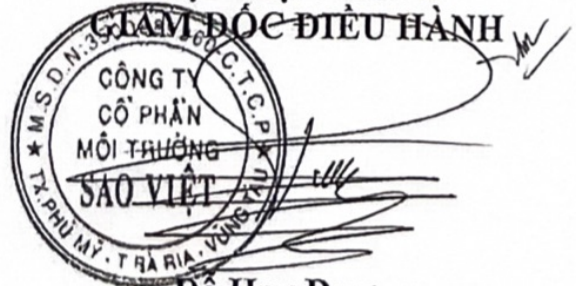
Phụ lục này được thành lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Đào Đình Thiêm

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Đỗ Huy Dương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Của hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT
V/v Cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ký ngày 07/9/2020 giữa Công ty CP Dầu khí Mê Kông và Công ty CP Môi trường Sao Việt về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ký ngày 01/11/2021 về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông, chúng tôi gồm:

1. Chủ đầu tư (Bên A): Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông;

Địa chỉ: Số 60-62 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

Điện thoại: 02923.810817

Đại diện là ông: Đào Đình Thiêm

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 1800277683

2. Nhà thầu (Bên B): Công ty CP Môi trường Sao Việt

Địa chỉ: Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Đại diện: Ông Đỗ Huy Dương

- Chức vụ: Giám đốc điều hành

Điện thoại: 0274 3868 888

Mã số thuế: 3500889960

Số tài khoản: 1007289988 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chi nhánh Bình Dương.

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng đính kèm Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT ký ngày 07/9/2020 và Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ký ngày 01/11/2021 với các nội dung sau:

Điều 1: Bổ sung địa điểm, khối lượng công việc và giá trị thực hiện Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT ký ngày 07/9/2020 và Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ký ngày 01/11/2021 về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại như sau:

1. Bổ sung địa điểm thu gom vận chuyển chất thải nguy hại tại Điều 2 của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT ký ngày 07/9/2020 và Điều 1 của Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ký ngày 01/11/2021 như sau:
- Khu vực Cần Thơ
 - + Cửa hàng xăng dầu số 06: ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, H. Thới Lai, Tp.Cần Thơ.
 - Khu vực Sóc Trăng:
 - + Cửa hàng xăng dầu số 11: ấp Phương Bình 1, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.
 - + Cửa hàng xăng dầu số 19: Số 292 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
 - Khu vực Bạc Liêu
 - + Cửa hàng xăng dầu số 18: Số 34 đường Cao Văn Lầu, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
 - Khu vực Trà Vinh:
 - + Cửa hàng xăng dầu số 40: đường D5, khóm 3, phường 5, thành phố Trà Vinh.
 - + Cửa hàng xăng dầu số 70: đường Nguyễn Tấn Liêng, ấp Vinh Hưng, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
 - Khu vực Tiền Giang:
 - + Cửa hàng xăng dầu số 50: ấp Chợ, xã An Thái Đông, H. Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
2. Điều chỉnh giá trị thực hiện hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ngày 07/9/2020 tại Điều 5 của Hợp đồng và giá trị thực hiện Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ngày 01/11/2021 như sau:

STT	Tên chất thải	Khu vực	Số lượng	Đơn giá thu gom của 01 năm	Thành tiền
1	Chất thải nguy hại các loại phát sinh thực tế tại các kho và cửa hàng xăng dầu như giặt lau nhiễm dầu, nước thải nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bình ắc quy thải,...	Bến Tre	2	4,000,000	8,000,000
2		Vĩnh Long	11	2,500,000	27,500,000
3		Trà Vinh	9	4,000,000	36,000,000
4		Đồng Tháp	2	5,000,000	10,000,000
5		Cần Thơ	5	4,000,000	20,000,000
6		Hậu Giang	2	5,000,000	10,000,000
7		Sóc Trăng	7	5,000,000	35,000,000
8		Bạc Liêu	2	5,500,000	11,000,000
9		An Giang	16	5,500,000	88,000,000
10		Cà Mau	2	6,000,000	12,000,000
11		Tiền Giang	01	4,000,000	4,000,000
	Tổng cộng		59		261,500,000
	Thuế VAT 8%				20,920,000
	Thành tiền				282,420,000

2776
 CÔNG T
 S PH
 SẤU Y
 MỀ K
 KIỀU

Ghi chú:

- ✓ Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- ✓ Đây là đơn giá thu gom của 01 năm, tần suất thu gom CTNH 01 đợt/năm.
- ✓ Khối lượng tối đa thu gom cho 59 địa điểm trên là 1.770 kg cho mỗi đợt thu gom. Nếu khối lượng thu gom vượt định mức trên sẽ được tính 20.000 đồng trên mỗi kg khối lượng vượt, giá chưa bao gồm 8% thuế VAT.

Điều 2. Các điều khoản còn lại trong Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HDXLCT ký ngày 07/9/2020 và Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐTAT-SV/2020/HDXLCT ký ngày 01/11/2021 vẫn được giữ nguyên.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HDXLCT ngày 07/9/2020 và Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐTAT-SV/2020/HDXLCT ký ngày 01/11/2021, những điều khoản đã ký trước đây mâu thuẫn với các điều khoản quy định trong phụ lục hợp đồng này xem như không có giá trị.

Phụ lục này được thành lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Đào Đình Thiêm

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Đỗ Huy Dương



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 03

Của hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT

V/v Cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ngày 07/9/2020 giữa Công ty CP Dầu khí Mê Kông và Công ty CP Môi trường Sao Việt về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Phụ lục của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ký ngày 01/11/2021 về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Phụ lục của Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HĐXLCT ký ngày 30/8/2022 về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;

Hôm nay, ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông, chúng tôi gồm:

1. Chủ đầu tư (Bên A): Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông;

Địa chỉ: Số 60-62 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

Điện thoại: 02923.810817

Đại diện là ông: Đào Đình Thiêm

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 1800277683

2. Nhà thầu (Bên B): Công ty CP Môi trường Sao Việt

Địa chỉ: Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Đại diện: Ông Đỗ Huy Dương

- Chức vụ: Giám đốc điều hành

Điện thoại: 0274 3868 888

Mã số thuế: 3500889960

Số tài khoản: 1007289988 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chi nhánh Bình Dương.

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng số 03 đính kèm Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT ký ngày 07/9/2020 với các nội dung sau:

Điều 1: Bổ sung địa điểm, khối lượng công việc và giá trị thực hiện do tăng số lượng cửa hàng xăng dầu phát triển mới năm 2023 như sau:

1. Địa điểm bổ sung:

Stt	Địa điểm thu gom chất thải nguy hại
Khu vực Cần Thơ	
1.	Cửa hàng xăng dầu số 80 - Đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ.

Stt	Địa điểm thu gom chất thải nguy hại
2.	Cửa hàng xăng dầu số 81 - Lô 3A, đường Quang Trung, KDC Hưng Phú, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Tp.Cần Thơ.
3.	Cửa hàng xăng dầu số 82 - Số 95, ấp Thới Bình A3, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, Tp.Cần Thơ.
4.	Cửa hàng xăng dầu số 83 - Số 172B đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
Khu vực Sóc Trăng	
1.	Cửa hàng xăng dầu số 20 - Số 118, quốc lộ 1A, phường 7, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
2.	Cửa hàng xăng dầu số 21 - ấp Mỹ Khánh A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
Khu vực Đồng Tháp	
1.	Cửa hàng xăng dầu số 90 - Tỉnh lộ 844, ấp Phú Thọ C, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
2.	Cửa hàng xăng dầu số 91 - Tỉnh lộ 842, ấp Hoàng Việt, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp
3.	Cửa hàng xăng dầu số 92 - Đường tỉnh 843, ấp Rọc Muồng, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2. Điều chỉnh giá trị thực hiện hợp đồng như sau:

STT	Tên chất thải	Khu vực	Số lượng	Đơn giá thu gom của 01 năm	Thành tiền
1	Chất thải nguy hại các loại phát sinh thực tế tại các kho và cửa hàng xăng dầu như giẻ lau nhiễm dầu, nước thải nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bình ắc quy thải,...	Bến Tre	2	4,000,000	8,000,000
2		Vĩnh Long	11	2,500,000	27,500,000
3		Trà Vinh	9	4,000,000	36,000,000
4		Đồng Tháp	5	5,000,000	25,000,000
5		Cần Thơ	9	4,000,000	36,000,000
6		Hậu Giang	2	5,000,000	10,000,000
7		Sóc Trăng	9	5,000,000	45,000,000
8		Bạc Liêu	2	5,500,000	11,000,000
9		An Giang	16	5,500,000	88,000,000
10		Cà Mau	2	6,000,000	12,000,000
11		Tiền giang	01	4,000,000	4,000,000
	Tổng cộng		68		302,500,000
	Thuế VAT 8%				24,200,000
	Thành tiền				326,700,000

Ghi chú:

- ✓ Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- ✓ Đây là đơn giá thu gom của 01 năm, tần suất thu gom CTNH 01 đợt/năm.

VI
 PH
 TU
 VI
 3A B
 002
 ĐNG
 PH
 U K
 KOP
 TP

- ✓ Khối lượng tối đa thu gom cho 68 địa điểm trên là 2.040 kg cho mỗi đợt thu gom. Nếu khối lượng thu gom vượt định mức trên sẽ được tính 20.000 đồng trên mỗi kg khối lượng vượt, giá chưa bao gồm 10% thuế VAT.

Điều 2. Các điều khoản còn lại trong Hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HDXLCT ngày 07/9/2020 và 02 Phụ lục của Hợp đồng đính kèm Hợp đồng này ký ngày 01/11/2021 và ngày 30/8/2022 vẫn được giữ nguyên.

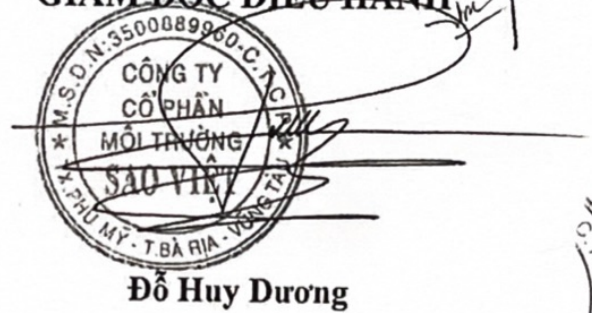
Điều 3. Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020.HDXLCT ngày 07/9/2020 và 02 Phụ lục của Hợp đồng đính kèm Hợp đồng này ký ngày 01/11/2021 và ngày 30/8/2022.

Phụ lục này được thành lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



**CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH – TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-027

Địa chỉ (Address): Số 02 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thành phố Trà Vinh - Số TK: 115000015933 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TAA

Số (No): 75128

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Mã số thuế (Tax code): 1800277683

Địa chỉ (Address): 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB16010040989

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023 (kèm theo bảng kê số 1211322167 ngày 01 tháng 03 năm 2023)	kWh	1.660	-	5.148.860
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.148.860
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			514.886
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			5.663.746
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH -
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 01/03/2023 15:18:02

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH – TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-027

Địa chỉ (Address): Số 02 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thành phố Trà Vinh - Số TK: 115000015933 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TAA

Số (No): 112657

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Mã số thuế (Tax code): 1800277683

Địa chỉ (Address): 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB16010040989

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2023 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023	kWh	2.250	-	7.017.050
	(kèm theo bảng kê số 1221636069 ngày 01 tháng 04 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					7.017.050
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		701.705	
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		7.718.755	
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được lý bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH -
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 01/04/2023 15:57:17

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH – TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-027

Địa chỉ (Address): Số 02 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thành phố Trà Vinh - Số TK: 115000015933 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TAA

Số (No): 150172

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Mã số thuế (Tax code): 1800277683

Địa chỉ (Address): 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB16010040989

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/04/2023 (kèm theo bảng kê số 1231883076 ngày 01 tháng 05 năm 2023)	kWh	2.480	-	7.712.500
Cộng tiền hàng (Total amount):					7.712.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 771.250
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 8.483.750
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được Lý bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH -
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 01/05/2023 15:33:11

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH – TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-027

Địa chỉ (Address): Số 02 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thành phố Trà Vinh - Số TK: 115000015933 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TAA

Số (No): 187834

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Mã số thuế (Tax code): 1800277683

Địa chỉ (Address): 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB16010040989

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023 (kèm theo bảng kê số 1242971321 ngày 01 tháng 06 năm 2023)	kWh	2.410	-	7.730.980
Cộng tiền hàng (Total amount):					7.730.980
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 773.098
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 8.504.078
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám triệu năm trăm linh bốn nghìn không trăm bảy mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH -
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 01/06/2023 16:31:07



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH – TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-027

Địa chỉ (Address): Số 02 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thành phố Trà Vinh - Số TK: 115000015933 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TAA

Số (No): 225616

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Mã số thuế (Tax code): 1800277683

Địa chỉ (Address): 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB16010040989

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023 (kèm theo bảng kê số 1253369157 ngày 02 tháng 07 năm 2023)	kWh	2.000	-	6.274.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.274.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 501.968
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 6.776.568
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/07/2023 17:57:26

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH – TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-027

Địa chỉ (Address): Số 02 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thành phố Trà Vinh - Số TK: 115000015933 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TAA

Số (No): 263404

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Dầu khí Mê Kông

Mã số thuế (Tax code): 1800277683

Địa chỉ (Address): 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB16010040989

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023 (kèm theo bảng kê số 1263674313 ngày 02 tháng 08 năm 2023)	kWh	2.260	-	7.008.340
Cộng tiền hàng (Total amount):					7.008.340
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 560.667
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 7.569.007
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn không trăm linh bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TRÀ VINH -
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
Ngày ký: 02/08/2023 07:20:00

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiên)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008798.21
 MSM: PNE.XQ.21.00762-763

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 10/03/2021
 Ngày trả kết quả : 19/03/2021



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ.00762	XQ.00763	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,8	28,0	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	75,7	75,5	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,20	0,30	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,0	64,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	79,2	81,5	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	44,6	46,3	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	45,3	48,2	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	131,5	127,4	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ.00762: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ.00763: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

Giám đốc



**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM**

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008799.21
 MSM: PNE.XQ.21.00764

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 10/03/2021
 Ngày trả kết quả : 19/03/2021



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ.00764	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	75,0	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,21	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	84,6	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	47	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	123,6	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ.00764: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b)QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP. Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028 62 619 691 Fax: 028 62 619 419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906 737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008800
 MSM: PNE.NT.21.00886



Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 10/03/2021
 Ngày trả kết quả : 19/03/2021

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
				NT.00886	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2012	27,0	-
2	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,71	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	2,63	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	30	-
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220B:2012	62	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	36	100
7	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	5,32	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2012	6,47	-
11	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	28,8	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,19	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ ; tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2012	20,6	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT.00886: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và của hàng xăng dầu;
- (*) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc
 Phó Giám đốc
 Lại Minh Tiên

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008650.21
 MSM: PNE.21.1491.XQ01-2

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 18/06/2021
 Ngày trả kết quả : 28/06/2021



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,6	29,2	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	76,2	76,4	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,30	0,30	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,0	66,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	82,6	84,2	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	46,3	49,7	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	42,9	45,4	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	133,6	129,7	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b)QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
 Hệ thống
 TRUNG TÂM
 PHÂN TÍCH VÀ
 ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG
 PHƯƠNG NAM
 Lai Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028 62 619 691 Fax: 028.62 619.419
 Hotline: 0902 585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



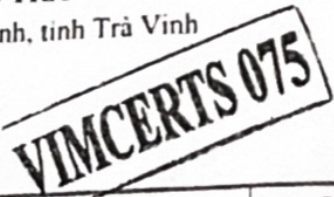
Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008651.21
 MSM PNE.21.1491.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 18/06/2021
 Ngày trả kết quả : 28/06/2021



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,3	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	76,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	88,2	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	42	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	45	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	114,4	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^aQCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^bQCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008652.21
 MSM: PNE.21.1491.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 18/06/2021
 Ngày trả kết quả : 28/06/2021



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
				NT01	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2012	27,8	-
2	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,52	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	2,79	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	33	-
5	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220B:2012	68	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	37	100
7	Chì (Pb) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	5,95	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&F:2012	6,24	-
11	Tổng Nitơ ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	29,42	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,85	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2012	20,9	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và của hàng xăng dầu;
- ^(a) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008653.21
 MSM. PNE 21.1491.NM01-2

Tên mẫu : Nước mặt
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 18/06/2021
 Ngày trả kết quả : 28/06/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08-MT: 2015/BTNMT
				NM01	NM02	Cột A2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,7	6 - 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,23	5,45	≥ 5
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	23,4	20,5	30
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,2	5,4	6
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	8,3	12,4	15
6	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,68	0,41	1
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,002	< 0,002	0,02
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,24	0,15	0,3
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	3,5	2,8	5
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	230	196	350
11	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	5,6	4,2	-
12	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,52	0,43	-
13	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	< 0,3	< 0,3	0,5
14	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	3,9 x 10 ³	2,4 x 10 ³	5.000

Chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- NM01: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải;
- NM02: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải 500 m theo chiều dòng chảy;
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
 P. Giám đốc

 Lê Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Dương số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008686/21
 MSM: PNE.21.1527.XQ01-2

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/10/2021
 Ngày trả kết quả : 15/10/2021



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,9	28,1	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	75,9	76,2	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,0	66,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	80,4	82,6	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	44,2	45,8	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	43,5	47,2	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	130,3	126,7	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

K.T. Giám đốc
 P. Giám đốc
 TRUNG TÂM
 PHÂN TÍCH VÀ
 ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
 PHƯƠNG NAM
 TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
 Lê Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP. Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.motruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008687.21
 MSM. PNE.21.1527.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/10/2021
 Ngày trả kết quả : 15/10/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,3	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	75,8	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,5	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	86,7	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	43	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	49	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	119,5	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^a QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^b QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

K.T. Giám đốc
 P. Giám đốc

 C. Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP. Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp Vũng Tàu
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008688.21
 MSM: PNE 21.1527.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/10/2021
 Ngày trả kết quả : 15/10/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
				NT01	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2012	27,6	-
2	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,76	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	2,74	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	32	-
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220B:2012	64	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	37	100
7	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	5,68	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2012	7,10	-
11	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	25,3	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,67	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2012	22,6	-

Ghi chú:
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
 - Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
 - NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
 - QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
 - (*) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Kiểm tra
 Kiểm soát chất lượng
 Kiểm soát môi trường
 Kiểm soát an toàn

 Nguyễn Văn Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP. Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn;



Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008766.21
 MSM: PNE.21.1566.XQ01-2

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/12/2021
 Ngày trả kết quả : 15/12/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,2	28,8	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	76,7	77,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,0	67,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	85,2	89,4	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	44,7	48,1	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	42,5	46,7	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	130,7	128,1	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
 P. Quản đốc



Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008767.21
 MSM: PNE.21.1566.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/12/2021
 Ngày trả kết quả : 15/12/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,0	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	76,6	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,0	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	84,9	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	43	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	118,4	5.000 ^b

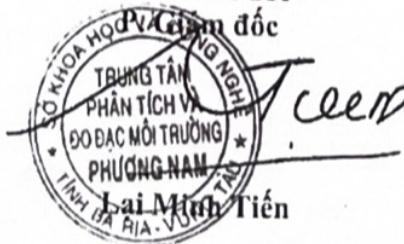
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



Phuong Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008768.21
 MSM: PNE.21.1566.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/12/2021
 Ngày trả kết quả : 15/12/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
				NT01	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2012	26,5	-
2	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,60	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	2,71	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	25	-
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220B:2012	52	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	100
7	Chi (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2012	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2012	5,78	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2012	6,61	-
11	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	26,2	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,65	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2012	22,3	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (*) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lê Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
 Điện thoại: 028 62 619 691 Fax: 028 62 619 419
 Hotline: 0902 585 140 (Mr Thu) 0906 737 001 (Mr Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008769.21
 MSM/PNE 21.1566.NM01-2

Tên mẫu : Nước mặt
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/12/2021
 Ngày trả kết quả : 15/12/2021

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08-MT: 2015/BTNMT
				NM01	NM02	Cột A2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,5	6 ÷ 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,34	5,47	≥ 5
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	24,1	21,4	30
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,1	4,8	6
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	7,8	12,2	15
6	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,67	0,43	1
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2012	< 0,002	< 0,002	0,02
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,28	0,12	0,3
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	3,9	2,5	5
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	240	187	350
11	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	5,3	3,9	-
12	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,57	0,32	-
13	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	< 0,3	< 0,3	0,5
14	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	4,3 x 10 ³	2,0 x 10 ³	5.000

Chú:
 - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
 - NM01: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải;
 - NM02: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải 500 m theo chiều dòng chảy;
 - QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006338.22
 MSM: PNE.22.1930.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 08/03/2022
 Ngày trả kết quả : 15/03/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				NT01	29:2010/BTNMT Cột B, Kho
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	27,2	-
2	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,23	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,14	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	28	-
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	54	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	25	100
7	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	5,6	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&C:2017	6,71	-
11	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	26,4	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,54	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	21,2	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (*) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc
 Giám đốc

 Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



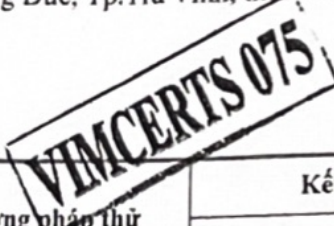
Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006336.22
 MSM: PNE.22.1930.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 08/03/2022
 Ngày trả kết quả : 15/03/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,4	28,1	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	75,7	75,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	0,20	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,2	64,4	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	81,7	80,3	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45,4	46,2	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	46,2	47,8	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	124,7	122,7	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/ Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM**

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006337.22
 MSM: PNE.22.1930.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 08/03/2022
 Ngày trả kết quả : 15/03/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ03	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,9	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	74,0	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,32	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,6	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	85,1	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45,2	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	47,6	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	127,3	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^a QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^b QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/ Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006470.22
 MSM: PNE.22.1969.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
 Ngày trả kết quả : 17/06/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				NT01	29:2010/BTNMT Cột B, Kho
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	28,9	-
2	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,57	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,1	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	29	-
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	61	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	36	100
7	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	5,6	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&C:2017	5,3	-
11	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	27,71	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,31	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	21,4	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (*) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM**

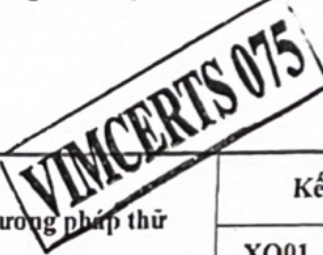
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006468.22
 MSM: P.NE.22.1969.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
 Ngày trả kết quả : 17/06/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT
				XQ01	XQ02	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,7	28,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	75,6	75,7	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,4	66,7	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	81,4	83,6	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	46,5	47,8	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	41,3	42,4	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	121,5	125,2	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyên;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
 Giám đốc

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

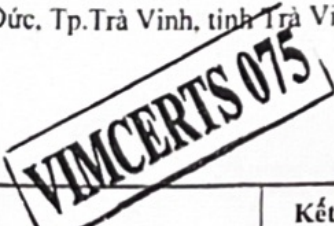
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006469.22
 MSM: PNE.22.1969.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
 Ngày trả kết quả : 17/06/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,7	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	75,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,3	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	86,2	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	< 44,1	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	34,2	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	116,1	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong



L. Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006471.22
 MSM: PNE.22.1969.NM01-02

Tên mẫu : Nước mặt
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
 Ngày trả kết quả : 17/06/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08-MT: 2015/BTNMT
				NM01	NM02	Cột A2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	6,9	6 ÷ 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,54	5,21	≥ 5
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	21	25	30
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	5	6
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	11	14	15
6	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,58	0,63	1
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,002	< 0,002	0,02
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,12	0,13	0,3
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	2,81	2,25	5
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	232	143	350
11	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	4,51	3,72	-
12	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,53	0,35	-
13	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	< 0,3	< 0,3	0,5
14	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,1 x 10 ³	1,5 x 10 ³	5.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- NM01: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải;
- NM02: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải 500 m theo chiều dòng chảy;
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



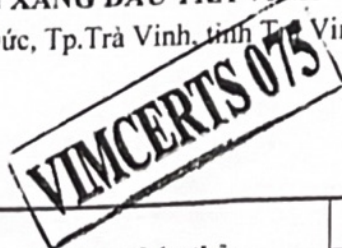
Phương Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0007346.22
 MSM: PNE.22.2240.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 07/09/2022
 Ngày trả kết quả : 16/09/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
				NT01	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	27,8	-
2	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,11	5,5 + 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,8	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	-
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	50	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	19	100
7	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	4,9	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&C:2017	5,11	-
11	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	25,1	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,10	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	12,6	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (*) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trường phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc
 Kiểm soát chất lượng
 Lê Minh Tiên

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM**

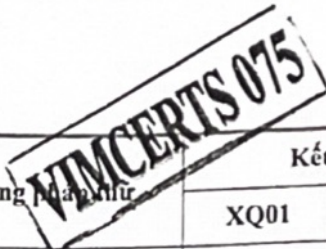
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028 62 619 691 Fax: 028 62 619 419
 Hotline: 0902 585 140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0007344.22
 MSM. PNE.22.2240.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 07/09/2022
 Ngày trả kết quả : 16/09/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,7	28,3	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	74,6	75,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,2	65,4	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	78,9	79,6	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	47,0	45,6	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	50,5	49,0	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	125	129	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b)QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
 Giám đốc

 Nguyễn Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028 62 619 691 Fax: 028 62 619 419
 Hotline: 0902 585 140 (Mr.Thu) 0906 737 001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn

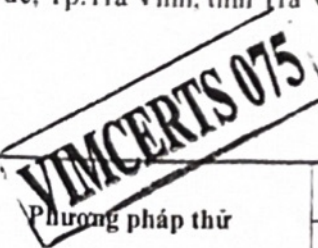


PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0007345 22
 MSM: PNE.22.2240.XQ03

Tên mẫu
 Tên khách hàng
 Địa chỉ
 Số lượng
 Ngày lấy mẫu
 Ngày trả kết quả

: Không khí xung quanh
 : **KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH**
 : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 : 01 mẫu
 : 07/09/2022
 : 16/09/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,1	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	72,8	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,5	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	82,0	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	47,0	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	50,0	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	129	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

**KT. Giám đốc
 P. Giám đốc**



Lai Minh Tien

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

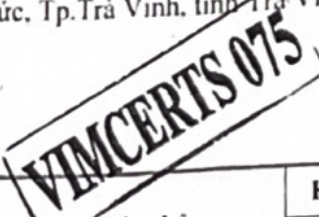
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009576.22
 MSM: PNE.22.3065.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa điểm lấy mẫu : Ấp Vinh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/11/2022
 Ngày trả kết quả : 12/11/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				NT01	29:2010/BTNMT Cột B, Kho
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	28,2	-
2	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,73	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,8	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	32	-
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	78	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	43	100
7	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	5,9	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&C:2017	6,1	-
11	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	25,38	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,16	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	24,5	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (*) Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong



Lê Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



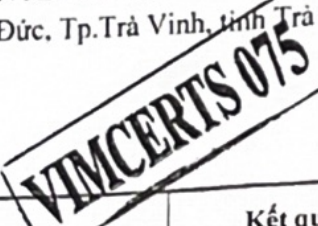
Phuong Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009574.22
 MSM: PNE.22.3065.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa điểm lấy mẫu : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/11/2022
 Ngày trả kết quả : 10/11/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT
				XQ01	XQ02	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,1	27,2	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	77,4	77,5	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	0,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,1	66,9	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	86,2	81,5	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	41,9	46,2	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	43,7	44,9	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	138,7	121,9	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyên;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
 P. Giám đốc

 Lê Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009575.22
 MSM: PNE.22.3065.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa điểm lấy mẫu : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/11/2022
 Ngày trả kết quả : 10/11/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	77,4	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,9	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	81,7	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	< 44,1	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	49,9	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	122,6	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/ Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong



KT. Giám đốc
 Giám đốc

Lê Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP. Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr Thu) 0906.737.001 (Mr Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009577.22
 MSM. PNE.22.3065.NM01-02

Tên mẫu : Nước mặt
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa điểm lấy mẫu : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 05/11/2022
 Ngày trả kết quả : 12/11/2022

VINCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08-MT: 2015/BTNMT
				NM01	NM02	Cột A2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	7,2	6 + 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,48	5,68	≥ 5
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	26	23	30
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	5	6
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	13	11	15
6	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,52	0,57	1
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,002	< 0,002	0,02
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,19	0,14	0,3
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	2,62	2,31	5
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	218	137	350
11	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	4,41	3,38	-
12	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,56	0,39	-
13	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	< 0,3	< 0,3	0,5
14	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,4 x 10 ³	1,5 x 10 ³	5.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- NM01: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải;
- NM02: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải 500 m theo chiều dòng chảy;
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Trường phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn

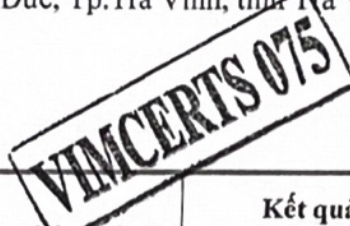


PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0003285.23

MSM: PNE.23.1282.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 09/06/2023
Ngày trả kết quả : 20/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT
				XQ01	XQ02	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,8	29,6	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	73,8	74,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,9	68,6	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	83,6	85,2	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	48,5	49,7	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	43,2	43,6	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	123,9	128,5	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b)QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

K.T. Giám đốc
P. Giám đốc
TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
LẠI MINH TIẾN



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0003286.23

MSM: PNE.23.1282.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 09/06/2023
Ngày trả kết quả : 20/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,3	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	73,18	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,5	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	84,1	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	< 44,1	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	36,8	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	121,5	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b)QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trường phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



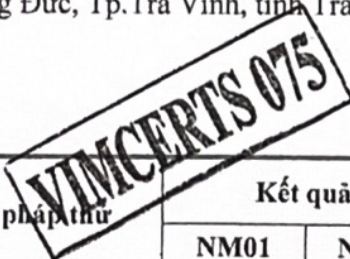
VILAS 533



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0003288.23
MSM: PNE.23.1282.NM01-02

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 09/06/2023
Ngày trả kết quả : 20/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08-MT: 2015/BTNMT
				NM01	NM02	Cột A2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	7,3	6 + 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,58	5,34	≥ 5
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	25	28	30
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6	4	6
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12	11	15
6	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,64	0,66	1
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,002	< 0,002	0,02
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,13	0,15	0,3
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	2,78	2,32	5
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	229	138	350
11	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	4,56	3,69	-
12	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,55	0,39	-
13	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	< 0,3	< 0,3	0,5
14	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,1 x 10 ³	1,5 x 10 ³	5.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- NM01: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải;
- NM02: Nước mặt tại nơi tiếp nhận nước thải 500 m theo chiều dòng chảy;
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong



Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn

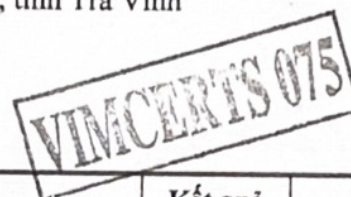


PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0001163.23

MSM: PNE.23.0521.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 14/03/2023
Ngày trả kết quả : 30/03/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
				NT01	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	28,6	-
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,41	5,5 + 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,0	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	-
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	52	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	23	100
7	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	4,8	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&C:2017	4,62	-
11	Tổng Nitơ ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	19,6	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,62	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	13,7	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- ^(#)Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

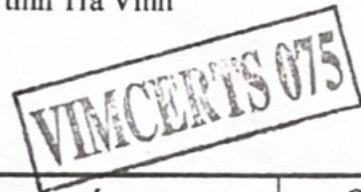
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0001161.23
MSM: PNE.23.0521.XQ01-02

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 14/03/2023
Ngày trả kết quả : 30/03/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
				XQ01	XQ02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,1	29,7	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,3	71,4	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6	0,5	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,2	66,9	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	80,1	81,6	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	52,6	51,2	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	53,1	58,6	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	136	142	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Không khí xung quanh tại khu vực bên trong khuôn viên kho chứa xăng, dầu;
- XQ02: Không khí xung quanh tại khu vực khuôn viên của kho trung chuyển;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b)QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

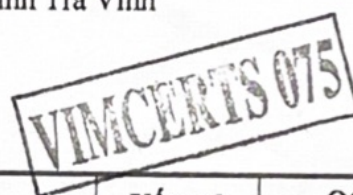
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0001162.23
MSM: PNE.23.0521.XQ03

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 14/03/2023
Ngày trả kết quả : 30/03/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				XQ03	05:2013/BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,6	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	71,4	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,3	70 ^a
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	84,2	300
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	48,1	350
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	49,3	200
8	Hydrocacbon (C _x H _y)	µg/m ³	NIOSH Method 1500	142	5.000 ^b

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ03: Không khí xung quanh tại khu vực bên ngoài kho chứa;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ^(b) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
PV/ Giám đốc



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

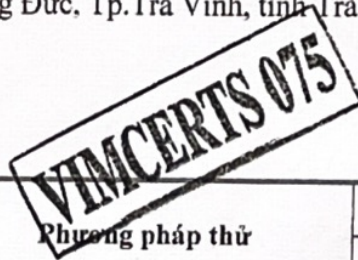
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0003287.23
 MSM: PNE.23.1282.NT01

Tên mẫu : Nước thải
 Tên khách hàng : KHO TRUNG CHUYÊN XĂNG DẦU TRÀ VINH
 Địa chỉ : Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Số lượng : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu : 09/06/2023
 Ngày trả kết quả : 20/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
				NT01	29:2010/BTNMT Cột B, Kho
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,5	-
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,68	5,5 ÷ 9
3	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,4	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	32	-
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	65	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	38	100
7	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	-
8	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,080	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	5,8	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&C:2017	5,9	-
11	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	29,62	-
12	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,58	-
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	21,9	-

Ghi chú:

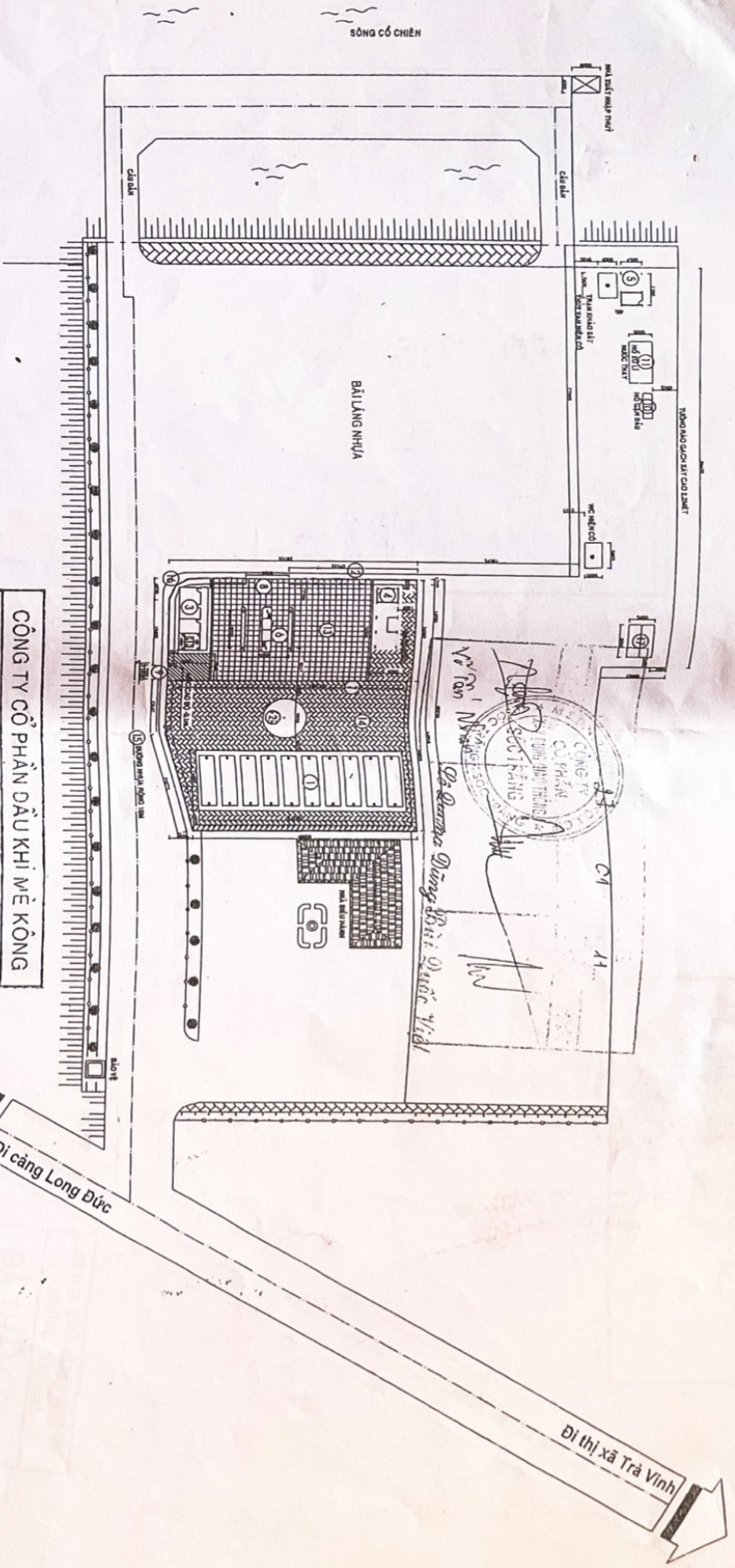
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của HTXLNT;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- ^(#)Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
 PHÂN TÍCH
 ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
 PHƯƠNG NAM
 TRƯỜNG RIÃN VŨNG TÀU

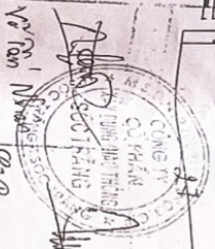
Lại Minh Tiến



CHI CHỮ

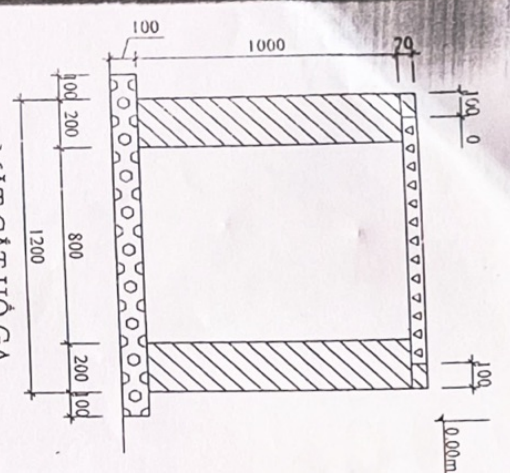
- ① CỤM BẾ TỬNÀ
- ② BỂ BƠM NƯỚC
- ③ KITCHEN
- ④ PHÒNG NGỦ
- ⑤ PHÒNG BẾP
- ⑥ PHÒNG CHÁY CHỮA CHẤY
- ⑦ NHÀ XƯỞI DẦU
- ⑧ BỂ NGĂN CHỨNG CỎ QU 12M
- ⑨ CỎ QU 12M VÀO PHÒNG 92A
- ⑩ CỎ QU 12M VÀO PHÒNG 13M
- ⑪ HỒ GIỮ DẦU
- ⑫ THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑬ HÀNG BẢO CỎ QU 22M
- ⑭ SÂN NHÀ A
- ⑮ SÂN NHÀ B
- ⑯ BƯỜNG HẸN MỒI
- ⑰ BƯỜNG CỎ QU 12M
- ⑱ NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MỀ KÔNG
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Căn Thờ ngày tháng năm

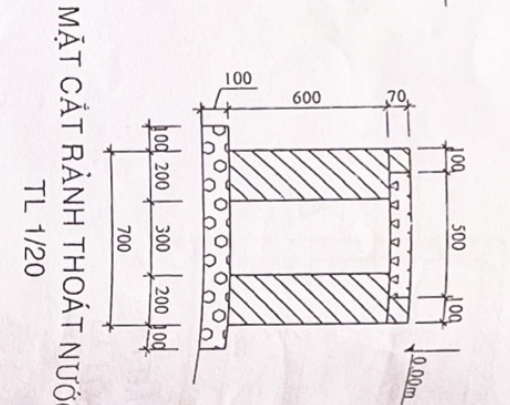


CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HƯNG THỊNH
ĐÃ THẨM TRA
 Số: 04.../PCT:HTCT Mệt (10/2010)

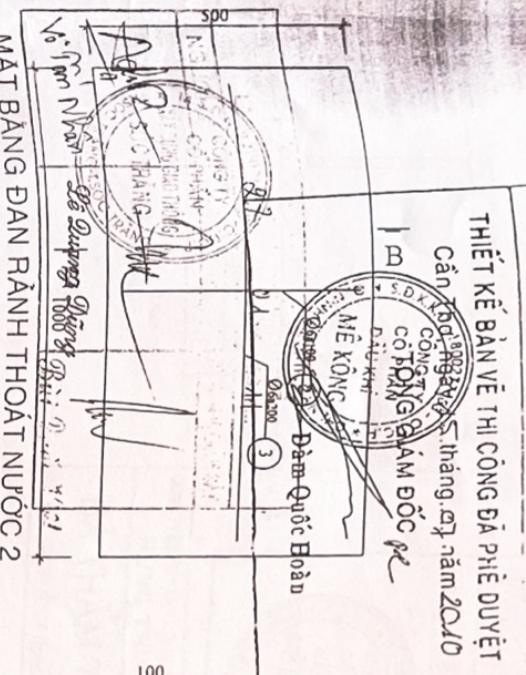
STRA		CÔNG TRÌNH: NHÀ THỜ CHỢ XÃ TRÀ VINH	
HANG MỤC: SÂN NỀN		MẶT BẰNG SÂN NỀN	
CHỨC VỤ	HỌ VÀ TÊN	SỐ COLUM	ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC	LE QUANG DINH	18	KẾ HOẠCH
CHỦ TRƯỞNG	LE CHINH	115	CHỦ ĐẦU TƯ
CHỦ TRƯỞNG	NGUYỄN CÔNG ANH		THI CÔNG
VỀ	LE KHUÊ HẢI		THI CÔNG
SIÊU TRƯA	TRẦN THANH KIỆT	073	SẢN MẸC
			1590
			10/2010



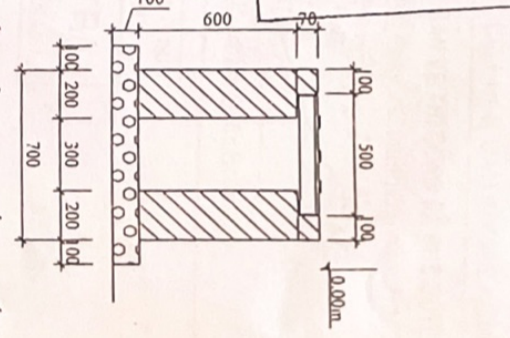
MẶT CẮT HỒ GA
TL 1/20



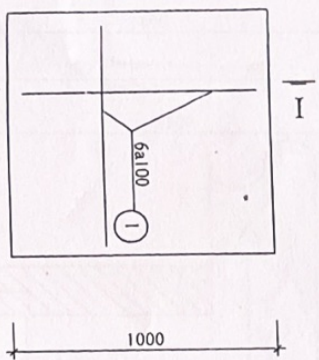
MẶT CẮT RÀNH THOÁT NƯỚC 2
TL 1/20



MẶT BẰNG ĐÀN RÀNH THOÁT NƯỚC 2
TL 1/10(22CK)



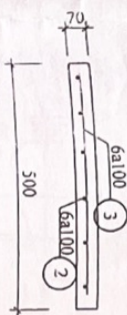
MẶT CẮT RÀNH THOÁT NƯỚC 1
TL 1/20



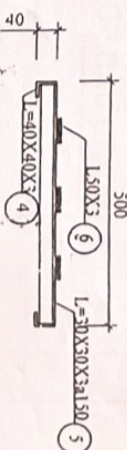
MẶT BẰNG ĐÀN HỒ GA
TL 1/20(6CK)



MẶT CẮT ĐÀN HỒ GA
TL 1/20(6CK)



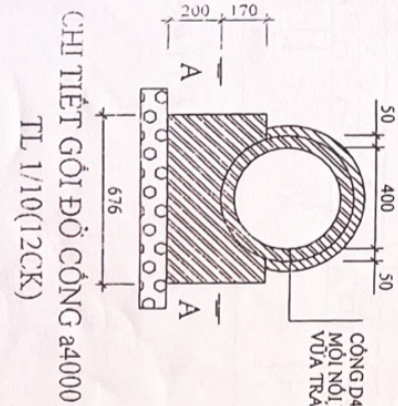
MẶT CẮT NẬP RÀNH 2
TL 1/20(6CK)



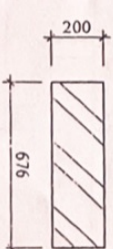
CHI TIẾT NẬP RÀNH THOÁT NƯỚC 1
TL 1/10

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
HÙNG THỊNH
ĐÃ THẨM TRA
Số: 04/BCT/HTCT/Ngày 16/01/2010

TÊN CK	SỐ HIỆU CK	SL CK	HÌNH DẠNG KINH THUỘC	DK	CHIỀU DÀI I THANH	SỐ LƯỢNG I CK	TB	CHIỀU DÀI I THANH	Kl.
HG	1	6	750	6	750	18	108	1089	24
HC	2	6	450	6	450	11	242	1029	24
	3	6	930	6	930	4	88	636	185
	4	1	L40X40X3X9733		50000	2	2	10147	191
	5	1	L30X30X3X716		700	333	338	2365	33
	6	1	50X3		50000	3	3	150	165



CHI TIẾT GỖ ĐỒ CÔNG 24000
TL 1/10(12CK)



MẶT CẮT A-A
TL 1/10

TRACOD

HỒ GA CÔNG RÀNH THOÁT

CÔNG TRÌNH VÀ THÔNG TIN CHI TIẾT VÀNG VÀNG ĐUÔI TRẠI VƯỜN

HÀNG MỤC: THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ PHÂN

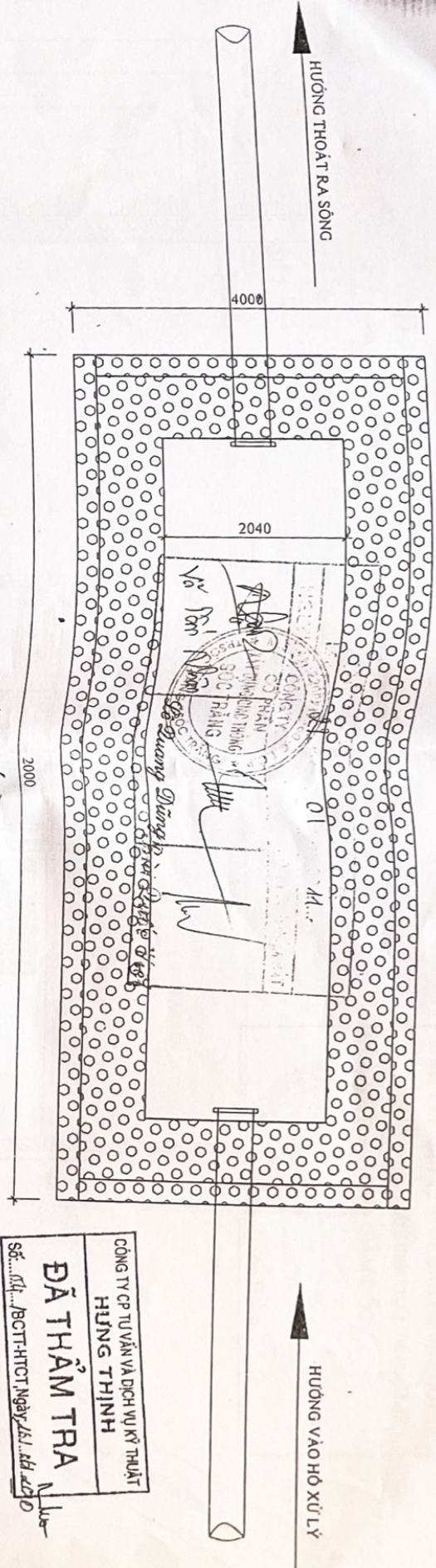
TRẠI VƯỜN VÀ THÔNG TIN CHI TIẾT VÀNG VÀNG ĐUÔI TRẠI VƯỜN

TRẠI VƯỜN VÀ THÔNG TIN CHI TIẾT VÀNG VÀNG ĐUÔI TRẠI VƯỜN

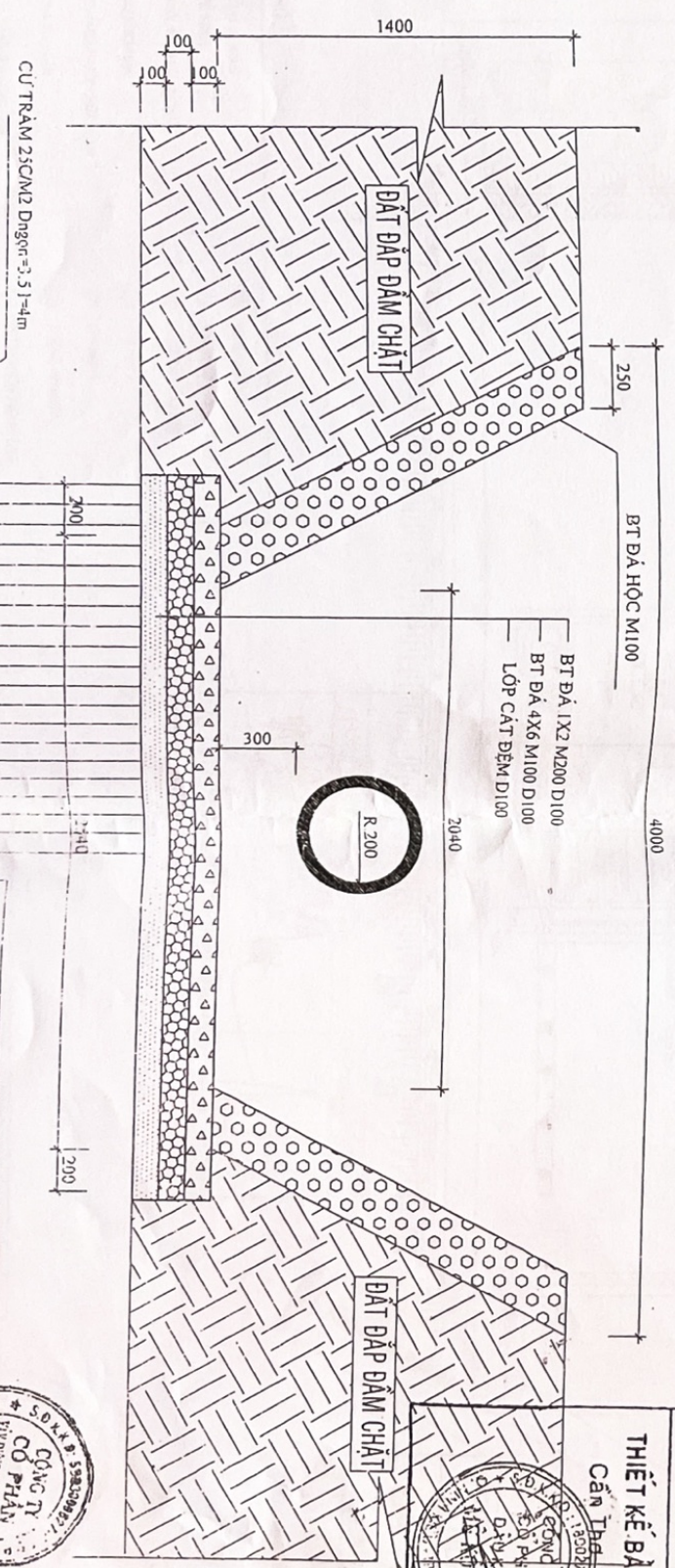
TRẠI VƯỜN VÀ THÔNG TIN CHI TIẾT VÀNG VÀNG ĐUÔI TRẠI VƯỜN

TRẠI VƯỜN VÀ THÔNG TIN CHI TIẾT VÀNG VÀNG ĐUÔI TRẠI VƯỜN

MẶT BÊN



MẶT CẮT NGANG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
HÙNG THỊNH
ĐÃ THẨM TRA
 Số.../ĐL.../BCTT-HTCT Ngày.../.../2010

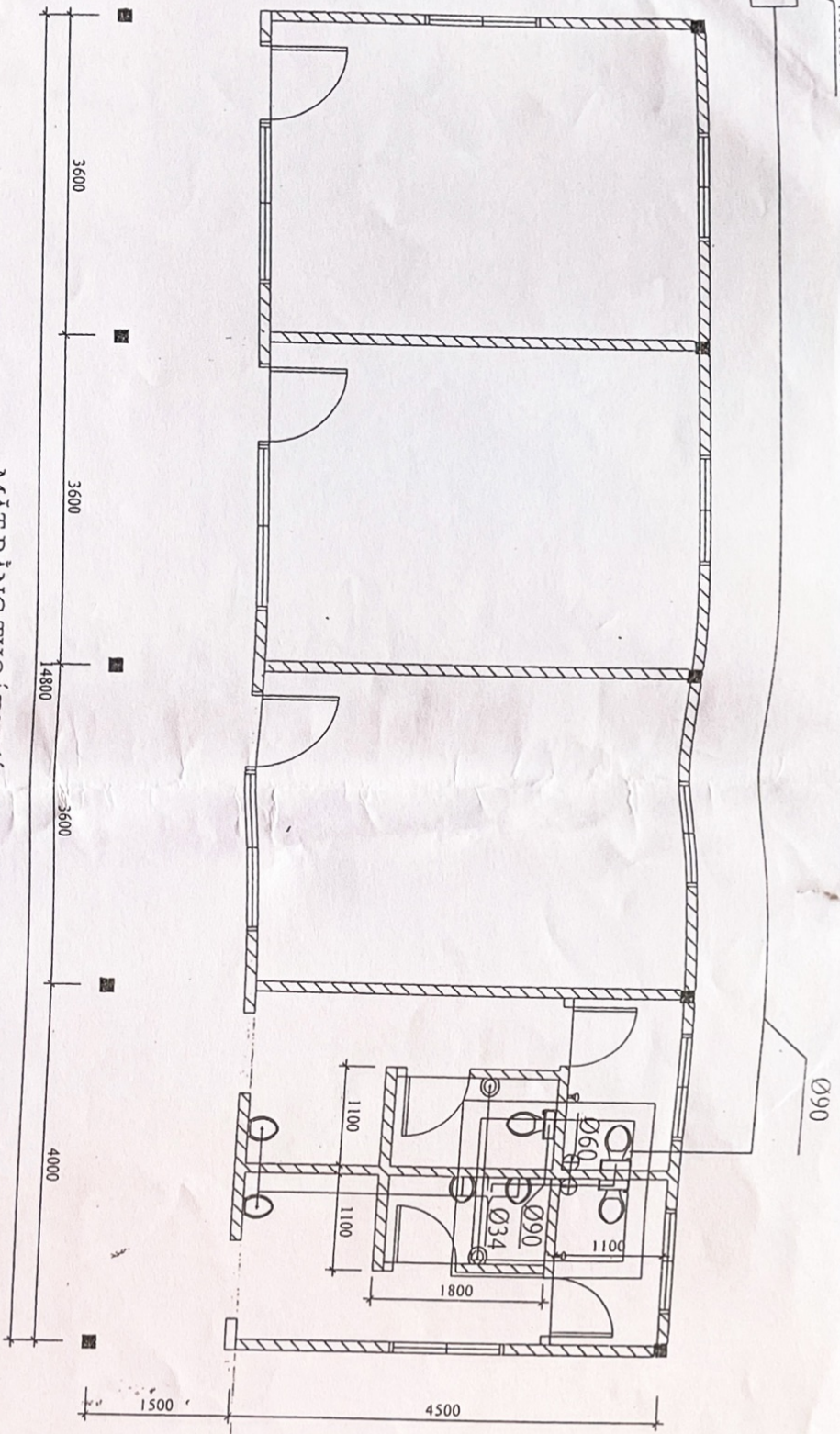
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÁ PHÉ DUYỆT
 Căn cứ ngày... tháng... năm 2010
CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC
 Ban Quốc Hội

STRABO

MẶT BẰNG MẶT CẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÙNG THỊNH
 HANG NUC HO XU LI MUOC THAI

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SIGNATURE	DATE
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

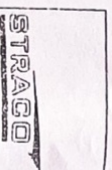


MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TL 1/50

CÔNG TY CỔ PHẦN YẾU KHÍ MỀ KÔNG
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Căn Thơ ngày 15... tháng 7... năm 2010
 CÔNG TY CỔ PHẦN YẾU KHÍ MỀ KÔNG
 CƠ PHÂN DẦU KHÍ
 MỀ KÔNG
 Đàm Quốc Hoàn

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
HÙNG THỊNH
ĐÃ THẨM TRA
 Số: 01/.../BCTT-HTC/ Ngày 15/08/2010

ĐẠI LƯU ĐƠN VỊ THI CÔNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN YẾU KHÍ MỀ KÔNG
 CƠ PHÂN DẦU KHÍ
 MỀ KÔNG
 Đàm Quốc Hoàn



CÔNG TRÌNH: KẾ HOẠCH CHỮA VÀNG ĐẦU TRÁI VINH
HANG MỤC: NHÀ Ở VĂN PHÒNG
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ QUÂN QUẢN ĐIỂM	SỐ QUÂN QUẢN ĐIỂM	SỐ QUÂN QUẢN ĐIỂM
1	LE QUANG DƯƠNG	18	KẾ HOẠCH	2010
2	LE THANH		QUẢN LÝ	
3	TRẦN THẠCH KIỆT	113	NGÀY 15/8	
4	LE NGUYỄN HẢI		T. L.	
5	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	079	NGÀY 15/8	